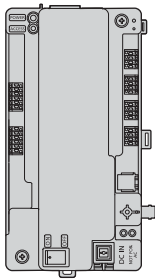


Hướng dẫn sử dụng và lắp đặt

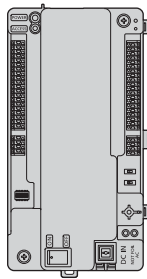
Điện thoại gọi cửa dành cho chung cư căn hộ
Mã model **Seri VL-V900 / VL-V901 và VL-V700**



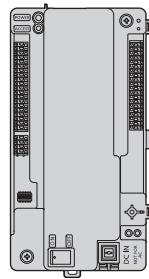
VL-V900
VL-V901



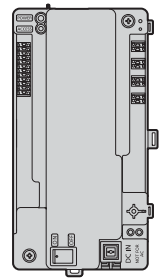
VL-V700



VL-V701



VL-V702



VL-V703

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm của Panasonic.

Vui lòng làm theo tất cả hướng dẫn trong tài liệu này và giữ lại để tham khảo về sau.

Hệ thống này không được thiết kế để hoàn toàn phòng tránh hiện tượng mất cấp tài sản. Trong phạm vi cho phép của pháp luật hiện hành, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hại nào phát sinh do mất cấp tài sản.

1. Giới thiệu

1.1	Tổng quát về hệ thống	3
-----	-----------------------------	---

7.4	Các điều khoản và hình minh họa trong tài liệu này.....	86
7.5	Xác định các tính năng nâng cao.....	87

2. Thông tin quan trọng

2.1	Thông tin an toàn quan trọng	8
2.2	Quyền riêng tư và sử dụng hình ảnh cá nhân	8
2.3	Bảo mật dữ liệu	9
2.4	Thông tin khác.....	9
2.5	Đối với châu Âu.....	10
2.6	Thông tin chung.....	10

3. Chuẩn bị

3.1	Các phụ kiện đi kèm.....	11
3.2	Sơ đồ thiết bị.....	14
3.3	Thông số kỹ thuật.....	17

4. Lắp đặt

4.1	Lưu ý khi cài đặt.....	22
4.2	Lắp đặt bộ cấp điện.....	22
4.3	Lắp đặt trạm thu hình gắn sảnh	24
4.4	Lắp đặt hộp điều khiển/hộp phân kênh/ bộ điều khiển thang máy/hộp mở rộng.....	27
4.5	Kết nối dây	29
4.6	Kết nối với các thiết bị khác	44
4.7	Các cài đặt cơ bản	45

5. Lập trình

5.1	Giới thiệu về lập trình	46
5.2	Lập trình PC	46
5.3	Lập trình trạm thu hình gắn sảnh	58
5.4	Lập trình điện thoại.....	62
5.5	Lập trình điều khiển chính	64
5.6	Lập trình hộp mở rộng	69
5.7	Lập trình nhiều hộp điều khiển	73
5.8	Cài đặt cuộc gọi công	74
5.9	Nhật ký hệ thống	77
5.10	Nâng cấp phần mềm hệ thống	78
5.11	Khởi động lại thiết bị.....	78
5.12	Đèn báo POWER và ACCESS.....	79

6. Sử dụng cơ bản

6.1	Các điều kiện và hạn chế của hệ thống	81
6.2	Vận hành trạm thu hình gắn sảnh	81
6.3	Thao tác của nhân viên bộ phận	83

7. Thông tin khác

7.1	Xử lý sự cố cơ bản.....	84
7.2	Vệ sinh	86
7.3	Thương hiệu.....	86

1.1 Tổng quát về hệ thống

Tài liệu này mô tả cách lắp đặt và cấu hình Điện thoại gọi cửa dành cho chung cư căn hộ bao gồm các thiết bị sau:

- Trạm thu hình gắn sảnh VL-V900/VL-V901
- Hộp điều khiển VL-V700
- Hộp phân kênh VL-V701
- Bộ điều khiển thang máy VL-V702
- Hộp mở rộng VL-V703

Ngoài ra, tài liệu cũng cung cấp thông tin chung để kết nối các thiết bị khác đến hệ thống.

1.1.1 Tính năng chính

Dung lượng lớn, có thể mở rộng

- Hệ thống hỗ trợ tới 560 bộ điều khiển phòng (điều khiển chính) và 3 trạm thu hình gắn sảnh.
- Các thiết bị tùy chọn như camera, bộ điều khiển ra vào (thiết bị mở cửa, công tắc chia khóa, máy quét thẻ, v.v.), khóa điện và có thể kết nối màn hình TV.
- Hệ thống có thể tích hợp với hệ thống PBX do nhân viên bộ phận sử dụng.
- Có thể dùng các hộp mở rộng để tăng số lượng trạm thu hình gắn sảnh dùng trong hệ thống. Có thể kết nối lên đến 3 hộp mở rộng với hộp điều khiển và lên đến 6 trạm thu hình gắn sảnh với mỗi hộp mở rộng.
- **Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**

Có thể kết nối lên đến 4 hộp điều khiển tới hộp mở rộng. Điều này cho phép hệ thống hỗ trợ lên đến 54*¹ trạm thu hình gắn sảnh và 2240 bộ điều khiển phòng (điều khiển chính).

*1 Liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin về mở rộng hệ thống.

Dễ dàng cấu hình và bảo trì

- Các cài đặt của hệ thống có thể được cấu hình trước bằng cách dùng máy tính tải lên trang bằng kết nối USB.
- Các cài đặt của hệ thống có thể được cấu hình trực tiếp trên trang web bằng cách sử dụng trạm thu hình gắn sảnh, điều khiển chính và máy lẻ PBX.
- Các sự kiện hệ thống có thể được ghi lại trên thẻ SD tùy chọn.

Các tính năng thuận tiện cho chủ căn hộ, khách và nhân viên bộ phận

- Hệ thống có thể được sử dụng với "chế độ phòng" (khách có thể gọi phòng trực tiếp) hoặc "chế độ lễ tân" (khách kết nối thẳng đến nhân viên lễ tân).
- Khách có thể sử dụng trạm thu hình gắn sảnh để gọi cho chủ căn hộ hoặc nhân viên bộ phận.
- Chủ căn hộ có thể sử dụng bộ điều khiển phòng (điều khiển chính) để giám sát trạm thu hình gắn sảnh và camera tùy chọn, và cho phép khách vào sảnh và thang máy.
- Chủ căn hộ có thể sử dụng điều khiển chính để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp cho nhân viên bộ phận. (Cần phải có VL-MVN511 hoặc các điều khiển chính tương thích khác.)
- Nhân viên bộ phận có thể gọi và nhận cuộc gọi đến và từ chủ căn hộ và khách.

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Nếu sử dụng cổng để gọi chủ nhà khi sử dụng cài đặt cuộc gọi cổng, chủ nhà có thể sử dụng điều khiển chính để kiểm tra hình ảnh từ cổng và biết ai là người gọi.

- Khi sử dụng 1 hộp điều khiển trong kết cấu với hộp mở rộng có số sê-ri hậu tố C, các cài đặt cuộc gọi cổng hỗ trợ lên đến 560 bộ điều khiển phòng.
- Để thực hiện hệ thống gồm ít nhất 2 hộp điều khiển, cần phải có hộp mở rộng số sê-ri hậu tố D hoặc sau đó. Trong trường hợp này, các cài đặt cuộc gọi cổng hỗ trợ lên đến 2240 bộ điều khiển phòng (trang 75, trang 91).

Cổng và trạm thu hình gắn sảnh hoặc camera ở cổng phải được cấu hình trước (trang 74).

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

- Khi bộ điều khiển thang máy sử dụng tín hiệu chuyển tiếp, các cài đặt dừng ở nhiều tầng đối với tất cả các thang máy (lên đến 5 cài đặt tầng riêng biệt) được hỗ trợ.
- Có thể cấu hình một "mã mở" dùng để mở khóa trạm thu hình gắn sảnh cho mỗi căn hộ.
- Khi một trạm thu hình gắn sảnh được mở khóa, một âm thanh thông báo được gửi từ trạm thu hình gắn sảnh tùy vào cài đặt.

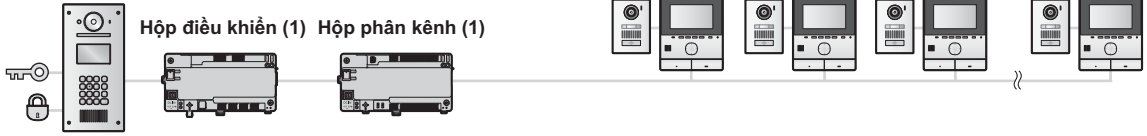
1. Giới thiệu

1.1.2 Cấu hình hệ thống

Ví dụ hệ thống cơ bản (lên đến 20 bộ điều khiển phòng)

Trạm thu hình gắn sảnh (1)

Bộ điều khiển phòng (lên đến 20 bộ)



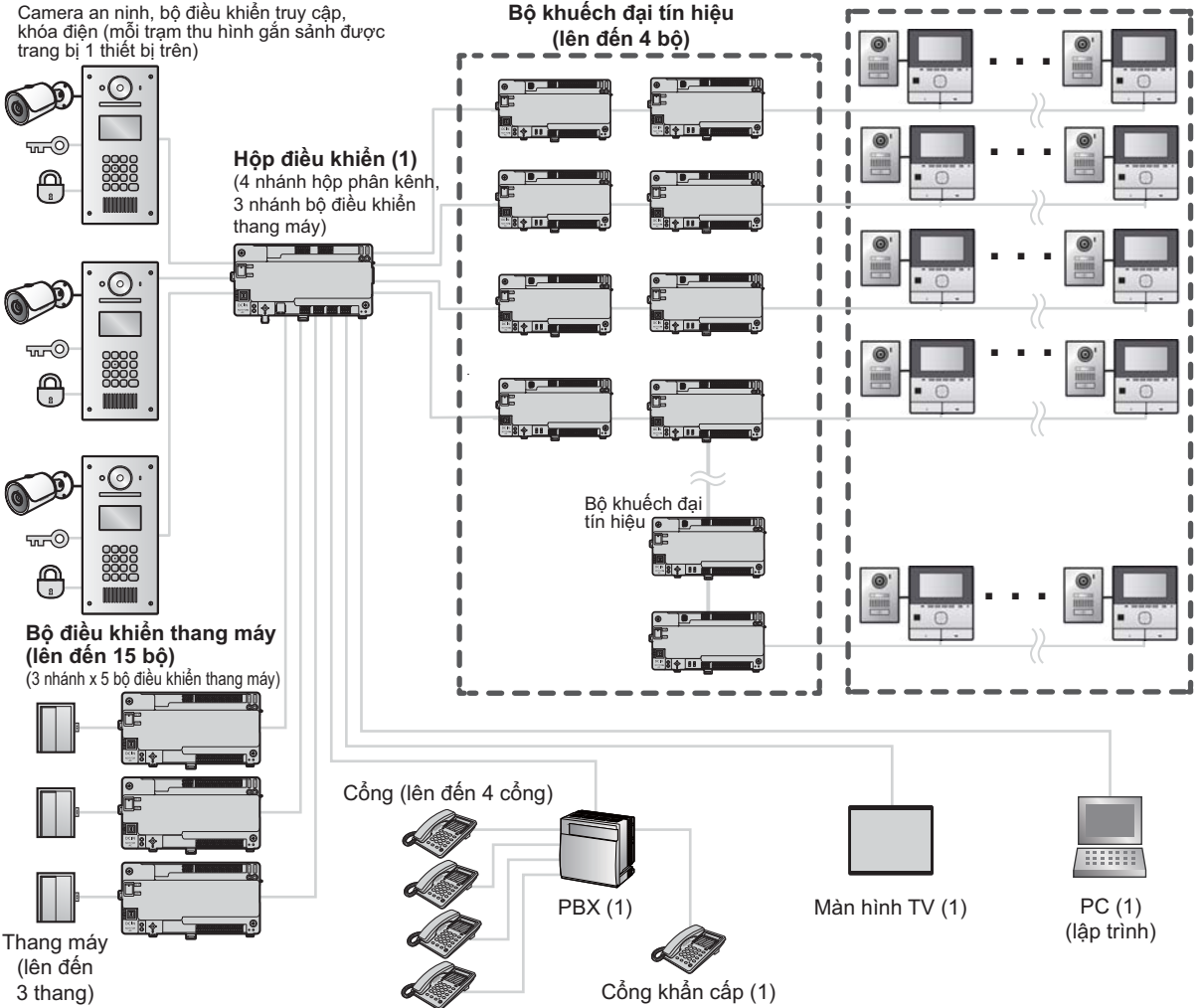
Ví dụ hệ thống mở rộng đầy đủ

Trạm thu hình gắn sảnh
(lên đến 3 trạm)

Camera an ninh, bộ điều khiển truy cập, khóa điện (mỗi trạm thu hình gắn sảnh được trang bị 1 thiết bị trên)

Hộp phân kênh (lên đến 28 hộp)
(4 nhánh x 7 hộp phân kênh)

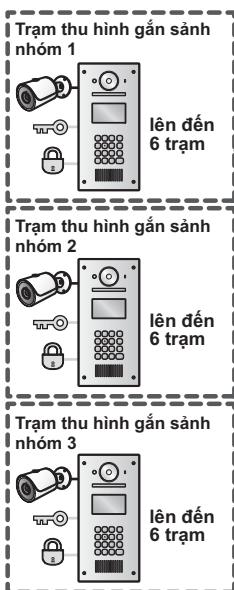
Bộ điều khiển phòng (lên đến 560 bộ)
(20 bộ điều khiển phòng x 28 hộp phân kênh)



Ví dụ hệ thống mở rộng đầy đủ với ví dụ hộp mở rộng

Trạm thu hình gắn sảnh (lên đến 18 trạm)

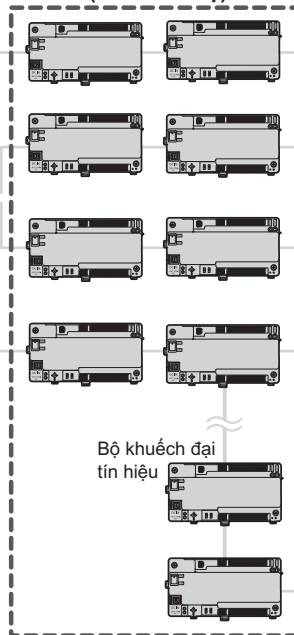
Camera an ninh, bộ điều khiển truy cập, khóa điện (mỗi trạm thu hình gắn sảnh được trang bị 1 thiết bị trên)



Hộp mở rộng (lên đến 3 hộp)

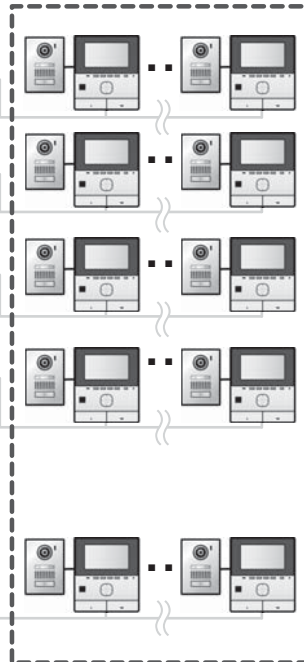
Hộp điều khiển (1)
(4 nhánh hộp phân kênh, 3 nhánh hộp điều khiển thang máy)

Hộp phân kênh (lên đến 28 hộp)
(4 nhánh x 7 hộp phân kênh)
Bộ khuếch đại tín hiệu (lên đến 4 bộ)

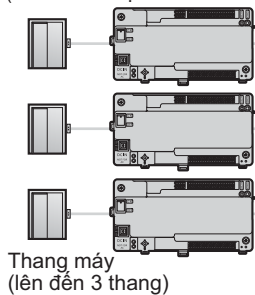


Bộ điều khiển phòng (lên đến 560 bộ)

(20 bộ điều khiển phòng x 28 hộp phân kênh)



Bộ điều khiển thang máy (lên đến 15 bộ)
(3 nhánh x 5 bộ điều khiển thang máy)



Cổng (lên đến 4 cổng)



PBX (1)

Màn hình TV (1)

PC (1) (lập trình)

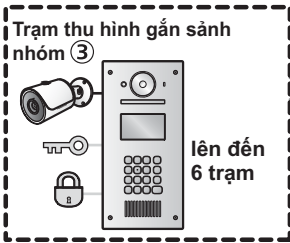
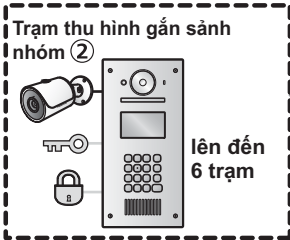
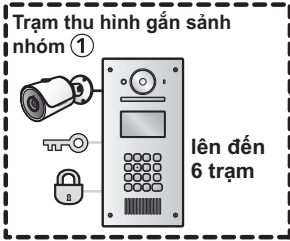
Cổng khẩn cấp (1)

1. Giới thiệu

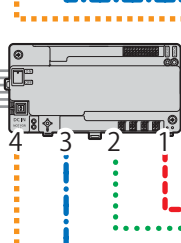
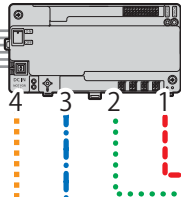
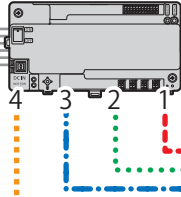
Ví dụ về hệ thống mở rộng cho các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Trạm thu hình gắn sảnh (lên đến 18 trạm)*¹

Camera an ninh, bộ điều khiển truy cập, khóa điện
(mỗi trạm thu hình gắn sảnh được trang bị 1 thiết bị trên)

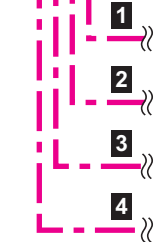
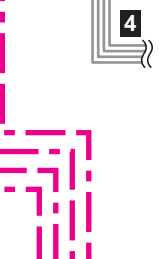
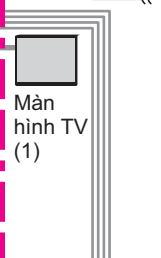
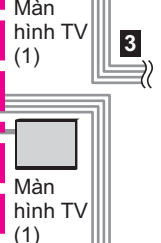
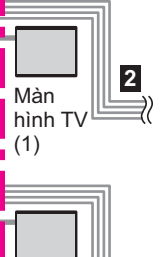
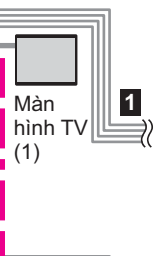
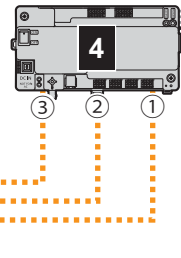
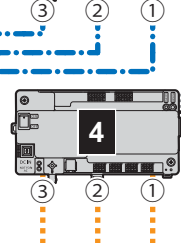
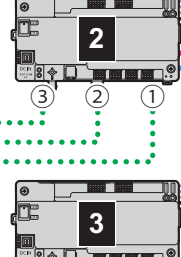
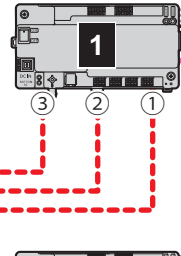


Hộp mở rộng¹ (lên đến 3 hộp)



Hộp điều khiển (lên đến 4 hộp)

(4 nhánh hộp phân kênh,
3 nhánh hộp điều khiển thang máy)



Hệ thống PBX (lên đến 16 cổng)

(4 hộp điều khiển x 4 cổng)

Cổng (lên đến 4 cổng)

Cổng khẩn cấp (1)

(mỗi hộp điều khiển được trang bị tối đa 1 thiết bị)

PBX (1)



PC (1) (lập trình)

Kết nối cáp USB với mỗi hộp điều khiển và tải dữ liệu hệ thống bằng công cụ cài đặt.

*1 Hệ thống mở rộng đầy đủ hỗ trợ lên đến 54 trạm thu hình gắn sảnh. (Hãy liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin về mở rộng hệ thống.)

*2 Số hộp phân kênh có thể tăng từ 7 tới 10. Tuy nhiên, số bộ điều khiển phòng đã hỗ trợ sẽ không thay đổi ở 560 bộ.

<Đối với toàn bộ hệ thống>

Hộp phân kênh (lên đến 160 hộp)

(4 hộp điều khiển x 4 nhánh x 10 hộp phân kênh)

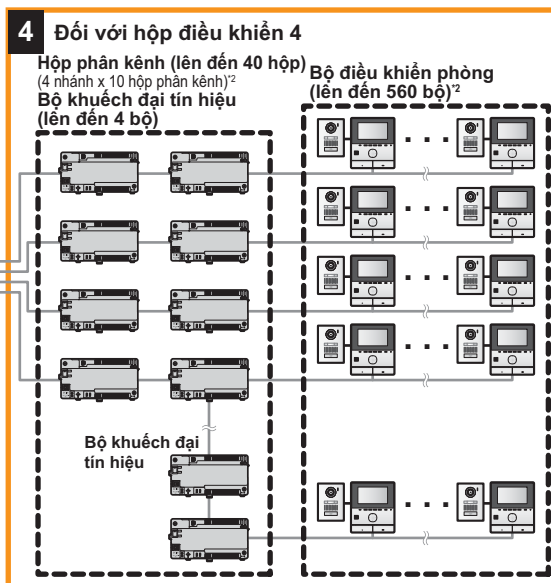
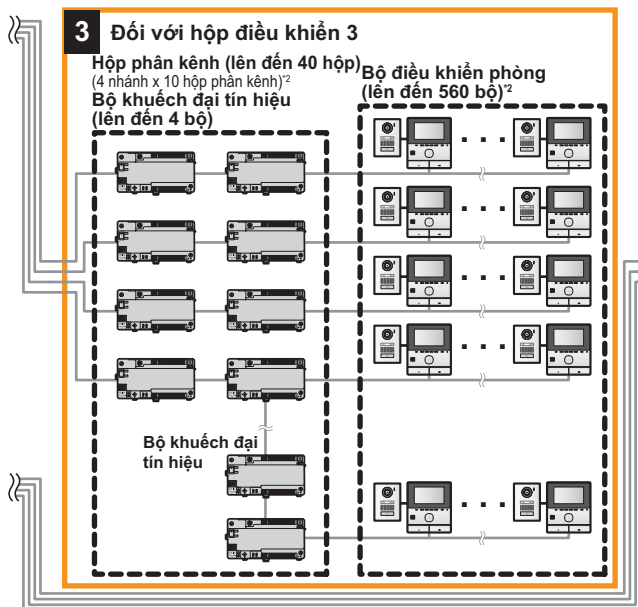
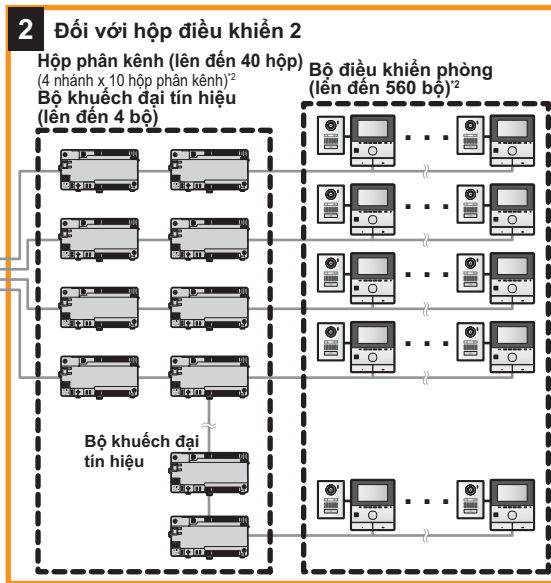
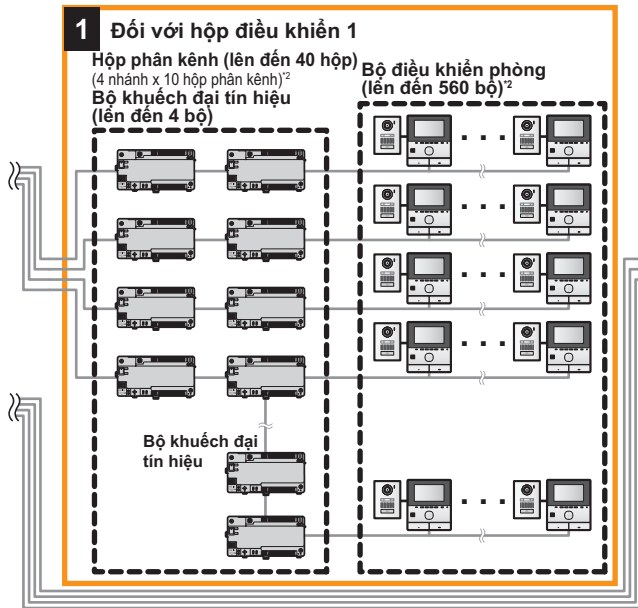
Bộ khuếch đại tín hiệu (lên đến 16 bộ)

(4 hộp điều khiển x 4 nhánh)

<Đối với toàn bộ hệ thống>

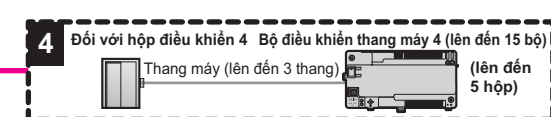
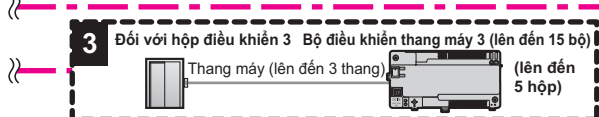
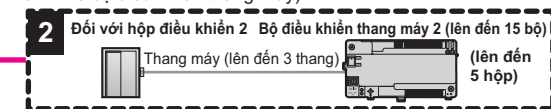
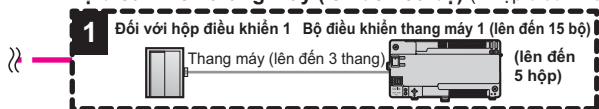
Bộ điều khiển phòng (lên đến 2240 bộ)

(4 hộp điều khiển x 560 bộ điều khiển phòng)²



<Đối với toàn bộ hệ thống>

Bộ điều khiển thang máy (lên đến 60 bộ) (4 hộp điều khiển x 3 nhánh x 5 bộ điều khiển thang máy)



2. Thông tin quan trọng

2.1 Thông tin an toàn quan trọng

Để tránh thương tích nghiêm trọng, tử vong hoặc hư hỏng tài sản, vui lòng đọc kỹ mục này trước khi sử dụng sản phẩm để đảm bảo sản phẩm hoạt động chính xác và an toàn.



Để tránh hỏa hoạn và sốc điện

- Sản phẩm phải được lắp đặt bởi nhân viên có trình độ.
- Chỉ đối với Úc/New Zealand:**
Chỉ VL-PS240: Việc lắp đặt phải được thực hiện bởi thợ điện có chuyên môn. Việc đi dây phải thực hiện theo nguyên tắc đi dây AS/NZS 3000.
- Chỉ sử dụng bộ cấp điện VL-PS240.
- Không đặt các vật dụng lên dây nguồn. Lắp đặt sản phẩm ở vị trí sao cho dây dẫn không bị dẫm hoặc bị vướng.
- Không kéo mạnh, uốn cong hoặc đặt các vật dụng nặng lên dây nguồn.
- Đảm bảo các mối nối từ nguồn điện đến bộ cấp điện an toàn.
- Không chạm vào bộ cấp điện bằng tay ướt.
- Không sử dụng bộ cấp điện khi lắp đặt ở ngoài trời (chỉ sử dụng ở trong nhà).
- Không được phép tháo dỡ sản phẩm trong điều kiện hoạt động bình thường. Khi cần sửa chữa, vui lòng liên hệ trung tâm bảo trì ủy quyền. Mở hoặc tháo bỏ nắp đậy có thể gây điện giật hoặc các rủi ro khác. Tuy nhiên, khi tháo nắp trạm thu hình gắn sảnh để điều chỉnh âm lượng, trước tiên hãy ngắt cầu dao điện. Sau đó, tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng và lắp đặt trạm thu hình gắn sảnh an toàn và chuẩn xác.
- Không chạm vào sản phẩm và bộ cấp điện khi có giông bão. Người dùng có thể bị sốc điện do sấm sét.
- Không để vật lạ lọt vào các khe trong sản phẩm.
- Ngắt nguồn điện sản phẩm và liên hệ trung tâm bảo trì ủy quyền nếu xảy ra các trường hợp sau:
 - Xuất hiện khói, mùi lạ hoặc âm thanh bất thường.
 - Dây nguồn bị hư hỏng hoặc bị tróc vỏ bọc.
 - Vật bằng kim loại rơi vào bên trong sản phẩm.

Phòng tránh tai nạn

- Thẻ SD có thể gây ra rủi ro mắc nghẹn. Để thẻ SD cách xa tầm với của trẻ. Ngay lập tức liên hệ bác sĩ nếu nghi ngờ trẻ nuốt phải thẻ SD.



- Chắc chắn ngắt cầu dao trước khi thực hiện công việc đấu dây.
- Luôn nối dây AC hoặc DC vào các cực kết nối thích hợp. Nối không đúng các dây AC hoặc DC có thể gây hư hỏng bộ cấp điện.
- Để tránh làm tuột dây nguồn và tránh bị sốc điện, sử dụng đai giữ dây (phụ kiện) để buộc dây và gắn phần che cấp vào.
- Gài hết dây vào các cổng. Nếu dây không được gài hết vào các cổng có thể sinh nhiệt.
- Nếu đi dây ở ngoài trời, sử dụng ống bảo vệ hoặc thiết bị chống sét.
- Nếu đi dây ngầm, sử dụng ống bảo vệ, đồng thời không thực hiện các mối nối khi đi dây ngầm.
- Lắp đặt thiết bị chắc chắn theo các hướng dẫn trong tài liệu này, tránh làm rơi thiết bị. Tránh lắp thiết bị lên tường có tải trọng thấp, như vách thạch cao, bê tông xốp, gạch xi măng rỗng hoặc tường gỗ ép (độ dày nhỏ hơn 18 mm).
- Bộ cấp điện là thiết bị ngắt kết nối chính. Đảm bảo lắp đặt nguồn điện gần thiết bị và lắp ở vị trí dễ tiếp cận.
- Không được để tai gần loa do âm lượng lớn phát ra từ loa có thể làm giảm thính lực.
- Để giảm nguy cơ xảy ra hỏa hoạn, điện giật hoặc thương tích, cần phải tuân theo các cảnh báo an toàn cơ bản khi sử dụng sản phẩm,
 - Không đặt sản phẩm (ngoại trừ trạm thu hình gắn sảnh) gần khu vực có nước. Ví dụ: gần bồn tắm, chậu rửa, bồn rửa bát, chậu giặt, nơi ẩm ướt hoặc gần bể bơi hay các vị trí tương tự.
 - Chỉ sử dụng bộ cấp điện theo chỉ dẫn trong tài liệu này.

CÁT GIỮ CÁC HƯỚNG DẪN NÀY

2.2 Quyền riêng tư và sử dụng hình ảnh cá nhân

Khi lắp đặt hoặc sử dụng sản phẩm, vui lòng xem xét vấn đề quyền riêng tư và quyền sử dụng hình ảnh cá nhân.

- "Quyền riêng tư" có nghĩa là quyền của một cá nhân hoặc một nhóm người nào đó không cho phép người khác biết các thông tin cá nhân của họ, ngoại trừ những người mà họ muốn. "Quyền sử dụng hình ảnh cá nhân" có nghĩa là quyền không cho phép chụp và sử dụng hình ảnh cá nhân mà chưa được sự đồng ý của cá nhân đó.
- Hãy tuân thủ các quy định pháp luật (bảo vệ dữ liệu, giám sát video) tại quốc gia của bạn trong quá trình sử dụng.

2.3 Bảo mật dữ liệu

Phải tuân theo các hướng dẫn về bảo mật dữ liệu (liệt kê bên dưới) để sử dụng hệ thống an toàn và chuẩn xác. Không làm vậy có thể dẫn đến các nguy cơ sau:

- Mất mát, rò rỉ, xuyên tạc, đánh cắp thông tin người dùng.
- Bên thứ ba không được ủy quyền sử dụng hệ thống trái phép.
- Bên thứ ba cản trở hoặc làm gián đoạn dịch vụ.

Thông tin người dùng là gì?

Thông tin người dùng là các thông tin sau.

1. Thông tin lưu trữ trên thẻ SD
 - Thông tin sự kiện hệ thống
 - Hình ảnh camera điện thoại cửa
2. Thông tin lưu trữ tại hộp điều khiển và trạm thu hình gắn sảnh
 - Tên chủ nhà và số phòng
 - Cài đặt hệ thống
3. Thông tin lưu trữ tại máy tính dùng làm công cụ cài đặt
 - Tên chủ nhà và số phòng
 - Cài đặt hệ thống

Hướng dẫn bảo mật dữ liệu

- **Không cho phép truy cập trái phép vào hộp điều khiển và thẻ SD.**

Nên lắp hộp điều khiển tại nơi hạn chế tiếp cận, nơi chỉ có người được ủy quyền mới được tiếp cận thông qua các công cụ đặc biệt, ổ khóa và chìa khóa hoặc các công cụ bảo mật khác.

Lưu ý rằng thẻ SD chứa tất cả các thông tin sự kiện của hệ thống, thẻ nhớ có thể bị xóa nếu ai đó truy cập được vào hộp điều khiển.

- **Quản lý mật khẩu, mã truy cập v.v. đúng cách.**
Mã truy cập dùng để lập trình hệ thống, mở cửa v.v. Chọn mã khó đoán, thay đổi mã thường xuyên và bảo mật mã.
- **Bảo vệ thông tin người dùng khi mang hộp điều khiển hoặc trạm thu hình gắn sảnh đi sửa chữa hoặc đưa cho bên thứ ba.**
Tháo thẻ SD ra khỏi hộp điều khiển. Đặt tại nơi an toàn cho đến khi dùng lại.
Sử dụng dụng cụ cài đặt để tải toàn bộ dữ liệu trong hộp điều khiển và trạm thu hình gắn sảnh. (Sao lưu toàn bộ dữ liệu và lưu trữ trên máy tính). Sau đó, dùng dụng cụ cài đặt để tải toàn bộ các tập tin cấu hình trống (ví dụ: tập tin không chứa thông tin người dùng) lên hộp điều khiển hoặc trạm thu hình gắn sảnh.
- **Bảo vệ thông tin người dùng được lưu trữ trong máy tính dùng để cấu hình hệ thống.**

Khi thông tin người dùng gửi đi được lưu trữ trên máy tính, việc bảo mật thông tin đó là trách nhiệm của khách hàng. Trước khi thải bỏ máy tính, đảm

bảo không thể truy hồi dữ liệu bằng cách định dạng lại ổ cứng và/hoặc vô hiệu hóa thiết bị.

- **Bảo vệ thông tin người dùng khi thải bỏ hộp điều khiển hoặc trạm thu hình gắn sảnh.**

Tháo thẻ SD ra khỏi hộp điều khiển. Vô hiệu hóa thiết bị và thải bỏ.

Dùng dụng cụ cài đặt để tải toàn bộ các tập tin cấu hình trống (ví dụ: tập tin không chứa thông tin người dùng) lên hộp điều khiển hoặc trạm thu hình gắn sảnh.

2.4 Thông tin khác

- Nếu không sử dụng sản phẩm, hãy tháo sản phẩm ra khỏi tường, tránh để sản phẩm tự rơi.
- Không thể sử dụng sản phẩm khi mất điện.
- Panasonic không chịu trách nhiệm cho các hỏng hóc phát sinh từ các yếu tố bên ngoài như mất điện.
- Hình ảnh đã ghi có thể bị mất khi:
 - Thao tác sai
 - Sốc điện hoặc nhiễu sóng vô tuyến.
 - Nguồn điện bị ngắt trong khi sử dụng.
- Trong phạm vi cho phép của pháp luật hiện hành, Panasonic không chịu trách nhiệm đối với các thương tích hoặc hư hỏng tài sản do lắp đặt hoặc vận hành không đúng với tài liệu này.

Thải bỏ thiết bị cũ (Chỉ áp dụng tại Liên Minh Châu Âu và các quốc gia có hệ thống tái chế)



Biểu tượng này (①) trên sản phẩm, bao bì và/hoặc tài liệu đi kèm có nghĩa là các sản phẩm điện & điện tử qua sử dụng không được xử lý chung với rác thải gia đình khác.

Để xử lý, phục hồi và tái chế các sản phẩm cũ, vui lòng mang đến các điểm thu hồi phù hợp với luật pháp quốc gia.

Thải bỏ các sản phẩm và pin đúng cách sẽ tiết kiệm nguồn tài nguyên có giá trị và ngăn chặn tác động tiềm ẩn có hại cho sức khỏe con người và môi trường. Để biết thêm thông tin về thu gom và tái chế, xin vui lòng liên hệ chính quyền địa phương.

Việc thải bỏ sản phẩm không đúng quy định có thể bị phạt theo luật của từng nước.

Thông tin về việc thải bỏ sản phẩm tại các quốc gia khác ngoài Liên Minh Châu Âu

Biểu tượng này (①) chỉ có hiệu lực tại Liên Minh Châu Âu. Nếu muốn thải bỏ sản phẩm này, vui lòng liên hệ chính quyền địa phương hoặc đại lý bán hàng để biết cách thải bỏ hợp lý.

2. Thông tin quan trọng

2.5 Đối với châu Âu

Thông tin thiết kế sinh thái

Thông tin thiết kế sinh thái theo Quy định của Ủy ban liên minh châu Âu 1275/2008 được sửa đổi theo quy định của Ủy ban liên minh châu Âu Số 801/2013. Từ tháng 1, 2015.

Vui lòng truy cập trang web:

<http://www.ptc.panasonic.eu/erp>

Tích vào [Downloads] → [Energy related products information (Public)]

Tiêu thụ điện năng ở chế độ chờ nối mạng và các hướng dẫn cũng được đề cập trong trang web trên.

Để biết thông tin về Tuân thủ các Chỉ thị Quy định Liên quan của EU,

Vui lòng liên hệ Đại diện được Ủy quyền:

Panasonic Testing Centre













Panasonic Marketing Europe GmbH

Winsbergring 15, 22525 Hamburg, Germany

<http://www.ptc.panasonic.eu/doc>

2.6 Thông tin chung

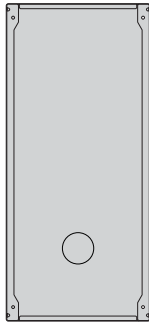

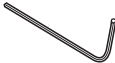
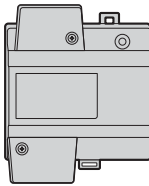


Biểu tượng đồ họa có trên thiết bị và thuyết minh

Biểu tượng	Diễn giải
	Dòng điện xoay chiều (A.C.)
	Dòng điện một chiều (D.C.)
	Nối đất bảo vệ
	Nối đất đẳng thế bảo vệ
	Nối đất chức năng
	Chỉ dành cho sử dụng trong nhà
	Thiết bị loại II (thiết bị có khả năng chống điện giật dựa vào khả năng cách điện 2 lớp hoặc cách điện tăng cường)
	"ON" (điện nguồn)
	"OFF" (điện nguồn)
	Chờ (điện nguồn)
	"ON"/"OFF" (điện nguồn; ấn-ấn)
	Cảnh báo, nguy hiểm điện giật



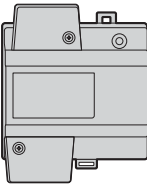


3.1 Các phụ kiện đi kèm

3.1.1 Trạm thu hình gắn sảnh

Các phụ kiện bổ sung cần để lắp đặt được ghi trong trang 13.



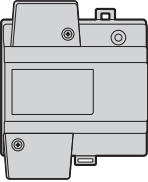


Mục	Số lượng
Hộp âm tường 	1
Vít (để cố định trạm thu hình gắn sảnh vào hộp âm tường) 4 mm × 25 mm 	4
Cờ-lê lục giác 	1
Bộ cấp điện VL-PS240 	1
Vít (để gắn bộ cấp điện) 4 mm × 40 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định cáp AC và DC) 	2

3.1.2 Hộp điều khiển



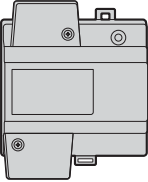


Mục	Số lượng
Vít (để gắn hộp) 3,8 mm × 20 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định các dây cáp được kết nối) 	1
Bộ cấp điện VL-PS240 	1
Vít (để gắn bộ cấp điện) 4 mm × 40 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định dây cáp AC và DC) 	2

3. Chuẩn bị



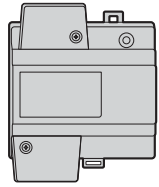


3.1.3 Hộp phân kênh

Mục	Số lượng
Vít (để gắn hộp) 3,8 mm × 20 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định các dây được kết nối) 	1
Bộ cấp điện VL-PS240 	1
Vít (để gắn bộ cấp điện) 4 mm × 40 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định dây cáp AC và DC) 	2

3.1.4 Bộ điều khiển thang máy

Mục	Số lượng
Vít (để gắn hộp) 3,8 mm × 20 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định các dây được kết nối) 	1
Bộ cấp điện VL-PS240 	1
Vít (để gắn bộ cấp điện) 4 mm × 40 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định dây cáp AC và DC) 	2

3.1.5 Hộp mở rộng

Mục	Số lượng
Vít (để gắn hộp) 3,8 mm × 20 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định các dây được kết nối) 	1
Bộ cấp điện VL-PS240 	1
Vít (để gắn bộ cấp điện) 4 mm × 40 mm 	2
Đai giữ dây (để cố định dây cáp AC và DC) 	2

3.1.6 Phụ kiện bổ sung

Các phụ kiện sau cũng cần để lắp đặt nhưng không đi kèm.

– Cáp nguồn

Được sử dụng để kết nối bộ cấp điện đến trạm thu hình gắn sảnh, hộp điều khiển, hộp phân kênh, và bộ điều khiển thang máy. Để biết thông tin chi tiết, tham khảo trang 36.

– Dây tín hiệu

Được sử dụng để kết nối trạm thu hình gắn sảnh, hộp điều khiển, hộp phân kênh, bộ điều khiển thang máy, điều khiển chính và các thiết bị khác. Để biết thông tin chi tiết, tham khảo trang 36.

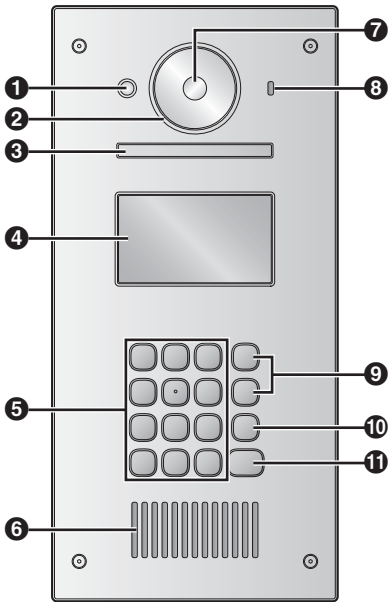
– Thẻ SD

Được sử dụng để ghi lại thông tin sự kiện của hệ thống. Để biết thông tin chi tiết, tham khảo trang 77.

3.2 Sơ đồ thiết bị

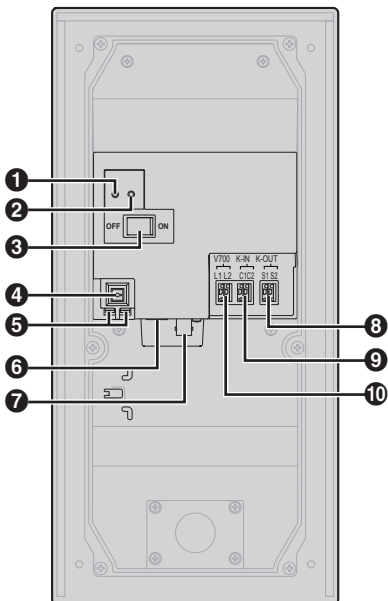
3.2.1 Trạm thu hình gắn sảnh

Mặt trước



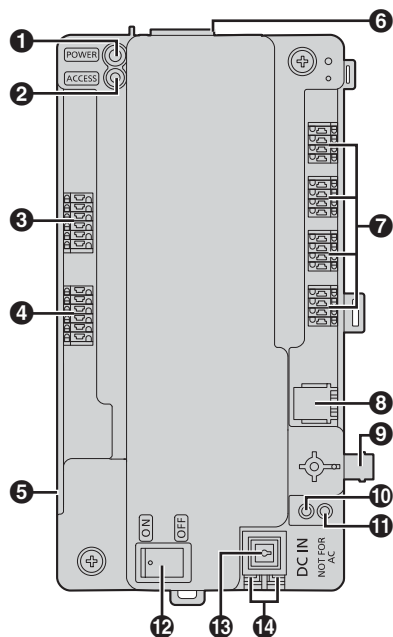
- 1 Cảm biến nhiệt**
Mở màn hình khi có khách.
- 2 Nắp thấu kính**
- 3 Đèn**
Chiếu sáng các vật thể trong bóng tối.
- 4 Màn hình hiển thị**
- 5 Bàn phím**
- 6 Loa**
- 7 Thấu kính camera**
- 8 Micro**
- 9 Các nút tìm kiếm (▲ và ▼)**
Được sử dụng để chọn danh mục hiển thị trên màn hình.
- 10 Nút hủy (X)**
- 11 Nút gọi (△)**

Mặt sau



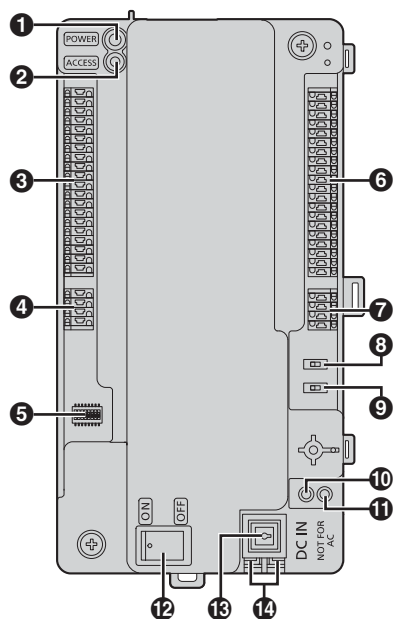
- 1 Nút cài đặt lại (●)**
Được sử dụng để khởi động lại trạm thu hình gắn sảnh.
- 2 Nút chức năng (●●)**
Chỉ để sử dụng nội bộ.
- 3 Công tắc nguồn**
- 4 Nút tháo cáp cho cáp nguồn DC**
- 5 Các cổng kết nối nguồn điện**
- 6 Cổng USB**
Chỉ để sử dụng nội bộ.
- 7 Bộ kết nối đồng trục cho camera bên ngoài**
- 8 Các cổng kết nối (đầu ra) cho khóa điện (K-OUT)**
Được sử dụng để gửi tín hiệu đến khóa điện.
- 9 Các cổng tín hiệu (đầu vào) cho bộ điều khiển truy cập (K-IN)**
Được sử dụng để nhận tín hiệu từ bộ điều khiển truy cập.
- 10 Các cổng kết nối cho hộp điều khiển và hộp mở rộng**

3.2.2 Hộp điều khiển



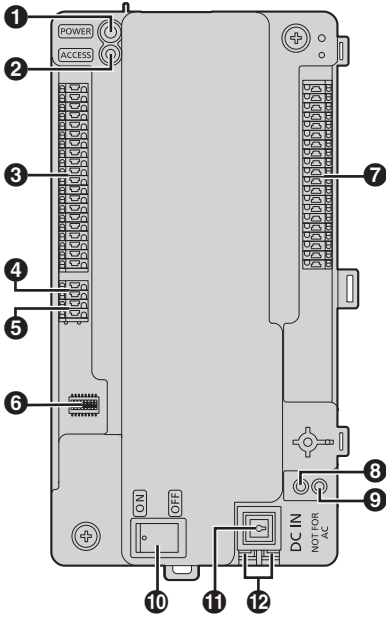
- ❶ Đèn báo nguồn (POWER)
Tham khảo 5.12.1 Các đèn báo của hộp điều khiển (Trang 79).
- ❷ Đèn báo truy cập (ACCESS)
Tham khảo 5.12.1 Các đèn báo của hộp điều khiển (Trang 79).
- ❸ Các cổng kết nối cho trạm thu hình gắn sẵn và hộp mở rộng
- ❹ Các cổng kết nối cho bộ điều khiển thang máy
- ❺ Cổng USB (dưới nắp chắn bụi)
USB 2.0, bộ kết nối tiêu chuẩn B. Được sử dụng để lập trình PC.
- ❻ Khe cắm thẻ SD
Được sử dụng để lưu nhật kí hệ thống.
- ❼ Các cổng kết nối cho hộp phân kênh
- ❽ Giắc RJ11 để kết nối với PBX
- ❾ Bộ kết nối đồng trục cho màn hình TV bên ngoài
- ❿ Nút cài đặt lại (●)
Được sử dụng khi khởi động lại hộp điều khiển.
- ⓫ Nút chức năng (●●)
Chỉ để sử dụng nội bộ.
- ⓬ Công tắc nguồn
- ⓭ Nút tháo cáp cho cáp cấp nguồn DC
- ⓮ Các cổng kết nối cho bộ cấp nguồn DC

3.2.3 Hộp phân kênh



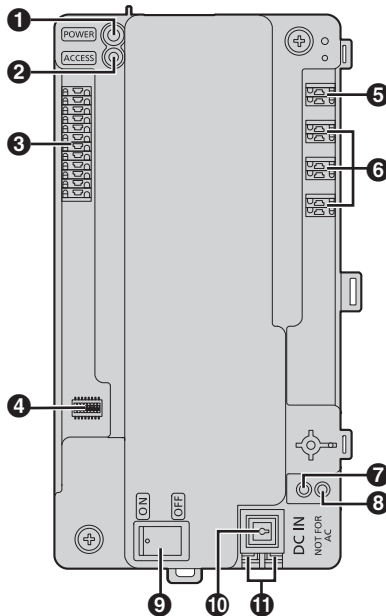
- ❶ Đèn báo nguồn (POWER)
Tham khảo 5.12.2 Các đèn báo hộp phân kênh (Trang 79).
- ❷ Đèn báo truy cập (ACCESS)
Tham khảo 5.12.2 Các đèn báo hộp phân kênh (Trang 79).
- ❸ Các cổng kết nối cho điều khiển chính
- ❹ Các cổng kết nối (đầu vào) cho hộp điều khiển hoặc hộp phân kênh
- ❺ Công tắc DIP
Tham khảo trang 37.
- ❻ Các cổng kết nối cho điều khiển chính
- ❼ Các cổng kết nối (đầu ra) cho hộp phân kênh
- ❽ Công tắc kết thúc
Tham khảo trang 37.
- ❾ Công tắc bộ khuếch đại tín hiệu
Tham khảo trang 37.
- ❿ Nút cài đặt lại (●)
Được sử dụng khi khởi động lại hộp phân kênh.
- ⓫ Nút chức năng (●●)
Chỉ để sử dụng nội bộ.
- ⓬ Công tắc nguồn
- ⓭ Nút tháo cáp cho cáp nguồn DC
- ⓮ Các cổng kết nối nguồn điện DC

3.2.4 Bộ điều khiển thang máy



- 1 Đèn báo nguồn (POWER)**
Tham khảo 5.12.3 Đèn báo bộ điều khiển thang máy (Trang 79).
- 2 Đèn báo truy cập (ACCESS)**
Tham khảo 5.12.3 Đèn báo bộ điều khiển thang máy (Trang 79).
- 3 Các cổng kết nối cho thang máy**
- 4 Các cổng kết nối (đầu ra) cho bộ điều khiển thang máy**
Được sử dụng để gửi tín hiệu đến bộ điều khiển thang máy.
- 5 Các cổng kết nối (đầu vào) cho hộp điều khiển hoặc bộ điều khiển thang máy**
Được sử dụng để nhận tín hiệu từ hộp điều khiển hoặc bộ điều khiển thang máy.
- 6 Công tắc DIP**
Tham khảo trang 42.
- 7 Các cổng kết nối cho thang máy**
- 8 Nút cài đặt lại (•)**
Được sử dụng khi khởi động lại bộ điều khiển thang máy.
- 9 Nút chức năng (••)**
Chỉ để sử dụng nội bộ.
- 10 Công tắc nguồn**
- 11 Nút tháo cáp cho cáp nguồn DC**
- 12 Các cổng kết nối cho nguồn điện DC**

3.2.5 Hộp mở rộng



- 1 Đèn báo nguồn (POWER)**
Tham khảo 5.12.4 Đèn báo hộp mở rộng (Trang 80).
- 2 Đèn báo truy cập (ACCESS)**
Tham khảo 5.12.4 Đèn báo hộp mở rộng (Trang 80).
- 3 Các cổng kết nối cho trạm thu hình gắn sảnh**
- 4 Công tắc DIP**
Tham khảo trang 43 và trang 71.
- 5 Các cổng kết nối cho hộp điều khiển**
- 6 Các cổng kết nối cho hộp điều khiển 2 tới 4*1**
***1 Hệ thống mở rộng đầy đủ cho các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 6, 91)**
- 7 Nút cài đặt lại (•)**
Được sử dụng khi khởi động lại hộp mở rộng.
- 8 Nút chức năng (••)**
Chỉ để sử dụng nội bộ.
- 9 Công tắc nguồn**
- 10 Nút tháo cáp cho cáp nguồn DC**
- 11 Các cổng kết nối nguồn điện DC**

3.3 Thông số kỹ thuật

Trạm thu hình gắn sảnh (VL-V900/VL-V901)

Nguồn điện	Bộ cấp điện (VL-PS240: 220 – 240 V AC, 0,2 A, 50 / 60 Hz) 24 V DC, 0,6 A
Công suất tiêu thụ	Chế độ chờ: Xấp xỉ 1,9 W Vận hành: Xấp xỉ 4,5 W
Kích thước (mm) (cao x rộng x sâu)	Xấp xỉ 373 x 179 x 2,5 (trừ phần âm tường)
Khối lượng (Trọng lượng)	Xấp xỉ 2,0 kg
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ môi trường cho trạm thu hình gắn sảnh: xấp xỉ -10 °C đến +55 °C Nhiệt độ môi trường cho bộ cấp nguồn: xấp xỉ 0 °C đến +50 °C Độ ẩm tương đối: đến 90% (không ngưng tụ) (có thể cài đặt ngoài trời; bộ cấp nguồn chỉ được sử dụng trong nhà)
Màn hình hiển thị	Màn hình đơn sắc xấp xỉ 10,92 cm (4,3 inch) (đèn nền trắng LCD) Hiển thị ngày tháng, số phòng do khách nhập, cách sử dụng, tên chủ hộ và phụ kiện tùy chọn
Phương pháp lắp đặt	Treo tường (Hộp âm tường đi kèm)
Vật liệu bên ngoài	Thép không gỉ (có một phần nhựa ABS và PC)
Chế độ đàm thoại	Rảnh tay
Cảm biến nhiệt	Cảm biến nhiệt điện được lắp đặt (phát hiện con người, một phần của bộ phận sẽ sáng)
Cảm biến hình ảnh	6,35 mm (1/4 inch) cảm biến CMOS (xấp xỉ 1M pixel)
Góc nhìn	Góc nhìn cực rộng (H: xấp xỉ 170° / V: xấp xỉ 115°*1 / 110°*2)
Độ nhạy sáng tối thiểu	1 lx
Chế độ chiếu sáng	Đèn LED màu trắng
Đặc tính chống nước	IP55
Đặc tính chống phá hoại	Tuân theo tiêu chuẩn IK07
Ngôn ngữ hiển thị	Tiếng Anh

*1 VL-V900

*2 VL-V901

3. Chuẩn bị

Hộp điều khiển (VL-V700)

Nguồn điện	Bộ cấp điện (VL-PS240: 220 – 240 V AC, 0,2 A, 50 / 60 Hz) 24 V DC, 0,6 A
Công suất tiêu thụ	Chế độ chờ: Xấp xỉ 3,5 W Vận hành: Xấp xỉ 3,7 W
Kích thước (mm) (cao × rộng × sâu)	Xấp xỉ 210 × 108,5 × 52,5 (trừ phần nhô ra)
Khối lượng (Trọng lượng)	Xấp xỉ 400 g
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ môi trường: xấp xỉ -10 °C đến +50 °C Nhiệt độ môi trường cho bộ cấp nguồn: xấp xỉ 0 °C đến +50 °C Độ ẩm tương đối: đến 90% (không ngưng tụ) Chỉ lắp trong nhà
Phương pháp lắp đặt	Gắn lên tường hoặc gắn lên rãnh DIN
Vật liệu bên ngoài	Nhựa ABS (nhựa ABS chống cháy)
Nhật kí	Nhật kí văn bản Lưu nhật kí văn bản trong thẻ nhớ ngoài SD hơn 90.000 nội dung (ngày, người gọi, người nhận cuộc gọi, hoạt động, tình trạng) Nhật kí hình ảnh Lưu nhật kí hình ảnh trong thẻ nhớ ngoài SD lên đến 90.000 hình ảnh (lưu viết đè) (cuộc gọi của khách)
Các chức năng được hỗ trợ	<ul style="list-style-type: none">● Kết nối USB 2.0 (đến máy tính) Hệ điều hành hỗ trợ: Microsoft® Windows® 7, Windows 8, Windows 8.1, Windows 10● Cài đặt ngày giờ● Tải/đăng tên của chủ hộ, số phòng và cài đặt màn hình● Xuất dữ liệu cài đặt hệ thống● Đánh giá tình trạng thiết bị trong hệ thống● Cài đặt hoạt động (Cổng, tên cổng và camera, mã mật khẩu, v.v.)● Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh (cho nhân viên quản trị)● Đầu ra video lên đến 1 (NTSC)● Chức năng cổng nối RJ-11 PBX (được kết nối với hệ thống PBX đến bộ phận bảo vệ)
Kết nối	Tới trạm thu hình gắn sảnh hoặc hộp mở rộng Số lượng bộ phận có thể kết nối: 3*1 *1 6 trạm thu hình gắn sảnh trên một hộp mở rộng Dây điện: 1 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 – 1,2 mm Khoảng cách: lên đến 200 m (trong trường hợp dây 1,2 mm) Đến hộp phân kênh Số lượng bộ phận có thể kết nối: trực tiếp 4 (bao gồm cả bộ khuếch đại tín hiệu) Dây điện: 2 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 – 1,2 mm Khoảng cách: lên đến 200 m (trong trường hợp dây 1,2 mm) Đến bộ điều khiển thang máy Số lượng bộ phận có thể kết nối: Trực tiếp 3 Dây điện: 1 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 – 1,2 mm Khoảng cách: lên đến 200 m (trong trường hợp dây 1,2 mm) Tới điều khiển chính Số lượng bộ phận có thể kết nối: 1 (NTSC) Khoảng cách: dựa vào thông số kỹ thuật của camera Đến PBX Giắc RJ-11 Khoảng cách: tuân thủ thông số kỹ thuật của PBX

	<p>USB USB 2.0, bộ kết nối tiêu chuẩn B</p> <p>Thẻ SD Thẻ nhớ 4–64 GB SDHC / SDXC được hỗ trợ</p>
Dung tích hệ thống làm mát	<ul style="list-style-type: none"> ● Trạm thu hình gắn sảnh (VL-V900/VL-V901): <ul style="list-style-type: none"> – Hệ thống mở rộng đầy đủ (trang 4): lên đến 3 – Hệ thống mở rộng đầy đủ sử dụng 3 hộp mở rộng (trang 5): lên đến 18 (6 trạm thu hình gắn sảnh trên một hộp mở rộng với tối đa 3 hộp mở rộng kết nối với 1 hộp điều khiển) – Hệ thống mở rộng đầy đủ cho các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 6, 91): tối đa 54*¹ *¹ Liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin về mở rộng hệ thống. ● Điều khiển chính (VL-MW251, VL-MVN511, VL-MV26, VL-MWD272, VL-MWD273, VL-MV71, VL-MV72): lên đến 560 (Có thể kết nối tối đa 7 hộp phân kênh, 1 bộ khuếch đại tín hiệu, và 140 điều khiển chính cho mỗi nhánh). Hệ thống mở rộng đầy đủ cho các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 6, 91): lên đến 2240 (Có thể kết nối tối đa 10 hộp phân kênh, 1 bộ khuếch đại tín hiệu, và 140 điều khiển chính cho mỗi nhánh.) ● Bộ điều khiển thang máy (VL-V702): lên đến 3 nhánh, tổng cộng có đến 15 bộ điều khiển thang máy ● Bộ phận bảo vệ: lên đến 4 bộ phận (trong trường hợp kết nối với hệ thống PBX) Hệ thống mở rộng đầy đủ cho các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 6, 91): lên đến 16 (trong trường hợp kết nối với hệ thống PBX)

Hộp phân kênh (VL-V701)

Nguồn điện	Bộ cấp điện (VL-PS240: 220 – 240 V AC, 0,2 A, 50 / 60 Hz) 24 V DC, 0,6 A
Công suất tiêu thụ	Chế độ chờ: Xấp xỉ 1,2 W Vận hành: Xấp xỉ 2,0 W
Kích thước (mm) (cao × rộng × sâu)	Xấp xỉ 210 × 108,5 × 52,5 (trừ phần nhô ra)
Khối lượng (Trọng lượng)	Xấp xỉ 400 g
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ môi trường: xấp xỉ -10 °C đến +50 °C Nhiệt độ môi trường cho bộ cấp nguồn: xấp xỉ 0 °C đến +50 °C Độ ẩm tương đối: đến 90% (không ngưng tụ) Chỉ lắp trong nhà
Phương pháp lắp đặt	Gắn lên tường hoặc gắn lên rãnh DIN
Vật liệu bên ngoài	Nhựa ABS (nhựa ABS chống cháy)
Kết nối	<p>Tới điều khiển chính Số lượng bộ phận có thể kết nối: 20 Dây điện: 1 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 – 1,2 mm Khoảng cách: lên đến 200 m (trong trường hợp dây 1,2 mm)</p> <p>Đến hộp điều khiển Số lượng bộ phận có thể kết nối: 1 Dây điện: 2 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 – 1,2 mm Khoảng cách: lên đến 200 m (trong trường hợp dây 1,2 mm)</p> <p>Đến hộp phân kênh Số lượng bộ phận có thể kết nối: 1 Dây điện: 2 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 – 1,2 mm Khoảng cách: lên đến 200 m (trong trường hợp dây 1,2 mm)</p>

3. Chuẩn bị

Bộ điều khiển thang máy (VL-V702)

Nguồn điện	Bộ cấp điện (VL-PS240: 220 – 240 V AC, 0,2 A, 50 / 60 Hz) 24 V DC, 0,6 A
Công suất tiêu thụ	Chế độ chờ: Xấp xỉ 0,4 W Vận hành: Xấp xỉ 4,4 W
Kích thước (mm) (cao × rộng × sâu)	Xấp xỉ 210 × 108,5 × 52,5 (trừ phần nhô ra)
Khối lượng (Trọng lượng)	Xấp xỉ 400 g
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ môi trường: xấp xỉ -10 °C đến +50 °C Nhiệt độ môi trường cho bộ cấp nguồn: xấp xỉ 0 °C đến +50 °C Độ ẩm tương đối: đến 90% (không ngưng tụ) Chỉ lắp trong nhà
Phương pháp lắp đặt	Gắn lên tường hoặc gắn lên rãnh DIN
Vật liệu bên ngoài	Nhựa ABS (nhựa ABS chống cháy)
Kết nối	Đến hộp điều khiển Số lượng bộ phận có thể kết nối: 1 Dây điện: 1 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 – 1,2 mm Khoảng cách: lên đến 200 m (trong trường hợp dây 1,2 mm) Đến thang máy Số lượng đầu ra đến thang máy: 20 Đến bộ điều khiển thang máy Số lượng đầu ra đến bộ điều khiển thang máy: 1

Hộp mờ rộng (VL-V703)

Nguồn điện	Bộ cấp điện (VL-PS240: 220 – 240 V AC, 0,2 A, 50 / 60 Hz) 24 V DC, 0,6 A
Công suất tiêu thụ	Chế độ chờ: Xấp xỉ 1,5 W Vận hành: Xấp xỉ 1,5 W
Kích thước (mm) (cao × rộng × sâu)	Xấp xỉ 210 × 108,5 × 52,5 (trừ phần nhô ra)
Khối lượng (Trọng lượng)	Xấp xỉ 350 g
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ môi trường: xấp xỉ -10 °C đến +50 °C Nhiệt độ môi trường cho bộ cấp nguồn: xấp xỉ 0 °C đến +50 °C Độ ẩm tương đối: đến 90% (không ngưng tụ) Chỉ lắp trong nhà
Phương pháp lắp đặt	Gắn lên tường hoặc gắn lên rãnh DIN
Vật liệu bên ngoài	Nhựa ABS (nhựa ABS chống cháy)
Kết nối	<p>Đến trạm thu hình gắn sẵn Số lượng bộ phận có thể kết nối: 6 Dây điện: 1 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 - 1,2 mm</p> <p>Đến hộp điều khiển Số lượng bộ phận có thể kết nối: 1</p> <p>Hệ thống mờ rộng đầy đủ cho các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91): Số trạm có thể kết nối: 4 Dây điện: 1 cặp dây cách điện PE, độ dày của một dây là từ 0,65 - 1,2 mm</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khi hộp mờ rộng được kết nối, chiều dài dây tối đa từ trạm thu hình gắn sẵn tới hộp điều khiển không thay đổi.

4. Lắp đặt

4.1 Lưu ý khi cài đặt



- Chắc chắn ngắt cầu dao trước khi thực hiện công việc đấu dây.
- Luôn nối dây AC hoặc DC vào các cổng kết nối thích hợp. Nối không đúng các dây AC hoặc DC có thể gây hư hỏng bộ cấp điện.
- Để tránh làm tuột dây nguồn và tránh bị sốc điện, sử dụng đai giữ dây (phụ kiện) để buộc dây và gắn phần che cáp vào.
- Nếu đi dây ở ngoài trời, sử dụng ống bảo vệ hoặc thiết bị chống sét.
- Nếu đi dây ngầm, sử dụng ống bảo vệ, đồng thời không thực hiện các mối nối khi đi dây ngầm.
- Lắp đặt thiết bị chắc chắn theo các hướng dẫn trong tài liệu này, tránh làm rơi thiết bị. Tránh lắp thiết bị lên tường có tải trọng thấp, như vách thạch cao, bê tông xốp, gạch xi măng rỗng hoặc tường gỗ ép (độ dày nhỏ hơn 18 mm).

4.2 Lắp đặt bộ cấp điện

Có thể sử dụng 2 phương pháp sau để lắp đặt.

- gắn trên rãnh DIN
- gắn trực tiếp lên tường

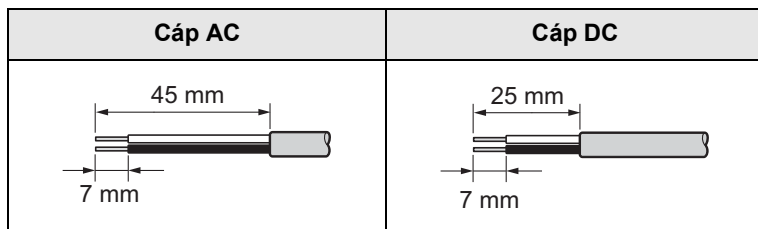
Chọn vị trí lắp đặt

- Phải lắp thiết bị này bên trong bảng điện hoặc tủ điện.
- Gắn thiết bị ngắt bên ngoài sao cho dễ dàng tiếp cận.
 - Thiết bị ngắt điện ngoài phải được chứng nhận và có khe hở tối thiểu là 3 mm.

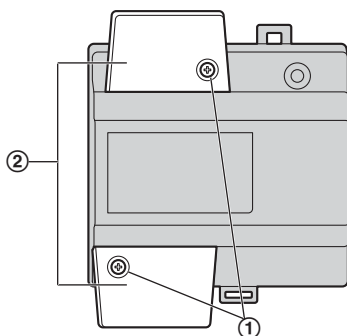
Kết nối cáp nguồn (cáp AC và DC)

Nối bộ cấp điện (phụ kiện), dây cáp AC và DC (người dùng tự chuẩn bị).

1. Tháo dây AC và DC như sau:

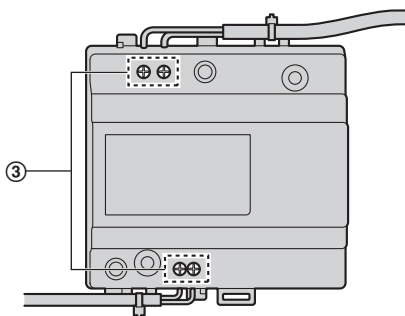


2. Tháo các vít (①) sau đó tháo ốp giữ dây (②).

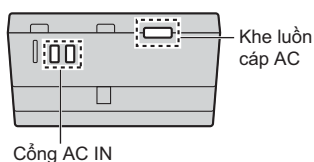


3. Kết nối cáp AC đến cổng AC IN trên đỉnh của bộ cấp nguồn và cáp DC vào cổng DC OUT của chân bộ cấp nguồn, rồi vặn chặt vít (③).

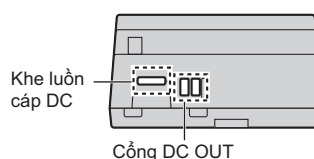
Nhìn từ mặt trước*1



Nhìn từ trên xuống*1



Nhìn từ dưới lên*1



*1 Quan sát khi đã tháo nắp cáp.

- Lực siết khuyến nghị:
 - Cổng AC: 0,4 N·m {4,1 kgf·cm}
 - Cổng DC: 0,45 N·m {4,6 kgf·cm}



- Gài hết cáp AC và DC vào các cổng. Nếu dây không được gài hết vào các cổng có thể sinh nhiệt.

4. Sử dụng đai giữ dây (phụ kiện) để cố định các dây AC/DC (đính 2 mặt) vào bộ cấp điện.
 5. Đảm bảo thay thế phần che cáp (②) và vặn chặt vít (①).

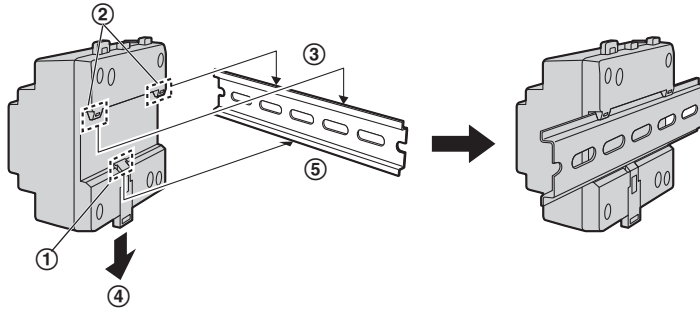
Gắn trên rãnh DIN

Làm theo quy trình được mô tả ở dưới theo thứ tự sau sao cho móc cài (①) ở phía dưới.

1. Gài móc (②) vào rãnh DIN (③).
2. Kéo và gạt cần xuống phía dưới (④).

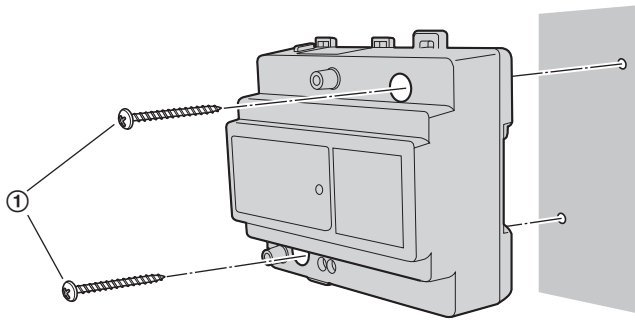
4. Lắp đặt

3. Cố định móc (①) vào rãnh DIN (⑤).



Gắn trực tiếp lên tường

Gắn chặt bộ cấp điện lên tường sử dụng 2 vít đi kèm (①).



4.3 Lắp đặt trạm thu hình gắn sảnh

Trước khi lắp đặt

- Không được lắp trạm thu hình gắn sảnh ở các vị trí sau. Vị trí có nguy cơ bị nhiễu hoặc gián đoạn liên lạc.
 - Vị trí bị rung lắc, chấn động hoặc dội âm.
 - Vị trí tập trung nhiều bụi, khí hydro sun-phua, amoniac, lưu huỳnh hoặc các chất độc hại khác.
 - Vị trí tích tụ nhiều khói, bụi, nhiệt độ cao.
 - Vị trí tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
 - Vị trí nơi nền đằng sau là không gian mở.
 - Vị trí nơi nền là tường trắng và có ánh nắng chiếu trực tiếp vào.
 - Gần bờ biển, nơi gió biển tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm, hoặc gần suối nóng lưu huỳnh (tiếp xúc với muối có thể làm giảm tuổi thọ của sản phẩm).

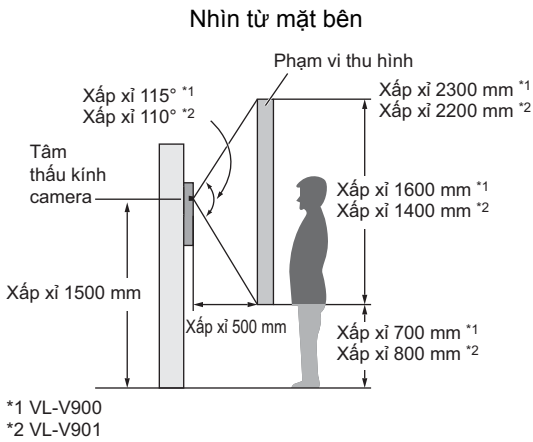
Quan trọng:

- **KHÔNG SỬ DỤNG DUNG MÔI CÓ CHỨA CLO.** Làm vậy có thể khiến sản phẩm bị gỉ sét.
- Không sử dụng các chất tẩy rửa có chứa cồn, chất tạo bóng, bột giặt, ét xăng, chất pha loãng, sáp, xăng hoặc nước sôi để vệ sinh sản phẩm. Không được phun thuốc diệt côn trùng, nước rửa kính, keo xịt tóc hoặc sơn tường vào sản phẩm. Vì có thể làm biến màu hoặc chất lượng của sản phẩm.

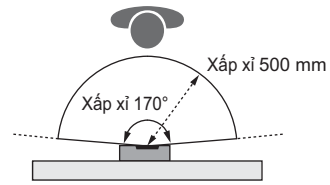
Vị trí lắp đặt trạm thu hình gắn sảnh và phạm vi hoạt động của camera

Hướng nhìn khi camera hướng về phía trước 0°. Ví dụ: Chiều cao lắp đặt là 1500 mm.

- Các thông số và góc đo chỉ là giá trị tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường.



Nhìn từ trên xuống
(hướng nhìn từ trên xuống)



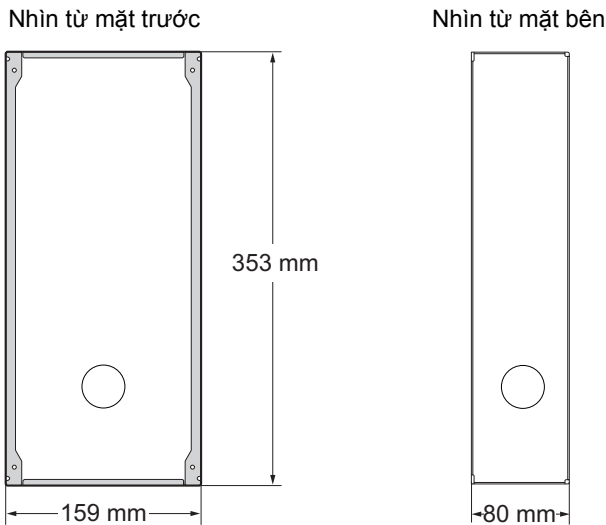
Lưu ý:

- Lắp trạm thu hình gắn sảnh sao cho trạm thu hình gắn sảnh không tiếp xúc với ánh sáng mạnh. Khi có nguồn sáng mạnh chiếu vào trạm thu hình gắn sảnh, khuôn mặt của khách sẽ khó nhận diện hơn.

Lắp đặt

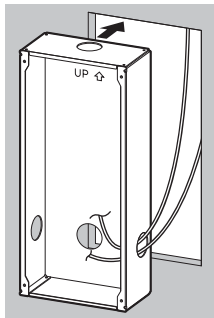
1. Khoan một lỗ trên tường để lắp bộ âm tường.

- Lưu ý kích thước lỗ khoan của trên bề mặt tường của bộ âm tường.

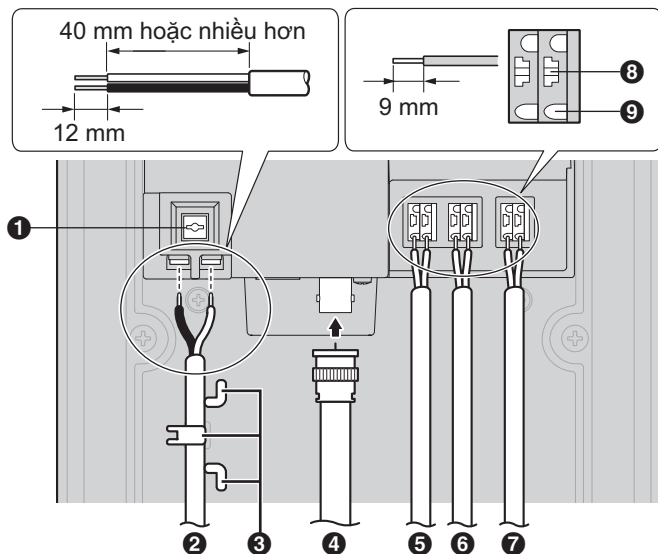


4. Lắp đặt

2. Mở lỗ chốt của bộ âm tường và luồn tất cả sợi cáp và dây cần thiết (cáp DC, dây của hộp điều khiển, bộ điều khiển truy cập, khóa điện, v.v.) qua lỗ chốt.



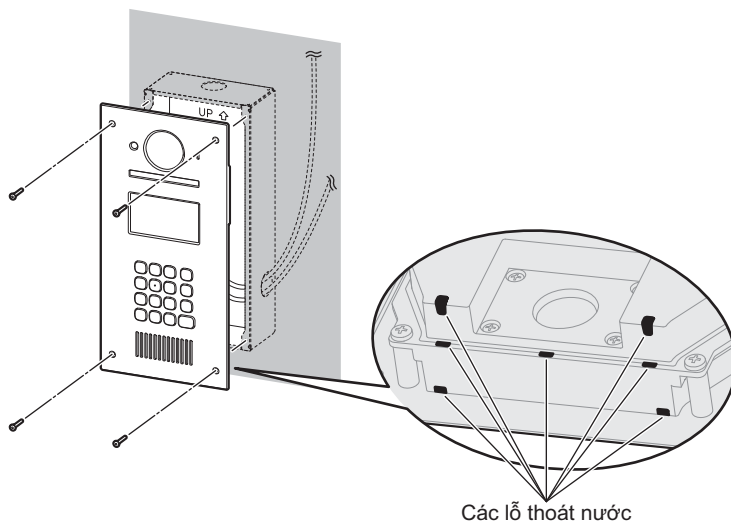
3. Treo hộp vào tường.
4. Kết nối dây và cáp vào trạm thu hình gắn sẵn.
 - Dỡ dây và cáp như hướng dẫn bên dưới.
 - Xem 4.5.1 Sơ đồ đi dây (Trang 29) để biết cách đi dây.



- 1 Nút nối cáp cho cáp nguồn DC
- 2 Dây cáp DC từ bộ cấp điện
- 3 Móc cố định cáp DC
- 4 Cáp đồng trục từ camera bên ngoài
- 5 Dây từ hộp điều khiển hoặc hộp mở rộng
- 6 Dây từ bộ điều khiển truy cập
- 7 Dây từ khóa điện
- 8 Nút nối dây
- 9 Cổng kết nối

- Để kết nối cáp DC từ bộ cấp nguồn, ấn nút tháo cáp và lắp cáp vào các cổng kết nối. (Để ngắt cáp, ấn nút và kéo ra ngoài.) Sử dụng móc để cố định cáp.
 - Để kết nối dây, ấn nút hơi dây bằng vật được chỉ định như tua vít và lắp dây vào cổng kết nối. (Để ngắt dây, ấn nút và kéo ra ngoài.)
 - Xem 4.5.2 Loại dây và chiều dài dây tối đa (Trang 36) để biết thêm thông tin về loại dây và chiều dài dây có thể được sử dụng.
5. Gắn trạm thu hình gắn sẵn lên hộp âm tường.

6. Cố định trạm thu hình gắn sãnh vào hộp âm tường sử dụng 4 vít đi kèm. Sử dụng cờ lê sáu cạnh đi kèm để vặn chặt vít.



Lưu ý:

- Không được che lỗ thoát nước.

Đăng kí trạm thu hình gắn sãnh

Thực hiện quy trình này ngay đối với mỗi trạm thu hình gắn sãnh sau khi được kết nối với hộp điều khiển.

1. Ấn bất kỳ nút nào.

2. Ấn **[Δ]**.

- Trạm thu hình gắn sãnh đã được đăng ký trên hệ thống.
- Nếu có lỗi, trạm thu hình gắn sãnh vẫn được đăng ký trên hệ thống.

4.4 Lắp đặt hộp điều khiển/hộp phân kênh/bộ điều khiển thang máy/hộp mở rộng

Có thể sử dụng 2 phương pháp sau để lắp đặt.

- gắn trên rãnh DIN
- gắn trực tiếp lên tường

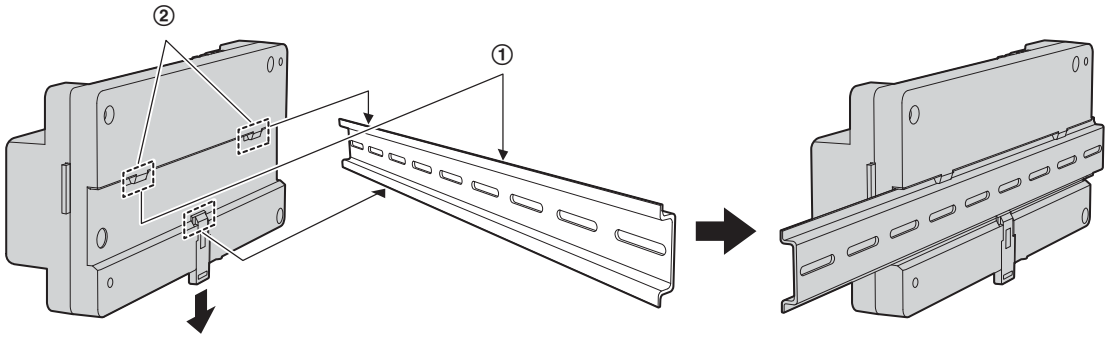
Lưu ý:

- Để hộp điều khiển tránh xa các thiết bị tạo ra tạp âm điện chẳng hạn như đèn huỳnh quang và mô tơ.
- Không tháo nắp chắn bụi của cổng USB hộp điều khiển (trang 15) trong quá trình lắp đặt, và đảm bảo rằng cổng USB được che phủ hoàn toàn để tránh bụi rơi vào trong cổng.

4. Lắp đặt

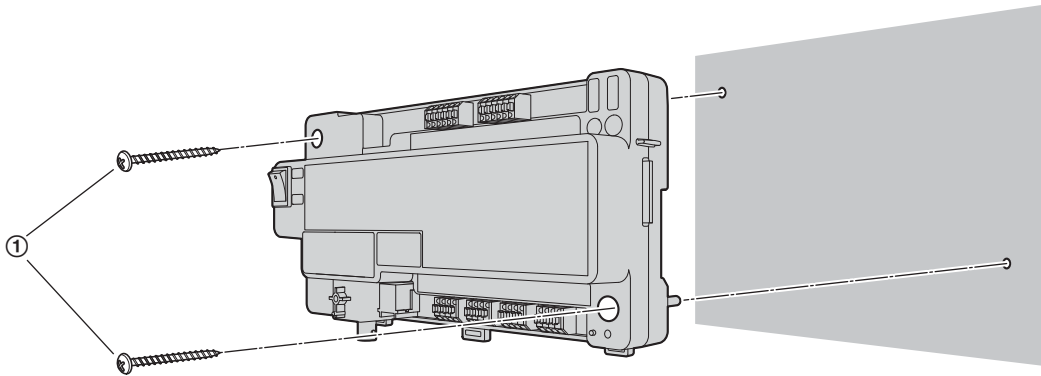
Gắn trên rãnh DIN

Gắn thiết bị trên rãnh DIN (①) sử dụng móc (②).



Gắn trực tiếp lên tường

Gắn trực tiếp vào tường cố định bằng 2 vít đi kèm (①).



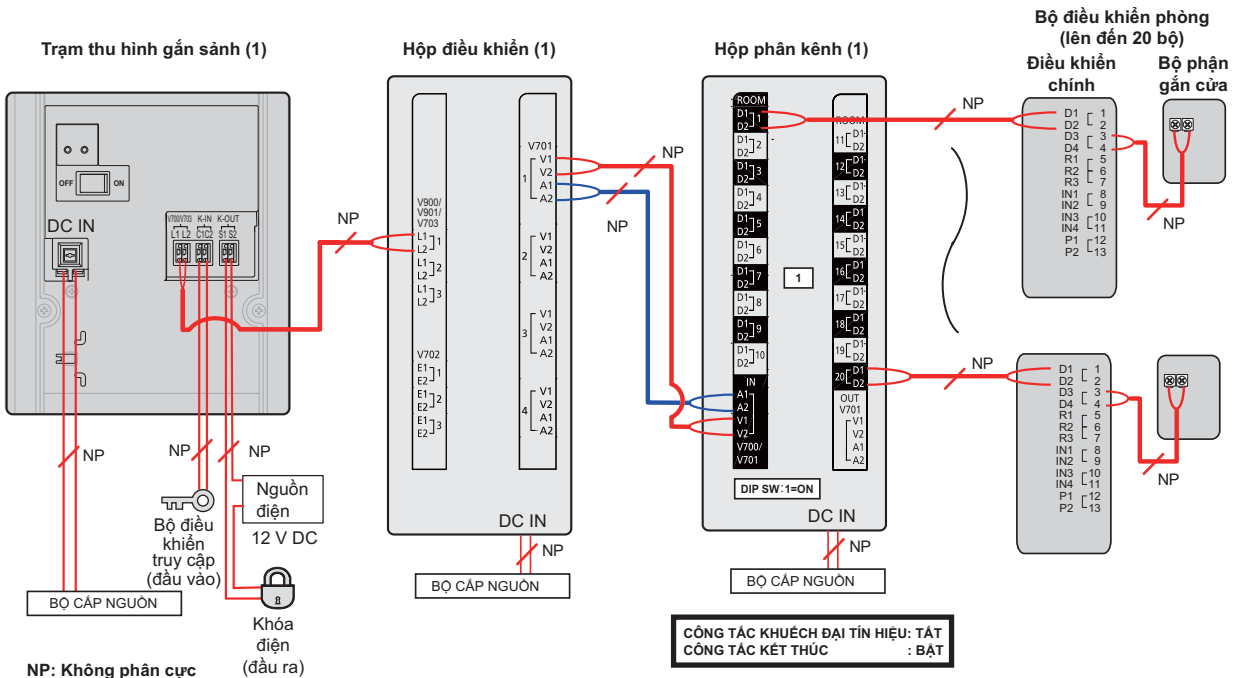
4.5 Kết nối dây

4.5.1 Sơ đồ đi dây

Lưu ý:

- Tham khảo 4.5.4 Cài đặt công tắc hộp phân kênh (trang 37, 38 và 40) để biết thêm thông tin về cài đặt công tắc hộp phân kênh (**3 loại công tắc: công tắc DIP, công tắc kết thúc, và công tắc khuếch đại tín hiệu**).
- Tham khảo trang 42 để biết thêm thông tin về các cài đặt công tắc bộ điều khiển thang máy DIP.
- Luôn hết dây vào cổng đầu nối, sau khi luồn dây, kéo nhẹ các dây để đảm bảo dây đã được nối chặt.

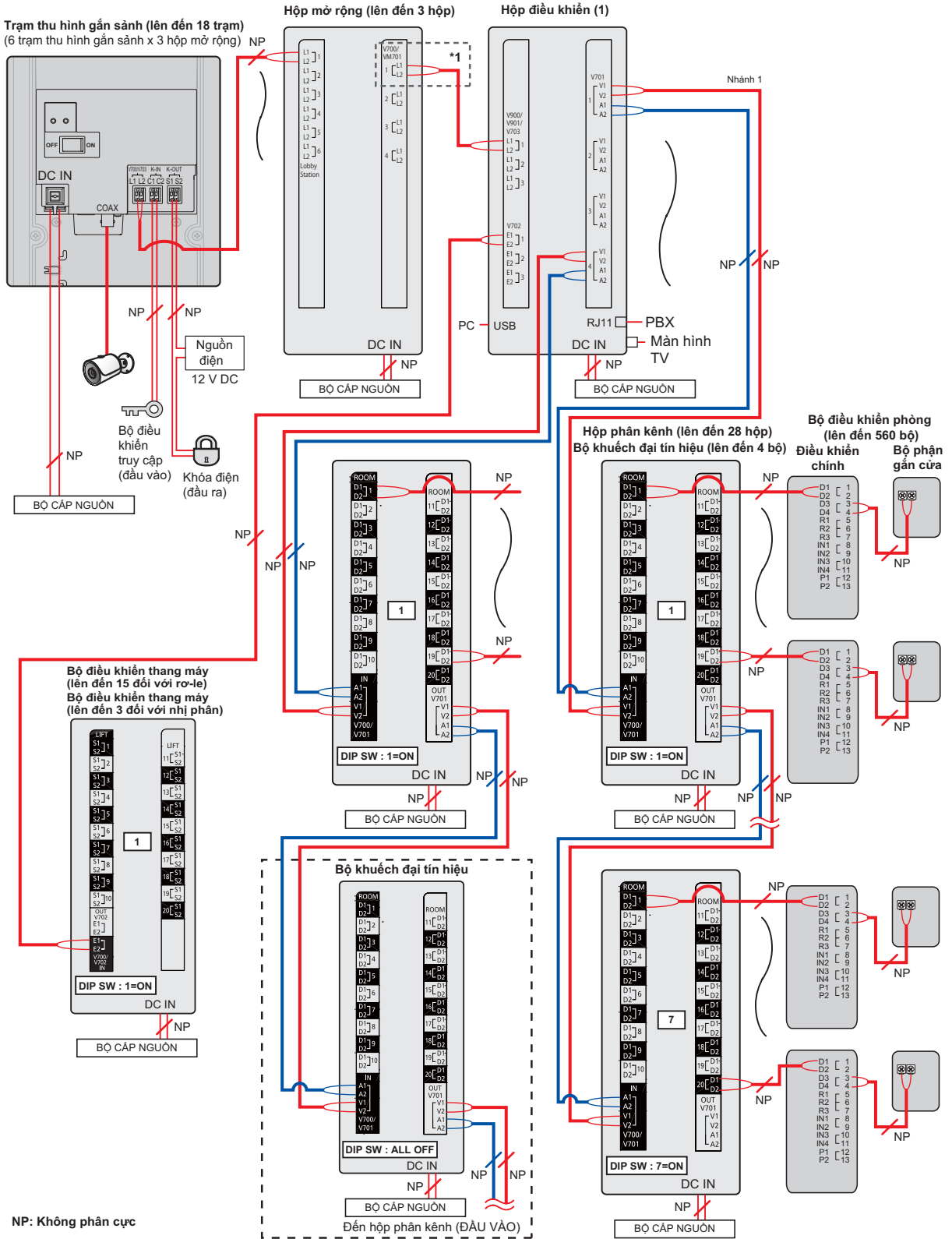
Ví dụ hệ thống đơn giản



- Yêu cầu khi cài đặt công tắc hộp phân kênh cho hệ thống cơ bản như sau:
 - Công tắc DIP: chỉ cài đặt công tắc số 1 tới vị trí "on"
 - Công tắc kết thúc: cài đặt tới vị trí "on"
 - Công tắc khuếch đại tín hiệu: cài đặt tới vị trí "off"

Ví dụ về hệ thống mở rộng với hộp mở rộng

Trạm thu hình gắn sảnh (lên đến 18 trạm)
(6 trạm thu hình gắn sảnh x 3 hộp mở rộng)



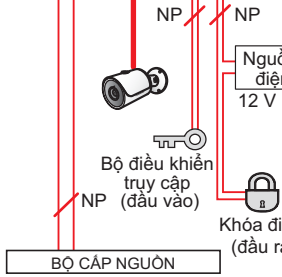
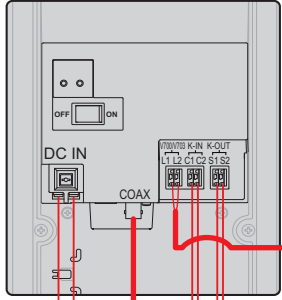
*1 Chỉ nối tới cổng 1, khi nối dây từ hộp mở rộng tới hộp điều khiển.

4. Lắp đặt

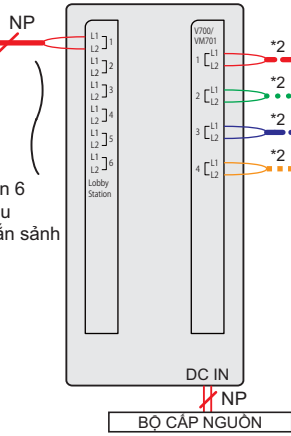
Ví dụ về hệ thống mở rộng cho các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Trạm thu hình gắn sảnh (lên đến 18 trạm)¹

(6 trạm thu hình gắn sảnh x 3 hộp mở rộng)



Hộp mở rộng (lên đến 3 hộp)



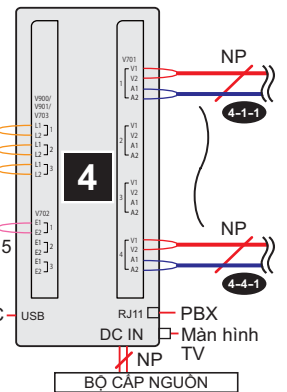
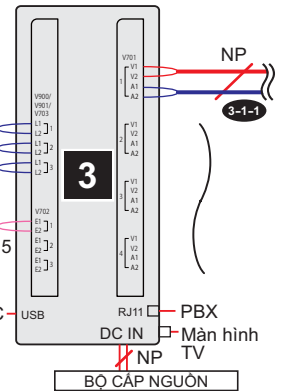
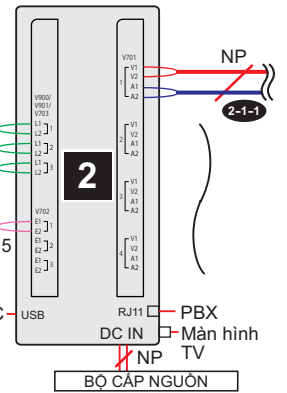
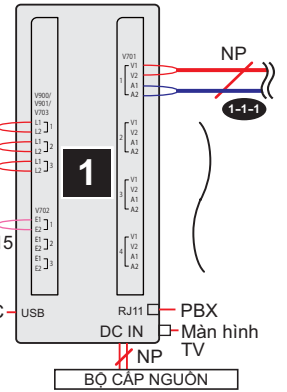
Lên đến 6 trạm thu hình gắn sảnh

Lên đến 6 trạm thu hình gắn sảnh

Lên đến 6 trạm thu hình gắn sảnh

Hộp điều khiển (lên đến 4 hộp)

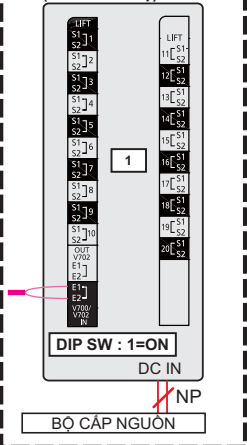
(4 nhánh hộp phân kênh, 3 nhánh hộp điều khiển thang máy)



<Đối với toàn bộ hệ thống>

Bộ điều khiển thang máy lên đến 60 đối với rơ-le (4 hộp điều khiển x 15 bộ điều khiển thang máy)
lên đến 12 đối với nhị phân (4 hộp điều khiển x 3 bộ điều khiển thang máy)

1 Đối với hộp điều khiển 1 Bộ điều khiển thang máy (lên đến 15 bộ)



Quan trọng:

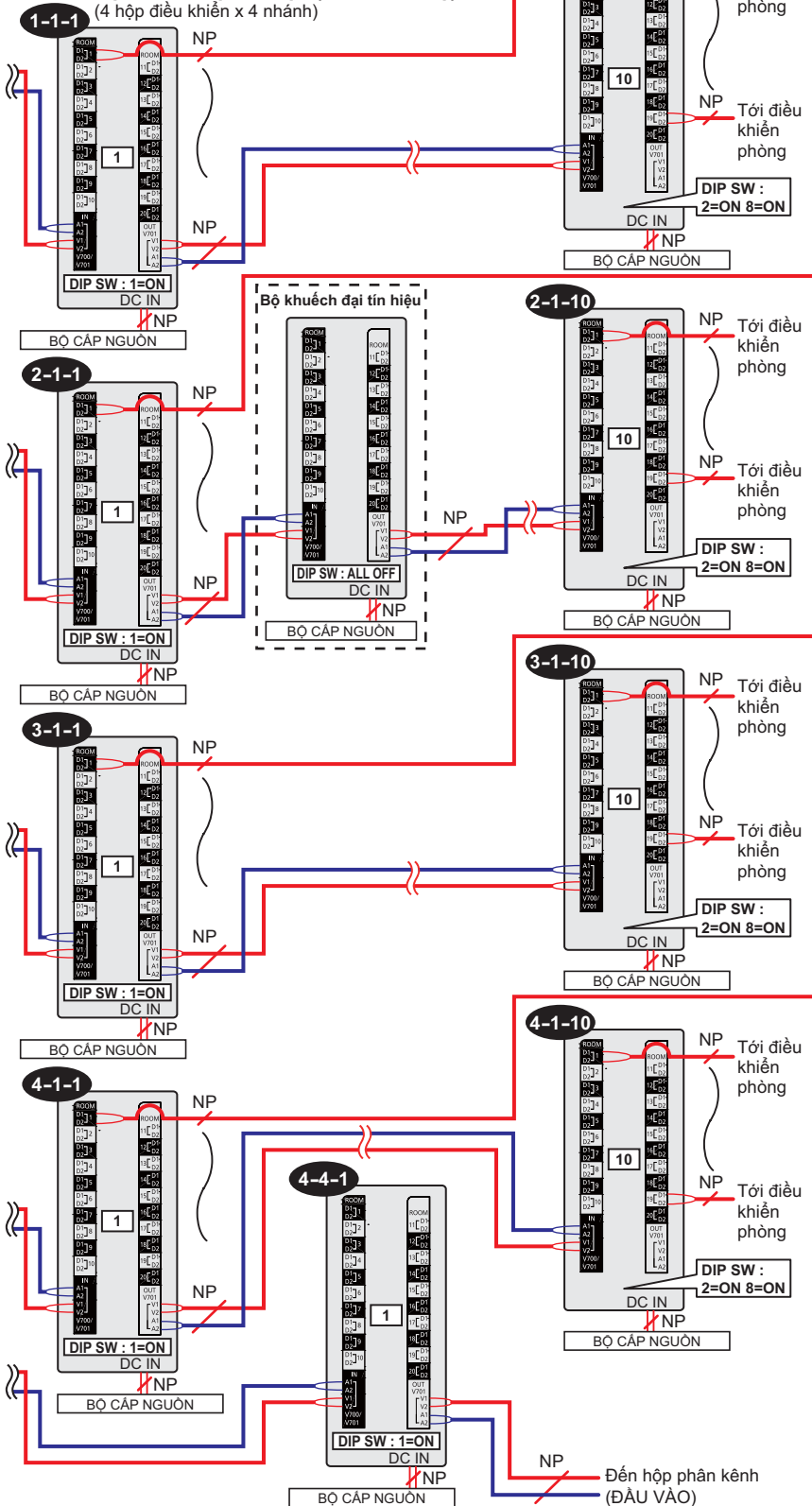
- Khi nhieup hộp mở rộng và hộp điều khiển nối với nhau, đảm bảo rằng số cổng kết nối hộp điều khiển của mỗi hộp mở rộng được nối với hộp điều khiển tương ứng.

*1 Hệ thống mở rộng đầy đủ hỗ trợ lên đến 54 trạm thu hình gắn sảnh. (Liên hệ nhà phân phối để biết thêm thông tin về mở rộng hệ thống.)

*2 Khi sử dụng cuộc gọi công, cực phải khớp nhau. Xem phần "Kiểm tra cực đầu nối dây" trong "Cài đặt cuộc gọi công".

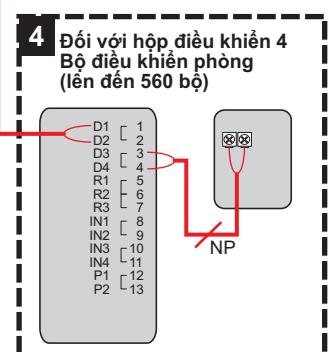
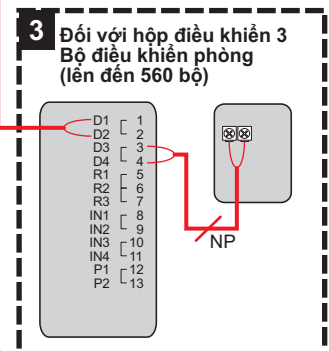
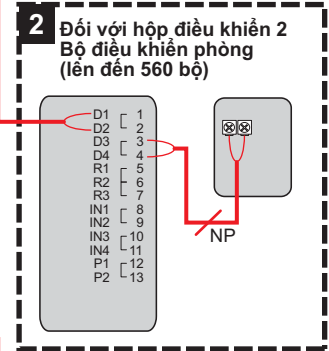
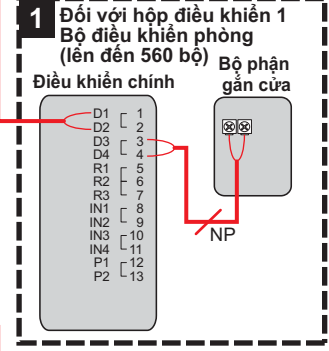
<Đối với toàn bộ hệ thống>

Hộp phân kênh (lên đến 160 hộp)
(4 hộp điều khiển x 4 nhánh x 10 hộp phân kênh)
Bộ khuếch đại tín hiệu (lên đến 16 bộ)
(4 hộp điều khiển x 4 nhánh)



<Đối với toàn bộ hệ thống>

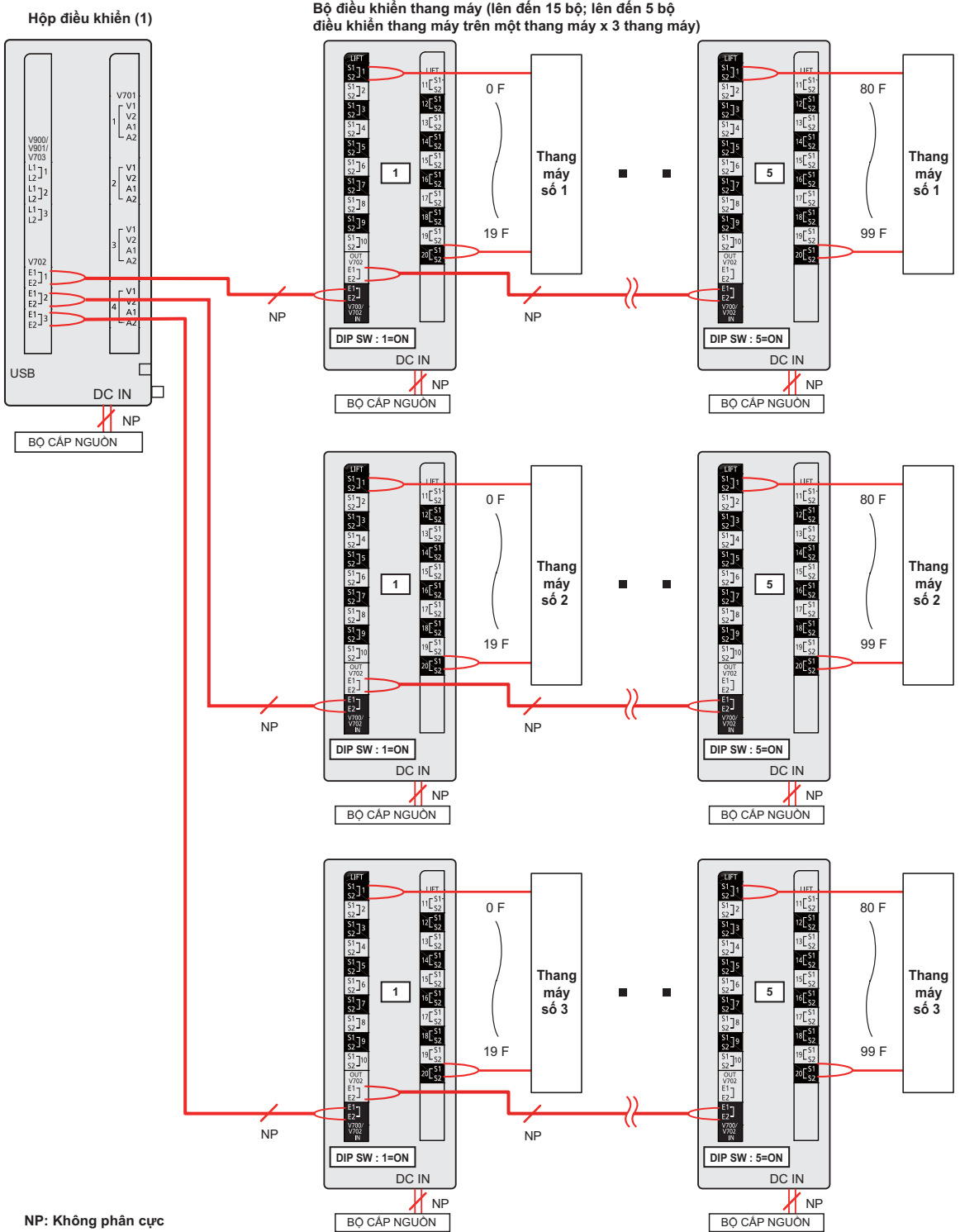
Bộ điều khiển phòng (lên đến 2240 bộ)
(4 hộp điều khiển x 560 bộ điều khiển phòng)



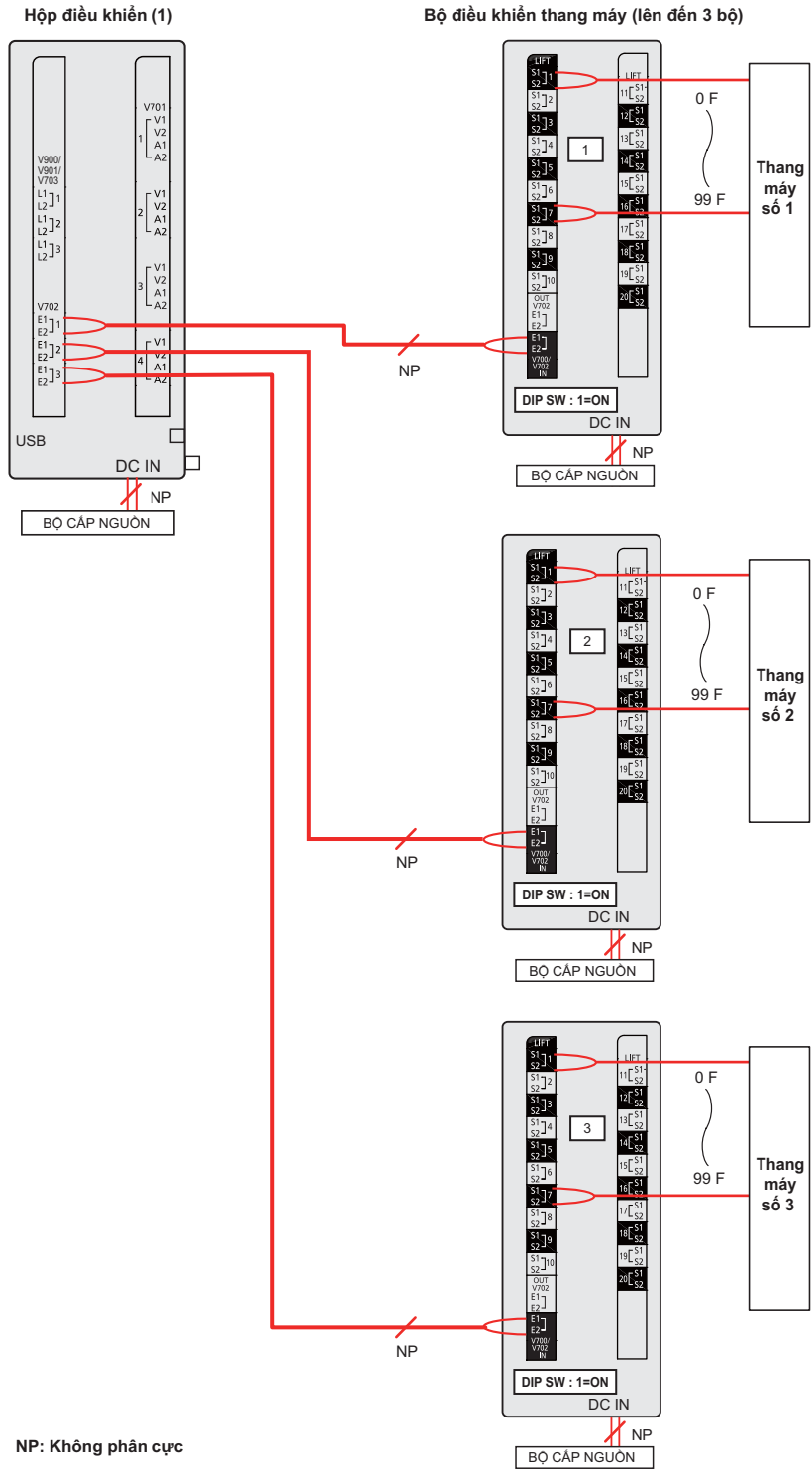
NP: Không phân cực

4. Lắp đặt

Ví dụ đi dây bộ điều khiển thang máy (tín hiệu chuyển tiếp)



Ví dụ đi dây bộ điều khiển thang máy (tín hiệu nhị phân)



NP: Không phân cực

4. Lắp đặt

4.5.2 Loại dây và chiều dài dây tối đa

Đường đi dây		Đường kính dây	Chiều dài tối đa
Hộp điều khiển ↔ Trạm thu hình gắn sảnh		0,65 mm (22 AWG)	xấp xỉ 100 m
		1,2 mm (17 AWG)	xấp xỉ 200 m
Hộp điều khiển ↔ Chế độ phân kênh Hộp phân kênh xa nhất		0,65 mm (22 AWG)	xấp xỉ 100 m
		1,2 mm (17 AWG)	xấp xỉ 200 m
Hộp điều khiển ↔ Chế độ khuếch đại tín hiệu Hộp phân kênh hoạt động như một bộ khuếch đại tín hiệu		0,65 mm (22 AWG)	xấp xỉ 100 m
		1,2 mm (17 AWG)	xấp xỉ 200 m
Chế độ khuếch đại tín hiệu Hộp phân kênh hoạt động như một bộ khuếch đại tín hiệu ↔ Chế độ phân kênh Hộp phân kênh xa nhất		0,65 mm (22 AWG)	xấp xỉ 100 m
		1,2 mm (17 AWG)	xấp xỉ 200 m
Hộp phân kênh ↔ Điều khiển chính		0,65 mm (22 AWG)	xấp xỉ 100 m
		1,2 mm (17 AWG)	xấp xỉ 200 m
Hộp điều khiển ↔ Bộ điều khiển thang máy xa nhất		0,65 mm (22 AWG)	xấp xỉ 100 m
		1,2 mm (17 AWG)	xấp xỉ 200 m
Bộ cấp điện ↔ Trạm thu hình gắn sảnh Hộp điều khiển Hộp phân kênh Bộ điều khiển thang máy		0,65 mm (22 AWG)	xấp xỉ 10 m
		2 mm (12 AWG)	xấp xỉ 20 m
Bộ cấp điện ↔ Nguồn AC		1,2 mm (17 AWG)	Không yêu cầu
		2 mm (12 AWG)	
Trạm thu hình gắn sảnh ↔ Khóa điện		0,5 mm (24 AWG)	Tuân theo thông số của thiết bị kết nối.
		1,2 mm (17 AWG)	

Lưu ý các điểm sau khi lựa chọn phương pháp đi dây

- Sử dụng dây dẫn điện 2 sợi (đồng cứng), vỏ PVC cách điện PE (polyethylene). Khuyến nghị sử dụng cáp trần, điện dung ở mức trung bình.
- Sử dụng dây nguồn đạt tiêu chuẩn khi kết nối với thiết bị này. Nên cân nhắc lựa chọn cách lắp đặt phù hợp và/hoặc quy định về thiết bị. Nên sử dụng dây nguồn đạt tiêu chuẩn IEC 60227, dây nguồn không được nhẹ hơn dây nhựa PVC thông thường.
- Khi kết nối khóa điện với cổng kết nối khóa điện (K-OUT), chọn một thiết bị thỏa mãn các hướng dẫn sau:
 - Tiếp xúc đóng khô N/C hoặc N/O
 - 12 V AC/DC, dưới 1 A
- Khi nối với hộp mở rộng, chiều dài dây tối đa từ trạm thu hình gắn sảnh tới hộp điều khiển không thay đổi.

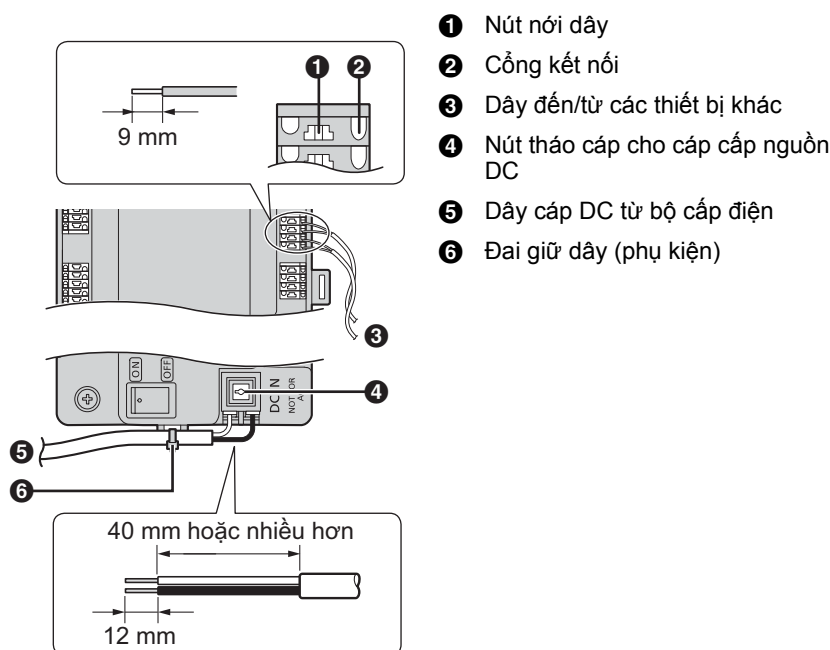
Khi kết nối hộp điều khiển với PBX

Tham khảo thông số kỹ thuật của PBX để kết nối điện thoại máy lẻ tương tự.

4.5.3 Kết nối dây cho hộp điều khiển/hộp phân kênh/bộ điều khiển thang máy/hộp mở rộng

Tham khảo các thông tin dưới đây khi kết nối dây và cáp đến mỗi thiết bị.

- Dỡ dây và cáp như hướng dẫn bên dưới.
- Xem 4.5.1 Sơ đồ đi dây (Trang 29) để biết cách đi dây.



- Để kết nối cáp DC từ bộ cấp nguồn, ấn nút tháo cáp và lắp cáp vào các cổng kết nối. (Để ngắt cáp, ấn nút và kéo ra ngoài.) Sử dụng móc để cố định cáp.
- Để kết nối dây, ấn nút tháo dây bằng vật được chỉ định như tua vít và lắp dây vào cổng kết nối. (Để ngắt dây, ấn nút và kéo ra ngoài.)
- Xem 4.5.2 Loại dây và chiều dài dây tối đa (Trang 36) để biết thêm thông tin về loại dây và chiều dài dây có thể được sử dụng.

4.5.4 Cài đặt công tắc hộp phân kênh

Hộp phân kênh có 3 loại công tắc này quyết định cách hộp vận hành.

Công tắc DIP

Công tắc DIP xác định số hộp phân kênh (1–7^{*1}) của mỗi hộp phân kênh trong nhánh.

Công tắc kết thúc

Cài đặt công tắc ở vị trí "on" với hộp phân kênh cuối cùng trong nhánh. Cài đặt công tắc ở vị trí "off" cho tất cả các hộp phân kênh khác trong nhánh.

Công tắc khuếch đại tín hiệu

Xác định xem hộp phân kênh nào được sử dụng trong chế độ phân kênh hoặc chế độ khuếch đại tín hiệu.

Trong chế độ phân kênh, các hộp phân kênh được mắc nối tiếp (lên đến 7 hộp trên một nhánh^{*1}) và lên đến 20 điều khiển chính có thể được nối với mỗi hộp phân kênh. Trong chế độ khuếch đại tín hiệu, các hộp phân kênh được mắc nối tiếp (lên đến 7 hộp trên một nhánh^{*1}), đối với một hộp phân kênh trong một nhánh thể sử dụng tín hiệu thuận từ hộp phân kênh này đến hộp khác. Điều này sẽ rất hữu ích nếu cần phải kéo dài khoảng cách giữa 2 hộp phân kênh. Không thể kết nối điều khiển chính với hộp phân kênh nếu hộp đó đang ở chế độ khuếch đại tín hiệu.

*1 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể kết nối lên đến 10 hộp phân kênh với mỗi nhánh từ hộp điều khiển.

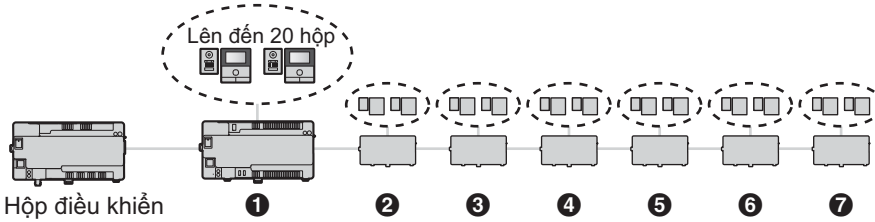
Lưu ý:

- Để tránh sự cố khi vận hành hoặc các trục trặc khác xảy ra, kiểm tra lại cài đặt công tắc sau khi hoàn tất nối dây.

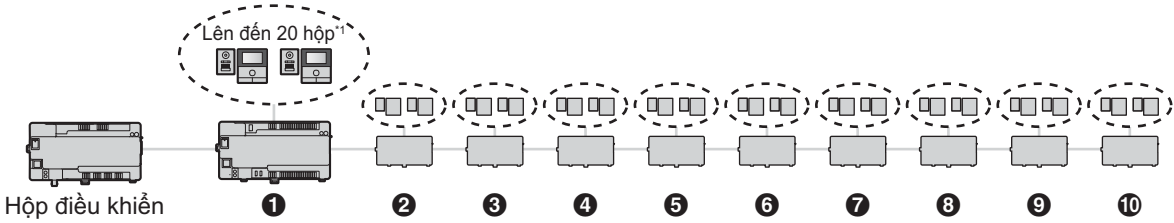
4. Lắp đặt

- Nếu có vấn đề xảy ra sau khi lắp đặt, tham khảo 7.1 Xử lý sự cố cơ bản (Trang 84) hoặc trang web sau.
<https://panasonic.net/cns/pcc/support/intercom/v900>

Ví dụ chế độ phân kênh



Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)



*1 Bộ điều khiển phòng: lên đến 560 với mỗi hộp điều khiển

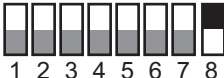


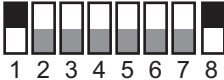


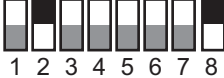


Số hộp phân kênh có thể tăng từ 7 tới 10.

Tuy nhiên, số bộ điều khiển phòng đã hỗ trợ sẽ không thay đổi ở 560 bộ.

Hộp phân kênh	Công tắc DIP*1	Công tắc khuếch đại tín hiệu*2	Công tắc kết thúc*3
1	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
2	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
3	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
4	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
5	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
6	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
7	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(on)*4

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể kết nối lên đến 10 hộp phân kênh với mỗi nhánh từ hộp điều khiển.

Hộp phân kênh	Công tắc DIP* ¹	Công tắc khuếch đại tín hiệu* ²	Công tắc kết thúc* ³
8	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	 (off)	 (off)
9	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	 (off)	 (off)
10	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	 (off)	 (on)

*1 Chỉ có thể sử dụng mỗi cài đặt công tắc DIP một lần trên một nhánh.

*2 Trong chế độ phân kênh, công tắc khuếch đại tín hiệu của tất cả hộp phân kênh trong nhánh được cài đặt ở vị trí "off".

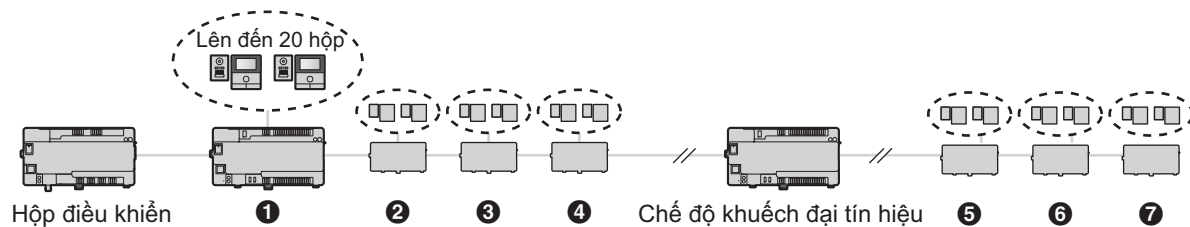
*3 Công tắc kết thúc của hộp phân kênh cuối cùng của nhánh được cài đặt ở vị trí "on". Tất cả các công tắc khác được cài đặt ở vị trí "off".

***4 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**

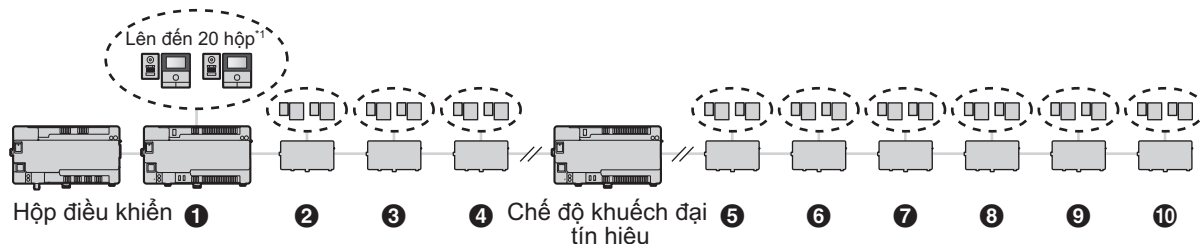
Khi kết nối tối thiểu 8 hộp phân kênh, cài đặt công tắc kết thúc của hộp phân kênh thứ 7 ở vị trí "off".

4. Lắp đặt

Ví dụ chế độ khuếch đại tín hiệu



Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)



*1 Bộ điều khiển phòng: lên đến 560 với mỗi hộp điều khiển

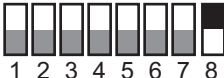








Số hộp phân kênh có thể tăng từ 7 tới 10.

Tuy nhiên, số bộ điều khiển phòng đã hỗ trợ sẽ không thay đổi ở 560 bộ.

Hộp phân kênh	Công tắc DIP ^{*1}	Công tắc khuếch đại tín hiệu ^{*2}	Công tắc kết thúc ^{*3}
①	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
②	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
③	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
④	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
Chế độ khuếch đại tín hiệu ^{*4}	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(on)	(on)
⑤	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
⑥	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(off)
⑦	ON OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	(off)	(on) ^{*5}

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể kết nối lên đến 10 hộp phân kênh với mỗi nhánh từ hộp điều khiển.

Hộp phân kênh	Công tắc DIP* ¹	Công tắc khuếch đại tín hiệu* ²	Công tắc kết thúc* ³
8	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	 (off)	 (off)
9	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	 (off)	 (off)
10	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	 (off)	 (on)

*1 Chỉ có thể sử dụng mỗi cài đặt công tắc DIP một lần trên một nhánh.

*2 Trong chế độ khuếch đại tín hiệu, công tắc khuếch đại tín hiệu của một hộp phân kênh trong nhánh được cài đặt ở vị trí "on". Tất cả các công tắc khác được cài đặt ở vị trí "off".

Chỉ có thể sử dụng một hộp phân kênh cho mỗi nhánh trong chế độ khuếch đại tín hiệu.

Không thể kết nối điều khiển chính với hộp phân kênh nếu hộp đó đang ở chế độ khuếch đại tín hiệu.

*3 Công tắc kết thúc của hộp phân kênh cuối cùng của nhánh được cài đặt ở vị trí "on". Tất cả các công tắc khác (ngoại trừ công tắc của hộp phân kênh đang hoạt động trong chế độ khuếch đại tín hiệu) được cài đặt ở vị trí "off".

*4 Hộp phân kênh hoạt động ở chế độ khuếch đại tín hiệu có thể được đặt giữa hộp điều khiển và một hộp phân kênh khác, hoặc giữa 2 hộp phân kênh.

***5 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**

Khi kết nối tối thiểu 8 hộp phân kênh, cài đặt công tắc kết thúc của hộp phân kênh thứ 7 ở vị trí "off".

4. Lắp đặt

4.5.5 Cài đặt công tắc DIP bộ điều khiển thang máy

Bộ điều khiển thang máy hỗ trợ sử dụng các biện pháp sau để gửi tín hiệu đến thang máy. Lựa chọn biện pháp truyền tín hiệu theo thông số kỹ thuật của thang máy bằng cách cài đặt các công tắc DIP của bộ điều khiển thang máy.

Truyền tín hiệu chuyển tiếp

Mỗi cổng bộ điều khiển thang máy kiểm soát một tầng của thang máy. Mỗi bộ điều khiển có thể kiểm soát 20 tầng khác nhau; có thể sử dụng đến 5 bộ điều khiển để kiểm soát 100 tầng khác nhau.

Khi sử dụng tín hiệu chuyển tiếp, các công tắc DIP xác định số bộ điều khiển của mỗi bộ điều khiển thang máy trong nhánh.

Tín hiệu nhị phân

Một bộ điều khiển có thể kiểm soát lên đến 100 tầng khác nhau.

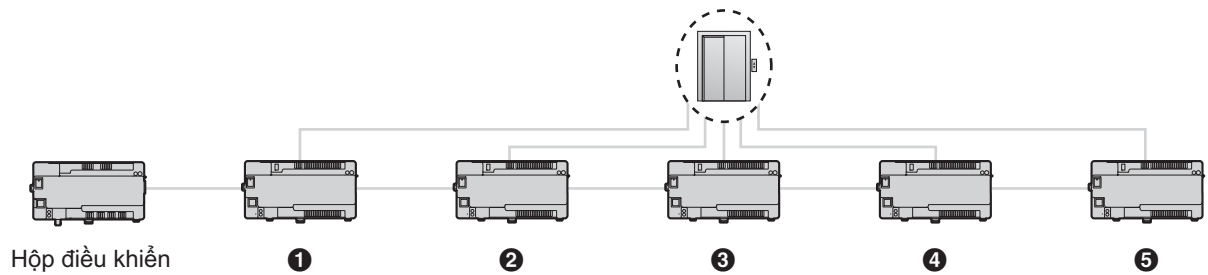
Kết nối mở đóng thông thường.






Đối với tín hiệu chuyển tiếp và nhị phân, công tắc DIP số 8 quyết định liệu kết nối là mở hay đóng thông thường.

Lưu ý:

- Sau khi cài đặt công tắc DIP, bạn chỉ phải thiết lập cấu hình hệ thống để sử dụng tín hiệu chuyển tiếp hay tín hiệu nhị phân. Sử dụng lập trình PC (trang 46) để thiết lập cài đặt **[Lift Signal Mode]**, hoặc lập trình trạm thu hình gắn sẵn (trang 58) để thiết lập cấu hình cài đặt **"SIGNAL MODE TO LIFT"**.

Ví dụ truyền tín hiệu chuyển tiếp



Bộ điều khiển thang máy	Công tắc DIP*1	Các tầng
①	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8 8	0–19 (0 là tầng hầm)
②	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8 8	20–39
③	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8 8	40–59
④	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8 8	60–79
⑤	ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8 8	80–99

*1 Đối với công tắc 1–5, chỉ có thể sử dụng mỗi cài đặt một lần trên một nhánh.

Công tắc số 6 và 7 luôn phải được cài đặt ở vị trí "off".

Công tắc DIP số 8 quyết định liệu kết nối là mở thông thường (công tắc ở vị trí "off") hay đóng thông thường (công tắc ở vị trí "on").

Ví dụ truyền tín hiệu nhị phân



Bộ điều khiển thang máy	Công tắc DIP*1	Các tầng																				
1	ON OFF <table style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: black;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: white;"></td> <td style="width: 10px; height: 15px; background-color: black;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td style="text-align: center;">4</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">6</td> <td style="text-align: center;">7</td> <td style="text-align: center;">8</td> <td style="text-align: center;">8</td> <td style="text-align: center;">8</td> </tr> </table>											1	2	3	4	5	6	7	8	8	8	0–99 (0 là tầng hầm)
1	2	3	4	5	6	7	8	8	8													

*1 Công tắc số 2–7 luôn phải được cài đặt ở vị trí "off".

Công tắc DIP số 8 quyết định liệu kết nối là mở thông thường (công tắc ở vị trí "off") hay đóng thông thường (công tắc ở vị trí "on").

Cài đặt dừng tầng thang máy

Quan trọng:

- Để tránh việc xâm nhập trái phép vào các tầng, cấu hình các cài đặt phù hợp để chỉ dừng ở các tầng khách được phép vào.

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 1 hoặc phiên bản 2 (trang 90, 91)

Các cài đặt (lên đến 1 cài đặt tầng) dừng tầng cho tất cả các thang máy đều được hỗ trợ. (Các cài đặt cùng tầng được sử dụng cho tất cả các thang máy.)

Thời gian dừng thang máy:

- Được phép dừng tại các tầng có vận hành mở khóa từ điều khiển chính.
- Nhân viên kỹ thuật có thể vận hành chỉ 1 loại phương pháp mở khóa tầng từ các máy lẻ (trang 83).

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Khi bộ điều khiển thang máy sử dụng tín hiệu chuyển tiếp, các cài đặt dừng ở nhiều tầng đối với tất cả các thang máy (lên đến 5 cài đặt tầng riêng biệt) được hỗ trợ. (Các cài đặt cùng tầng được sử dụng cho tất cả các thang máy.) Các cài đặt này chỉ có thể được cấu hình bằng lập trình PC (trang 46).

Thời gian dừng thang máy:

- Được phép dừng tại các tầng có vận hành mở khóa từ điều khiển chính.
- Nhân viên kỹ thuật có thể vận hành chỉ 1 loại phương pháp mở khóa tầng từ các máy lẻ (trang 83).

Lưu ý:

- Để cấu hình các cài đặt dừng tầng thang máy, phải cấu hình các cài đặt thành phần sau sử dụng lập trình PC (trang 46). Xem **[Floor No.]** và **[Lift access permission (Lift 1–3)]** trong **[Room settings]** của hộp điều khiển ở 5.2.13 Danh sách thông số lập trình PC (trang 53, 56).

4.5.6 Cài đặt công tắc hộp mở rộng

Chỉ sử dụng các công tắc DIP của hộp mở rộng khi cấu hình cài đặt cho hộp mở rộng và trạm thu hình gắn sảnh được nối với hộp mở rộng.

Khi cài đặt hoàn tất, đảm bảo để cài đặt tất cả các công tắc DIP tới vị trí "off".

Xem mục 5.6.2 Cài đặt công tắc DIP hộp mở rộng (Trang 71) để biết thêm thông tin về cài đặt công tắc DIP khi cấu hình cài đặt hộp mở rộng.

4.6 Kết nối với các thiết bị khác

4.6.1 Kết nối khóa điện

Có thể kết nối một khóa điện với cổng kết nối khóa điện được đặt trên mặt sau của trạm thu hình gắn sảnh (trang 14).

- Một khóa điện có thể được kết nối với mỗi trạm thu hình gắn sảnh.
- Sau khi kết nối khóa điện với trạm thu hình gắn sảnh, xác nhận rằng cửa đã được khóa và mở đúng cách bằng cách sử dụng điều khiển chính.

4.6.2 Kết nối với PBX

Hộp điều khiển có thể kết nối được với PBX của Panasonic. Sử dụng giắc RJ11 đặt ở cạnh sườn hộp điều khiển (trang 15) để kết nối với cổng lè của PBX. Vui lòng liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin.

- Hộp điều khiển có thể được kết nối với chỉ một PBX.
- Để biết thông tin cách kết nối máy lè đến PBX, xem hướng dẫn sử dụng đi kèm với PBX.
 - Nhân viên bộ phận, lễ tân, v.v. có thể đăng kí 4 số máy lè của PBX với hộp điều khiển để sử dụng.
 - Một số máy lè của PBX có thể đăng kí với hộp điều khiển để sử dụng như cổng khẩn cấp.
- Cấu hình các cài đặt sao cho số máy lè được thông báo cho mỗi cổng kết nối với PBX. Tham khảo tài liệu đi kèm với PBX để biết thêm thông tin.
- Phần mềm hệ thống lưu trong hộp điều khiển là phần mềm dùng cho PBX analogue hoặc PBX kỹ thuật số. Có thể quyết định phần mềm nào được lưu trong hộp điều khiển bằng cách kiểm tra hậu tố trong nhãn số sê-ri dán trên hộp điều khiển. (Tham khảo mục 7.5.2 Hậu tố số sê-ri (Trang 88) để biết thêm thông tin về các hậu tố và loại phần mềm PBX có sẵn.)

Nếu loại phần mềm lưu vào hộp điều khiển không khớp với loại PBX đang dùng, hãy tải loại phần mềm hệ thống khớp với loại PBX cho hộp điều khiển. (Không cần cập nhật nếu loại PBX và phần mềm hệ thống khớp nhau.)

- Thông tin tải về có sẵn ở trang web sau.

<https://panasonic.net/cns/pcc/support/intercom/v900>

- Tham khảo mục 5.10 Nâng cấp phần mềm hệ thống (Trang 78) hoặc liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin về nâng cấp phần mềm hệ thống.

4.6.3 Kết nối với thang máy

Có thể kết nối thang máy với các cổng kết nối đặt ở mặt bên của bộ điều khiển thang máy (trang 16). Để biết cách kết nối thang máy với bộ điều khiển, tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thang máy.

- Có thể điều khiển lên đến 3 thang máy.

4.6.4 Kết nối camera

Có thể kết nối camera với bộ kết nối đồng trục đặt ở mặt sau của trạm thu hình gắn sảnh (trang 14).

- Một camera có thể được kết nối với mỗi trạm thu hình gắn sảnh.
- Các camera tương thích:
 - Camera hỗ trợ tín hiệu video PAL hoặc NTSC. Vui lòng liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin.

4.6.5 Kết nối màn hình TV

Có thể kết nối màn hình TV với bộ kết nối đồng trục đặt ở bên cạnh hộp điều khiển (trang 15).

- Có thể kết nối một màn hình TV với hộp điều khiển.
- Lưu ý rằng hộp điều khiển chỉ có thể xuất tín hiệu video NTSC sang màn hình TV.
- Các màn hình TV tương thích:
 - Các màn hình hỗ trợ tín hiệu video NTSC. Vui lòng liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin.

4.7 Các cài đặt cơ bản

Sau đây là danh sách các cài đặt cơ bản chúng tôi khuyến nghị nên thiết lập trước khi sử dụng hệ thống. Hầu hết đều có thể cài đặt bằng cách lập trình PC, nhưng một số phương pháp lập trình có thể có sẵn. Xem chương lập trình (trang 46) để biết chi tiết.

● Đối với hộp điều khiển

- Ngày giờ
Cấu hình bằng lập trình PC (5.2.9 Cài đặt ngày giờ cho hộp điều khiển (Trang 51))
- Số phòng và các thông tin của từng phòng
Cấu hình bằng lập trình PC (Control Box — Room settings (Trang 53))
- Các cài đặt hệ thống chung
Cấu hình bằng lập trình PC (Control Box — General settings (Trang 53))

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống và muốn tải dữ liệu từ các thiết bị của hệ thống, phải xác định hộp điều khiển nào (1-4) đang được kết nối.

● Đối với trạm thu hình gắn sảnh

- Các cài đặt chung được lưu trữ trên mỗi trạm thu hình gắn sảnh
Cấu hình bằng lập trình PC (Lobby Station 1–3 — General settings (Trang 54))
- Số phòng và tên được lưu trữ trên mỗi trạm thu hình gắn sảnh
Cấu hình bằng lập trình PC (Lobby Station 1–3 — Room settings (Trang 54))

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống, phải cấu hình các cài đặt tòa nhà trước cài đặt phòng.

● Đối với các hộp phân kênh

- Các cài đặt của công tắc DIP
Cấu hình bằng công tắc DIP của thiết bị (4.5.4 Cài đặt công tắc hộp phân kênh (Trang 37))

● Đối với bộ điều khiển thang máy

- Các cài đặt của công tắc DIP
Cấu hình bằng công tắc DIP của thiết bị (4.5.5 Cài đặt công tắc DIP bộ điều khiển thang máy (Trang 42))
- Cho phép sử dụng thang máy đối với từng phòng
Cấu hình bằng lập trình PC (Control Box — Room settings (Trang 53))
- Xác nhận kết nối
Sử dụng công cụ cài đặt (5.2.11 Xác nhận kết nối hộp điều khiển đến bộ điều khiển thang máy (Trang 51))

● Đối với điều khiển chính

- Số phòng và các thông tin khách của từng phòng
Chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng lập trình PC khi cài đặt ban đầu (Control Box — Room settings (Trang 53)). Bạn có thể thay đổi các cài đặt này cho từng phòng bằng cách lập trình điều khiển chính nếu cần thiết (5.5 Lập trình điều khiển chính (Trang 64)).
- Áp dụng các cài đặt phòng cho điều khiển chính
Sử dụng công cụ cài đặt (5.2.10 Cài đặt cấu hình điều khiển chính (Trang 51))

● Đối với khóa điện và bộ điều khiển truy cập

- Số lần mở cửa, mã mở cửa, loại tín hiệu, và nhiều các cài đặt khác
Cấu hình bằng lập trình PC (Lobby Station 1–3 — General settings (Trang 54))

● Đối với các cổng nối

- Số máy lẻ, tên các cổng, và nhiều các cài đặt khác
Cấu hình bằng lập trình PC (Control Box — General settings (Trang 53))

5. Lắp trình

5.1 Giới thiệu về lắp trình

Có 2 phương pháp để cấu hình hệ thống.

- Sử dụng máy tính để cấu hình hệ thống. Phương pháp này được gọi là "lắp trình PC".
- Sử dụng các bộ phận gắn riêng lẻ (trạm thu hình gắn sẵn, điều khiển chính và máy lẻ PBX) để cấu hình hệ thống. Phương pháp này gọi là "lắp trình trạm thu hình gắn sẵn" (trang 58), "lắp trình điều khiển chính" (trang 64), và "lắp trình điện thoại" (trang 62).

Có thể kết hợp các phương pháp trên phù hợp theo nhu cầu của bạn. Ví dụ, lần đầu bạn có thể cấu hình hệ thống bằng PC, sau đó thực hiện những thay đổi nhỏ với hệ thống sau này bằng bộ phận gắn.

5.2 Lắp trình PC

Lắp trình PC cho phép bạn sử dụng máy tính và Panasonic Large Apartment System Setup Tool để tạo và sửa chữa dữ liệu hệ thống khi ngoại tuyến và tải dữ liệu lên hệ thống khi trực tuyến.

Quan trọng:

- Tùy vào các tính năng nâng cao mà thiết bị hỗ trợ, phiên bản công cụ cài đặt được dùng sẽ khác nhau. Tham khảo 7.5.3 Phiên bản công cụ cài đặt và hậu tố số sê-ri (Trang 89) để biết thêm thông tin chi tiết.
 - Phiên bản công cụ cài đặt 1: 5.2.3 Giới thiệu về công cụ cài đặt phiên bản 1 (Trang 47)
 - Phiên bản công cụ cài đặt 2 hoặc 3: 5.2.5 Giới thiệu về công cụ cài đặt phiên bản 2 hoặc 3 (Trang 49)
- Tham khảo thông tin phần mềm hệ thống sau để sử dụng phần mềm hệ thống cho PBX trước khi sửa dữ liệu hệ thống bằng lắp trình PC.
 - 5.10 Nâng cấp phần mềm hệ thống (Trang 78)
 - 7.5.2 Hậu tố số sê-ri (Trang 88)
- Sau khi sử dụng công cụ cài đặt để tương tác với hệ thống, khởi động lại hộp điều khiển (trang 78).

Lưu ý:

- Panasonic Large Apartment System Setup Tool cũng được coi là "công cụ cài đặt" trong tài liệu này.

Yêu cầu hệ thống

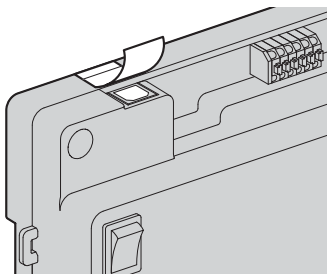
- **Hệ điều hành:** Microsoft Windows 7, Windows 8, Windows 8.1, Windows 10
- **Khung bổ sung:** .Net Framework 4.0 hoặc cao hơn

5.2.1 Cài đặt công cụ cài đặt và trình điều khiển USB

- 1 Tải bộ cài đặt về.
 - Thông tin tải về có sẵn ở trang web sau:
<https://panasonic.net/cns/pcc/support/intercom/v900>
- 2 Ấn đúp vào bộ cài đặt.
- 3 Làm theo hướng dẫn trên màn hình và cài đặt công cụ và trình điều khiển USB.

5.2.2 Kết nối máy tính với hộp điều khiển

- 1 Kết nối cáp USB với cổng USB trong máy tính.
 - Sử dụng cáp USB 2.0 với cổng kết nối tiêu chuẩn B để kết nối với hộp điều khiển.
- 2 Tháo nắp chắn bụi bảo vệ cổng USB của hộp điều khiển.



- Không tháo nắp chắn bụi.
- 3 Đảm bảo bụi không rơi vào cổng USB.

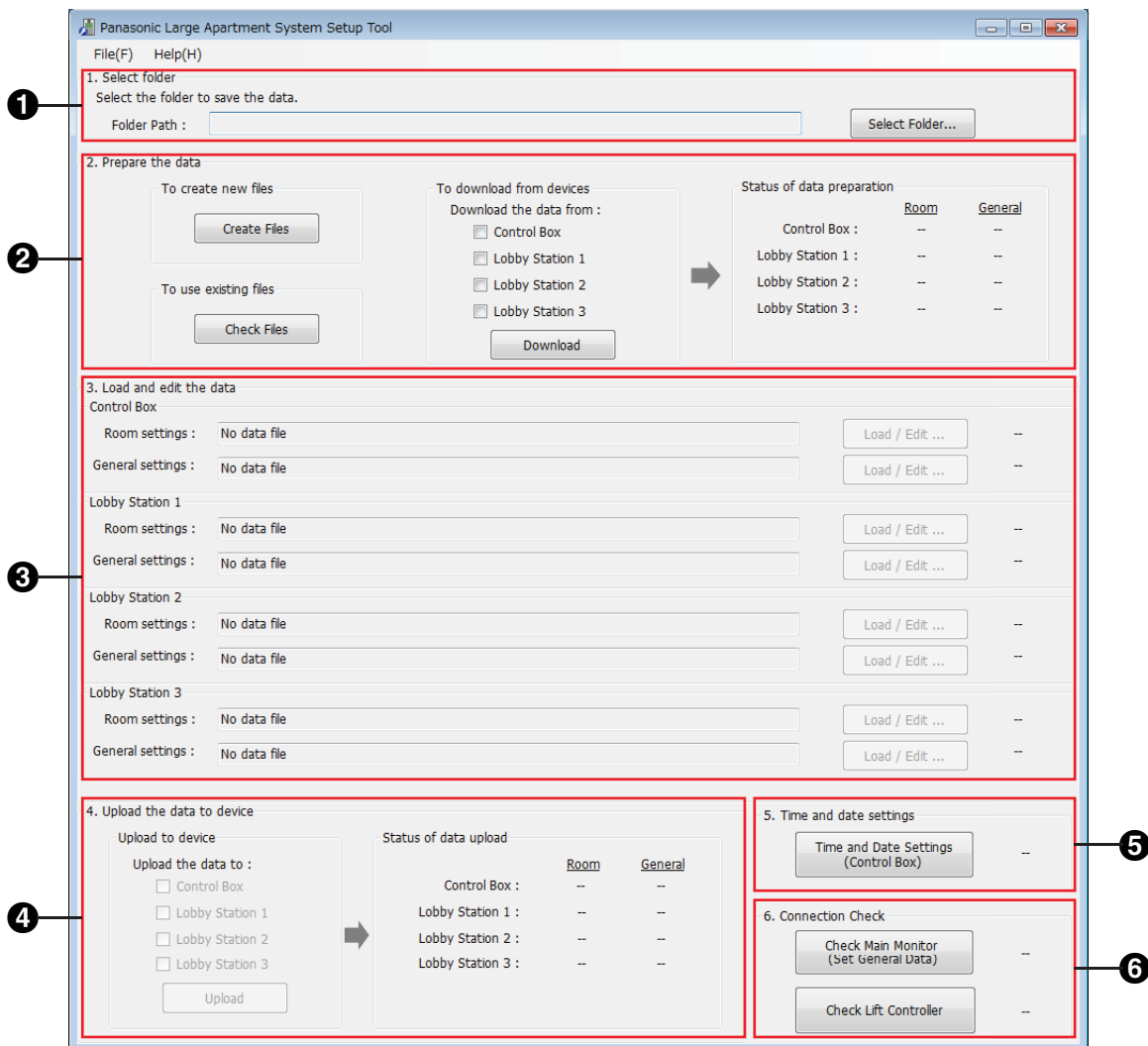
4 Kết nối cáp USB với cổng USB của hộp điều khiển.

Lưu ý:

- Khi ngắt kết nối cáp USB từ hộp điều khiển, đảm bảo nắp chắn bụi được vặn chặt để bụi không rơi vào cổng USB.

5.2.3 Giới thiệu về công cụ cài đặt phiên bản 1

Công cụ cài đặt được chia thành các phần sau.



1 Select folder

Cho phép lựa chọn thư mục mà bạn muốn lưu tập tin cấu hình. Tập tin cấu hình được lưu dưới định dạng CSV.

2 Prepare the data

Cho phép bạn lựa chọn tạo tập tin cấu hình mới, sử dụng tập tin cấu hình hiện tại hay tải dữ liệu hiện tại từ thiết bị trên hệ thống về.

3 Load and edit the data

Cho phép bạn tải dữ liệu được lưu trong tập tin cấu hình vào công cụ cài đặt để chỉnh sửa.

4 Upload the data to device

Cho phép bạn tải dữ liệu được lưu trong tập tin cấu hình lên thiết bị trên hệ thống.

5. Lập trình

5 Time and date settings

Cho phép bạn cài đặt ngày giờ cho hộp điều khiển (được sử dụng cho các nhãn thời gian được lưu trên nhật ký hệ thống).

6 Connection Check

Cho phép bạn xác nhận kết nối hộp điều khiển đến điều khiển chính và bộ điều khiển thang máy.

5.2.4 Sử dụng công cụ cài đặt phiên bản 1 để chỉnh sửa dữ liệu

- 1 Khởi động công cụ cài đặt.
 - 2 Trong phần **[Prepare the data]**, ấn chuột vào **[Check Files]**.
 - Vị trí của mỗi tập tin cấu hình được hiển thị trong phần **[Load and edit the data]**.
 - 3 Trong phần **[Load and edit the data]**, ấn chuột **[Load / Edit ...]** tiếp vào tập tin cấu hình cần phải chỉnh sửa.
 - Chi tiết tập tin được hiển thị.
 - 4 **Đối với [Room settings] trạm thu hình gắn sảnh 1–3**
 - a. Ấn chuột **[Edit ...]** để mở tập tin cấu hình.
 - Sử dụng bộ chỉnh sửa văn bản của bên thứ ba hoặc chương trình bảng tính để mở tập tin cấu hình.
 - b. Thay đổi các giá trị ở những cột cần thiết và lưu tập tin.
 - c. Trong công cụ cài đặt, ấn **[Reload]**.
 - Nội dung cấu hình được tải lại và hiển thị.
 - d. Ấn chuột **[Close]**.
- Đối với tất cả các cài đặt khác**
- a. Chọn cài đặt mong muốn.
 - b. Nhập giá trị mong muốn trong phần **[Edit Data]**.
 - Các giá trị có thể chấp nhận được hiển thị trong hộp thoại hiện trên màn hình khi bạn di chuột qua trường văn bản.
 - c. Ấn chuột **[Apply / Save]** để lưu các cài đặt vào tập tin cấu hình.
 - d. Ấn chuột **[Close]**.
- 5 Lặp lại bước 3 đối với mỗi tập tin cấu hình mà bạn muốn chỉnh sửa.
 - Các tập tin đã sẵn sàng để tải lên được mặc định **[OK]** hiển thị ở bên phải **[Load and edit the data]**.
 - 6 Trong phần **[Upload the data to device]**, lựa chọn thiết bị mà bạn muốn tải dữ liệu lên và rồi ấn chuột **[Upload]**.

Lưu ý:

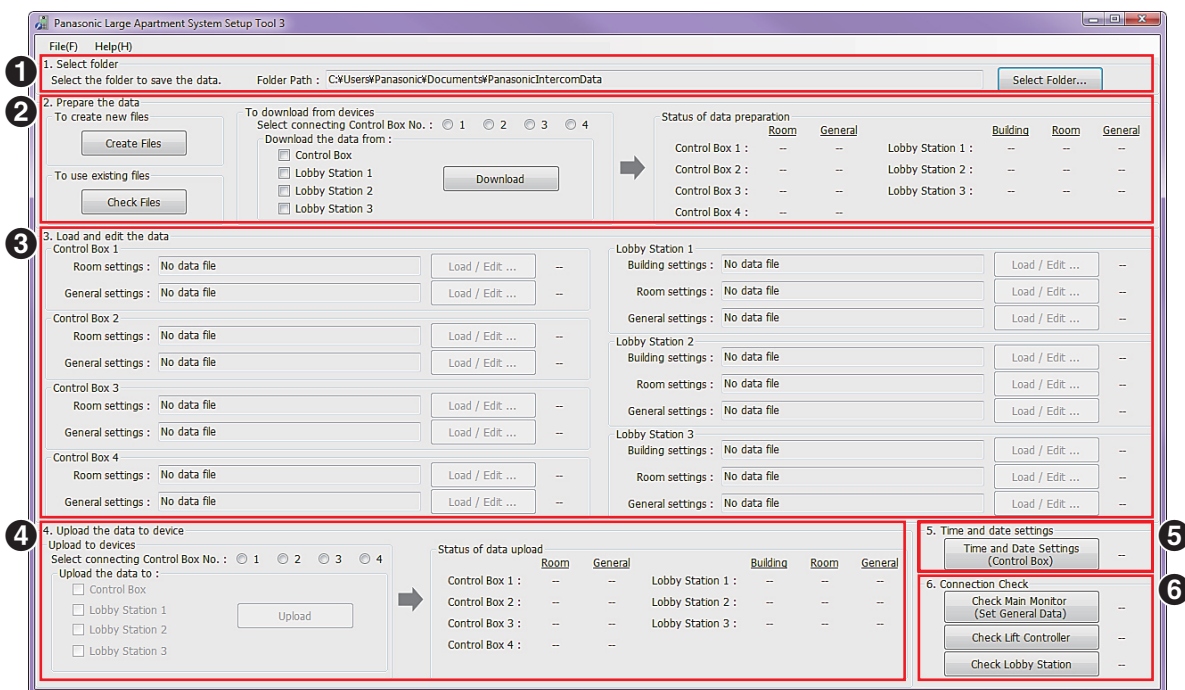
- Xem 5.2.13 Danh sách thông số lập trình PC (Trang 53) để biết thông tin về mỗi thông số.

5.2.5 Giới thiệu về công cụ cài đặt phiên bản 2 hoặc 3

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể mở rộng hệ thống bằng cách sử dụng công cụ cài đặt phiên bản 2 hoặc 3 và kết nối các hộp điều khiển với hộp mở rộng.

Công cụ cài đặt được chia thành các phần sau.



1 Select folder

Cho phép lựa chọn thư mục mà bạn muốn lưu tập tin cấu hình. Tập tin cấu hình được lưu dưới định dạng CSV.

2 Prepare the data

Cho phép bạn lựa chọn tạo tập tin cấu hình mới, sử dụng tập tin cấu hình hiện tại hay tải dữ liệu hiện tại từ thiết bị trên hệ thống về.

- Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống và muốn tải dữ liệu từ các thiết bị của hệ thống, phải xác định hộp điều khiển nào (1-4) đang được kết nối.

3 Load and edit the data

Cho phép bạn tải dữ liệu được lưu trong tập tin cấu hình vào công cụ cài đặt để chỉnh sửa.

- Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống, phải cấu hình các cài đặt tòa nhà trước cài đặt phòng.

4 Upload the data to device

Cho phép bạn tải dữ liệu được lưu trong tập tin cấu hình lên thiết bị trên hệ thống.

- Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống và muốn tải dữ liệu lên các thiết bị của hệ thống, phải xác định hộp điều khiển nào (1-4) đang được kết nối.

5 Time and date settings

Cho phép bạn cài đặt ngày giờ cho hộp điều khiển (được sử dụng cho các nhãn thời gian được lưu trên nhật ký hệ thống).

6 Connection Check

Cho phép bạn xác nhận kết nối của hộp điều khiển đến điều khiển chính, bộ điều khiển thang máy, và trạm thu hình gắn sẵn.

5. Lập trình

5.2.6 Sử dụng công cụ cài đặt phiên bản 2 hoặc 3 để chỉnh sửa dữ liệu

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể cấu hình các cài đặt sau.

- Cài đặt để tăng số hộp điều khiển kết nối với hộp mở rộng
 - Cài đặt tòa nhà
 - Cài đặt để tăng số bộ điều khiển phòng
- Cài đặt gọi cổng, v.v.

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể cấu hình các cài đặt sau.

- Khi bộ điều khiển thang máy sử dụng tín hiệu chuyển tiếp, các cài đặt dừng ở nhiều tầng đối với tất cả các thang máy (lên đến 5 cài đặt tầng riêng biệt) được hỗ trợ.
- Có thể cấu hình một "mã mở" dùng để mở khóa trạm thu hình gắn sẵn cho mỗi căn hộ.
- Khi một trạm thu hình gắn sẵn được mở khóa, một âm thanh thông báo được gửi từ trạm thu hình gắn sẵn tùy vào cài đặt.

1 Khởi động công cụ cài đặt.

2 Trong phần **[Prepare the data]**, ấn chuột vào **[Check Files]**.

- Vị trí của mỗi tập tin cấu hình được hiển thị trong phần **[Load and edit the data]**.
- Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống và muốn tải dữ liệu từ các thiết bị của hệ thống, phải xác định hộp điều khiển nào (1-4) đang được kết nối.

3 Trong phần **[Load and edit the data]**, ấn chuột **[Load / Edit ...]** tiếp vào tập tin cấu hình cần phải chỉnh sửa.

- Chi tiết tập tin được hiển thị.

4 Khi chỉnh sửa trực tiếp tập tin CSV:

- a. Ấn chuột **[Edit ...]** để mở tập tin cấu hình.
 - Sử dụng bộ chỉnh sửa văn bản của bên thứ ba hoặc chương trình bảng tính để mở tập tin cấu hình.
- b. Thay đổi các giá trị ở những cột cần thiết và lưu tập tin.
- c. Trong công cụ cài đặt, ấn **[Reload]**.
 - Nội dung cấu hình được tải lại và hiển thị.
- d. Ấn chuột **[Close]**.

Khi chỉnh sửa từng cài đặt:

- a. Chọn cài đặt mong muốn.
- b. Nhập giá trị mong muốn trong phần **[Edit Data]**.
 - Các giá trị có thể chấp nhận được hiển thị trong hộp thoại hiện trên màn hình khi bạn di chuột qua trường văn bản.
- c. Ấn chuột **[Apply / Save]** để lưu các cài đặt vào tập tin cấu hình.
- d. Ấn chuột **[Close]**.

5 Lặp lại bước 3 đối với mỗi tập tin cấu hình mà bạn muốn chỉnh sửa.

- Các tập tin đã sẵn sàng để tải lên được mặc định **[OK]** hiển thị ở bên phải **[Load and edit the data]**.

6 Trong phần **[Upload the data to device]**, lựa chọn thiết bị mà bạn muốn tải dữ liệu lên và rồi ấn chuột **[Upload]**.

- Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống và muốn tải dữ liệu lên các thiết bị của hệ thống, phải xác định hộp điều khiển nào (1-4) đang được kết nối.

5.2.7 Tải và lưu trữ dữ liệu

Bạn có thể tải dữ liệu đã lưu trong thiết bị hệ thống về và lưu trữ trên máy tính.

1 Khởi động công cụ cài đặt.

2 Trong phần **[Prepare the data]**, bật hộp kiểm tra của các thiết bị được liệt kê ở dưới **[Download the data from]**.

3 Ấn chuột **[Download]**.

- Dữ liệu từ thiết bị được chọn được tải về máy tính và viết đè lên file cấu hình đã được lưu trên máy tính.
- Tham khảo phần **[Select folder]** và ghi nhớ vị trí của file cấu hình.

4 Lưu trữ tập tin cấu hình cần thiết.

5.2.8 Trực tiếp chỉnh sửa tập tin cấu hình

Bạn có thể chỉnh sửa một lượng lớn dữ liệu bằng cách trực tiếp thay đổi tập tin cấu hình.

- 1 Khởi động công cụ cài đặt.
- 2 Tham khảo phần **[Select folder]** và ghi nhớ vị trí của tập tin cấu hình hiện tại.
 - Nếu bạn muốn tạo một tập tin cấu hình mới ở một thư mục khác, tạo một thư mục trong máy tính, lựa chọn thư mục trong phần **[Select folder]**, rồi ấn chuột **[Create Files]** trong phần **[Prepare the data]**.
 - **Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**
 Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống và muốn tải dữ liệu từ các thiết bị của hệ thống, phải xác định hộp điều khiển nào (1-4) đang được kết nối.
- 3 Sử dụng trình duyệt tập tin trên máy tính, mở thư mục chứa tập tin cấu hình hiện tại.
- 4 Mở tập tin cấu hình mong muốn.
 - Sử dụng bộ chỉnh sửa văn bản của bên thứ ba hoặc chương trình bảng tính để mở tập tin cấu hình.
- 5 Thay đổi các giá trị trong cột **[Data]** như mong muốn rồi lưu và đóng tập tin.
 - Các giá trị có thể chấp nhận được mô tả trong cột **[Data Note]**.
 - Mô tả mỗi cài đặt và thông tin khác được trình bày trong cột **[Item Note]**.
 - Xem 5.2.13 Danh sách thông số lập trình PC (Trang 53) để biết thông tin về mỗi thông số.
- 6 Sử dụng công cụ cài đặt, ấn **[Check Files]** trong mục **[Prepare the data]**.
 - Vị trí của mỗi tập tin cấu hình được hiển thị trong mục **[Load and edit the data]**.
- 7 Trong mục **[Load and edit the data]**, ấn **[Load / Edit ...]** tiếp vào tập tin cấu hình cần phải tải lên.
 - Chi tiết tập tin được hiển thị.
 - **Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**
 Khi có nhiều hộp điều khiển trong hệ thống và muốn tải dữ liệu lên các thiết bị của hệ thống, phải xác định hộp điều khiển nào (1-4) đang được kết nối.
- 8 Ấn **[Close]**.
- 9 Lặp lại bước 7 đối với mỗi tập tin cấu hình mà bạn muốn tải lên.
 - Các tập tin đã sẵn sàng để tải lên được mặc định **[OK]** hiển thị ở bên phải phần **[Load and edit the data]**.
- 10 Trong mục **[Upload the data to device]**, lựa chọn thiết bị mà bạn muốn tải dữ liệu lên và rồi ấn **[Upload]**.

5.2.9 Cài đặt ngày giờ cho hộp điều khiển

- 1 Khởi động công cụ cài đặt.
- 2 Trong phần **[Time and date settings]**, ấn chuột **[Time and Date Settings (Control Box)]**.
- 3 Cài đặt ngày giờ rồi ấn chuột **[Set to Control Box]**.

5.2.10 Cài đặt cấu hình điều khiển chính

Sau khi bạn thiết lập cài đặt trong **[Control Box — Room settings]**, sử dụng quy trình sau để áp dụng những cài đặt này cho điều khiển chính.

- 1 Khởi động công cụ cài đặt.
- 2 Trong phần **[Connection Check]**, ấn **[Check Main Monitor (Set General Data)]**, rồi ấn **[Execute]**.

5.2.11 Xác nhận kết nối hộp điều khiển đến bộ điều khiển thang máy

- 1 Khởi động công cụ cài đặt.
- 2 Trong phần **[Connection Check]**, ấn chuột **[Check Lift Controller]**.

5.2.12 Xác nhận kết nối của trạm thu hình gắn sẵn

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể kiểm tra các kết nối với trạm thu hình gắn sẵn.

- 1 Khởi động công cụ cài đặt.
- 2 Trong phần [Connection Check], ấn chuột [Check Lobby Station].

5.2.13 Danh sách thông số lập trình PC

Các thông số sau có sẵn khi sử dụng lập trình PC.

Control Box — Room settings*¹

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Room No.	Xác định số phòng của điều khiển chính được kết nối với cổng hộp điều khiển tương ứng, số hộp phân kênh và cổng hộp phân kênh. (1-99999; 0 được hiển thị khi phòng không được cài đặt cấu hình)	—
Floor No.	Xác định cài đặt số tầng của số phòng tương ứng. (0-99; 0 là tầng hầm)	0
Lift access permission (Lift 1-3)	Xác định khách có thể sử dụng thang máy nào đối với mỗi trạm thu hình gắn sảnh.	0 (Không thể sử dụng thang máy)

Control Box — General settings

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Monitor Time Out	Xác định khoảng thời gian chờ khi xem hình ảnh camera trước khi hiển thị màn hình chờ. [0]: 180 SEC [1]: 90 SEC [2]: 60 SEC [3]: 30 SEC	0 (180 SEC)
Talk Time Out	Xác định khoảng thời gian chờ khi đàm thoại trước khi hiển thị màn hình chờ. [0]: 90 SEC [1]: 60 SEC [2]: 30 SEC [3]: 180 SEC [4]: 300 SEC	0 (90 SEC)
Camera Signal	Thông báo cho hệ thống định dạng tín hiệu được sử dụng bởi camera bên ngoài. [0]: PAL [1]: NTSC	0 (PAL)
Lift Signal Mode	Xác định phương pháp truyền tín hiệu được sử dụng bởi bộ điều khiển thang máy để kết nối với thang máy. Lựa chọn kiểu tín hiệu theo thông số kỹ thuật của thang máy. [0]: RELAY [1]: BINARY	0 (RELAY)
Lift Signal Time	Sau khi xác nhận khách, cài đặt này xác định khoảng thời gian và khách có thể sử dụng thang máy để đến tầng tương ứng. Nếu thang máy có cài đặt tương tự, cài đặt thông số với bất kỳ giá trị nào ngoài "0"; cài đặt thang máy là cài đặt ưu tiên. (1-900 SEC, hoặc 0 để vô hiệu hóa chức năng này)	300 (300 SEC)
Visitor Call Mode	Xác định xem khách có thể gọi phòng trực tiếp hay cuộc gọi được chuyển đến cổng lễ tân. [0]: ROOM MODE [1]: RECEPTION MODE	0 (ROOM MODE)
Terminal 1-4 Extension Number	Thông báo hệ thống số máy lẻ cho cổng 1-4. (tối đa 24 chữ số.)	—

5. Lập trình

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Terminal 1–4 Name Code	Xác định tên cổng 1–4. [1]: TERMINAL # [2]: RECEPTION [3]: GATE [4]: CONTROL ROOM [5]: RESTAURANT [6]: HALL [7]: POOL [8]: SECURITY OFFICE [9]: ENTRANCE [10]: GYM [11]: GUEST ROOM [12]: KID'S ROOM [13]: PARKING [14]: TERRACE [15]: LIFT LOBBY	1 (TERMINAL #)
Terminal 1–4 Reception Code *2	Xác định liệu cổng 1–4. là cổng lễ tân hay cổng thông thường (nghĩa là không được sử dụng như cổng lễ tân). [0]: NORMAL TERMINAL [1]: RECEPTION TERMINAL	0 (NORMAL TERMINAL)
Emergency Terminal Extension Number	Thông báo hệ thống số máy lẻ cho cổng khẩn cấp. (tối đa 24 chữ số.)	—
Emergency Terminal Emergency Mode	Xác định xem cổng khẩn cấp có thể đàm thoại với chủ căn hộ trong khi đang thực hiện cuộc gọi khẩn cấp (chế độ đàm thoại khẩn cấp) hay nếu cổng khẩn cấp chỉ nhận thông báo (chế độ thông báo khẩn cấp). [0]: EMERGENCY TALK [1]: EMERGENCY NOTICE	0 (EMERGENCY TALK)

Lobby Station 1–3 — Room settings *3, *4

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Room No.	Xác định số phòng. (1–99999; 0 được hiển thị khi phòng không được cài đặt cấu hình)	—
Resident Name	Xác định tên chủ hộ tương ứng với số phòng. (tối đa 20 ký tự, chỉ chữ cái in hoa)	—

Lobby Station 1–3 — General settings *5

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Door Key Open Time	Xác định khoảng thời gian cửa vẫn mở. Nếu cài đặt giá trị 0 SEC, không thể mở cửa. (1–20 SEC, hoặc 0 để vô hiệu hóa chức năng này)	5 SEC
Door Key Out Signal	Xác định liệu tín hiệu gửi đi đến khóa điện tử là tín hiệu đóng (ví dụ: tín hiệu thường mở) hoặc tín hiệu mở (ví dụ: tín hiệu thường đóng). [0]: CLOSE [1]: OPEN	0 (CLOSE)

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Door Key Open Code	Xác định mã mở cửa. Nếu bị vô hiệu hóa, cửa không thể mở nếu sử dụng mã. (4 ký hiệu, hoặc ##### vô hiệu hóa)	#### (DISABLE)
Door Key External In	Thông báo cho hệ thống liệu bộ điều khiển truy xuất (bộ mở cửa, công tắc chìa khóa, bộ đọc thẻ, v.v.) được kết nối với bộ phận gắn cửa và được sử dụng để mở khóa cửa. [0]: NO [1]: YES	0 (NO)
Door Key In Signal	Xác định liệu tín hiệu nhận được từ bộ điều khiển truy cập là tín hiệu đóng (ví dụ: tín hiệu thường mở) hay là tín hiệu mở (ví dụ: tín hiệu thường đóng). [0]: CLOSE [1]: OPEN	0 (CLOSE)
Camera Connection	Thông báo cho hệ thống liệu camera có được kết nối hay không. [0]: NO [1]: YES	0 (NO)
Camera Name	Xác định tên camera. [1]: CAMERA # [2]: RECEPTION [3]: GATE [4]: CONTROL ROOM [5]: RESTAURANT [6]: HALL [7]: POOL [8]: SECURITY OFFICE [9]: ENTRANCE [10]: GYM [11]: GUEST ROOM [12]: KID'S ROOM [13]: PARKING [14]: TERRACE [15]: LIFT LOBBY	1 (CAMERA #)
Camera Display Priority	Xác định hình ảnh camera nào được hiển thị khi bắt đầu quan sát. [0]: LOBBY [1]: CAMERA [2]: CAMERA ONLY	0 (LOBBY)
Camera Switching Image	Xác định xem khách (người dùng trạm thu hình gắn sảnh) có thể thay đổi giữa camera trạm thu hình gắn sảnh và camera bên ngoài. [0]: NO [1]: YES	0 (NO)
Wide/Zoom	Xác định liệu hình ảnh camera được hiển thị trong chế độ màn hình rộng hay chế độ phóng khi bắt đầu quan sát. [0]: WIDE [1]: ZOOM	0 (WIDE)

5. Lập trình

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Zoom Position	Xác định vị trí phóng camera mong muốn. [1]: UPPER LEFT [2]: UPPER SIDE [3]: UPPER RIGHT [4]: LEFT [5]: CENTRE [6]: RIGHT [7]: LOWER LEFT [8]: LOWER SIDE [9]: LOWER RIGHT	5 (CENTRE)
Power Frequency	Thông báo cho hệ thống loại tần số nguồn điện cấp cho trạm thu hình gắn sảnh. [0]: 50 HZ [1]: 60 HZ	0 (50 HZ)
Access Code	Xác định mã truy cập cho phép bạn sử dụng trạm thu hình gắn sảnh để cài đặt cấu hình hệ thống. (6 chữ số)	123456

*1 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Khi bộ điều khiển thang máy sử dụng tín hiệu chuyển tiếp, các cài đặt dừng ở nhiều tầng đối với tất cả các thang máy (lên đến 5 cài đặt tầng riêng biệt) được hỗ trợ. (Các cài đặt cùng tầng được sử dụng cho tất cả các thang máy.)

Control Box — Room settings

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Room No.	Xác định số phòng của điều khiển chính đã kết nối với cổng hộp điều khiển tương ứng, số hộp phân kênh, và cổng hộp phân kênh. (1–99999; 0 được hiển thị khi phòng không được cài đặt cấu hình)	0
Floor No.	Xác định cài đặt số phòng của số phòng tương ứng. (0–99; 0 là tầng hầm) ● Khi xác định cài đặt nhiều số tầng (lên đến 5 cài đặt tầng riêng biệt): Nhập các giá trị như dưới đây để cấu hình nhiều tầng dừng. Ví dụ dừng vào tầng 1F, 2F, 3F, 4F, và 5F: 1F2F3F4F5F	0
Lift access permission (Lift 1–3)	Xác định các thang khách có thể sử dụng tới mỗi trạm thu hình gắn sảnh.	0 (Không sử dụng được thang nào)

Lưu ý:

- Khi bộ điều khiển thang máy sử dụng tín hiệu nhị phân, chỉ cho phép dừng tại tầng được cấu hình đầu tiên ngay cả khi đã cấu hình nhiều tầng dừng.

*2 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể cấu hình cài đặt gọi cổng cho mỗi trạm thu hình gắn sảnh và máy ảnh kết nối với mỗi hộp điều khiển.

Control Box — General settings

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Terminal 1-4 Reception Code	Xác định liệu cổng 1-4 là cổng lễ tân hay cổng thông thường (nghĩa là không được sử dụng như cổng lễ tân). [0]: NORMAL [1]: RECEPTION <ul style="list-style-type: none"> ● Cài đặt cuộc gọi cổng (trang 74): Số sảnh của phòng lễ tân và cổng lễ tân dùng trong lễ tân phải được liên kết với nhau trước. Khi số hộp mở rộng sử dụng tăng lên, phải cấu hình công tắc DIP của hộp mở rộng. [2]: GATE CALL (LOBBY GROUP 1) [3]: GATE CALL (LOBBY GROUP 2) [4]: GATE CALL (LOBBY GROUP 3) 	0 (NORMAL)

*3 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Lobby Station 1-3 — Building settings

Phải đăng ký tòa nhà. Có thể sử dụng các cài đặt để thay đổi số tòa nhà đăng ký ở mỗi trạm thu hình gắn sảnh.

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Building No.	Đăng ký số của tòa nhà. Có thể đăng ký tối đa 20 tòa nhà. Có thể sử dụng tối đa 3 chữ số (1-999; 0 không thể đăng ký được).	1
Control Box No.	Xác định hộp điều khiển (1-4) được liên kết với số tòa nhà.	1

Lobby Station 1-3 — Room settings

Có thể cấu hình cài đặt phòng để hỗ trợ tối đa 2240 phòng.

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Room No.	Xác định số phòng. (1-99999; 0 được hiển thị khi phòng không được cài đặt cấu hình)	0
Resident Name	Xác định tên chủ hộ tương ứng với số phòng. (tối đa 20 ký tự, chỉ chữ cái in hoa)	—
Building No.	Xác định số tòa nhà tương ứng với số phòng.	0

*4 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể cấu hình một "mã mở" dùng để mở khóa trạm thu hình gắn cho mỗi căn hộ.

Quan trọng:

- Để tránh những kẻ đột nhập vào tòa nhà, đảm bảo chọn mã mở khó đoán, thay đổi thường xuyên, và bảo mật mã. Thông báo cho toàn bộ các nhân viên và chủ căn hộ liên quan các chính sách này.

Lobby Station 1-3 — Room settings

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Room No.	Xác định số phòng. (1-99999; 0 được hiển thị khi phòng không được cài đặt cấu hình)	0
Resident Name	Xác định tên chủ hộ tương ứng với số phòng. (tối đa 20 ký tự, chỉ chữ cái in hoa)	—

5. Lập trình

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Building No.	Xác định số tòa nhà cho số phòng tương ứng.	0
Open Code	Xác định mã mở cho mỗi số phòng. Nếu bị vô hiệu hóa, không thể mở cửa bằng mã. (4 chữ số, hoặc ##### vô hiệu hóa)	#### (DISABLE)

*5 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Khi một trạm thu hình gắn sảnh được mở khóa, một âm thanh thông báo được gửi từ trạm thu hình gắn sảnh tùy vào cài đặt.

Lobby Station 1–3 — General settings

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
Door Key Open Time	Xác định khoảng thời gian cửa mở. Nếu đặt 0 SEC, cửa không thể mở. (1–20 SEC, hoặc 0 để vô hiệu hóa chức năng này)	5 SEC
Door Key Open Sound	Gửi âm thanh thông báo tới trạm thu hình gắn sảnh khi mở khóa cửa. (Âm thanh thông báo cũng được gửi khi bộ điều khiển truy cập (thiết bị mở khóa cửa, công tắc khóa, bộ đọc thẻ, v.v.) mở khóa cửa.) [0]: NO [1]: YES	0 (NO)

5.3 Lập trình trạm thu hình gắn sảnh

Bạn có thể sử dụng trạm thu hình gắn sảnh để thiết lập nhiều cài đặt hệ thống.

1 Đăng ký trạm thu hình gắn sảnh (trang 27).

- Nếu bạn đã đăng ký trạm thu hình gắn sảnh, bỏ qua bước này.

2 Ấn [#] → nhập mã truy cập → [Δ].

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

a. Nhập số tòa nhà → [Δ].

b. Ấn [#] → nhập mã truy cập → [Δ].

- Mã truy cập mặc định là "123456". Nếu cần thiết, bạn có thể thay đổi mã truy cập (Thay đổi mã truy cập (Trang 58)).

3 Cài đặt mỗi thông số.

- Bạn có thể duyệt các thông số bằng cách ấn [▲] và [▼], và chọn một thông số bằng cách ấn [Δ].
- Để hủy, ấn [X].
- Xem 5.3.1 Danh sách thông số lập trình trạm thu hình gắn sảnh (Trang 59) để biết thông tin về mỗi thông số.

4 Ấn [X] khi hoàn thành.

- Trạm thu hình gắn sảnh thoát chế độ lập trình và màn hình chờ được hiển thị.

Nhập số và ký tự

Bạn có thể sử dụng bàn phím để nhập số và ký tự.

- Ấn một phím liên tục để di chuyển qua các ký tự được gán cho khóa đó.
- Làm theo các hướng dẫn hiển thị ở dưới màn hình.
 - Để xóa tất cả các số hoặc ký tự, ấn [*].
 - Để con trỏ tiến lên, ấn [#].
 - Để hủy, ấn [X].
 - Để xác nhận hoặc lưu số hoặc ký tự được nhập vào, ấn [Δ].

Thay đổi mã truy cập

Cần phải có mã truy cập để sử dụng lập trình trạm thu hình gắn sảnh.

1. Ấn [#] → nhập mã truy cập → [Δ].
Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)
 - a. Nhập số tòa nhà → [Δ].
 - b. Ấn [#] nhập mã truy cập → [Δ].
 - Mã truy cập mặc định là "123456".
2. Lựa chọn "SET ACCESS CODE" → [Δ].
3. Nhập mã 6 chữ số mong muốn → [Δ].
4. Ấn [X].

Thay đổi mã mở

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Khi "mã mở" dùng để mở khóa sảnh được cấu hình cho mỗi căn hộ bằng công cụ thiết lập PC, cũng có thể thay đổi "mã mở" bằng lập trình trạm thu hình gắn sảnh.

Để sử dụng tính năng này, phải cấu hình trước các cài đặt "mã mở" từ công cụ thiết lập PC. Tham khảo trang 58.

Quan trọng:

- Để tránh những kẻ đột nhập vào tòa nhà, đảm bảo chọn mã mở khó đoán, thay đổi thường xuyên, và bảo mật mã. Thông báo cho toàn bộ các nhân viên và chủ căn hộ liên quan các chính sách này.
 - Khi mã mở được đổi sang "#### (Vô hiệu)", phải được cấu hình từ công cụ thiết lập PC cho lần sử dụng tiếp theo.
1. **Đối với hệ thống 1 tòa nhà:**
Nhập số phòng của chủ căn hộ.
Đối với hệ thống nhiều tòa nhà:
 - a. Nhập số tòa nhà của chủ căn hộ.
 - b. Ấn [Δ].
 - c. Nhập số phòng của chủ căn hộ.
 2. Ấn [#].
 3. Nhập mã mở 4 chữ số hiện tại (đã cấu hình).
 - Xác nhận mã mở 4 chữ số với nhân viên kỹ thuật.
 4. Ấn [*] [#] [Δ].
 5. Nhập mã mở 4 chữ số mong muốn → [Δ].

5.3.1 Danh sách thông số lập trình trạm thu hình gắn sảnh

Các thông số sau có sẵn khi sử dụng lập trình trạm thu hình gắn sảnh.

Lưu ý:

- Bạn có thể sử dụng lập trình PC để thiết lập các cài đặt này cho mỗi điều khiển chính. Tên thông số hơi khác so với khi sử dụng lập trình PC.

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
SET ROOM NO.* ¹	Xác định số phòng và tên chủ hộ. (1–99999, tối đa 20 ký tự, chữ viết thường không khả dụng) • Tham khảo Nhập số và ký tự (Trang 58) để biết thêm thông tin.	—
DELETE ROOM NO.	Xóa số phòng và tên chủ hộ. (1–99999)	—
SET DOOR KEY* ²		
DOOR KEY OPEN TIME	Xác định khoảng thời gian cửa vẫn mở. Nếu cài đặt giá trị 0 SEC, không thể mở cửa. (01–20 SEC, hoặc 00 để vô hiệu hóa chức năng này)	05 (5 SEC)

5. Lập trình

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
DOOR KEY OUT SIGNAL	Xác định liệu tín hiệu gửi đi đến khóa điện tử là tín hiệu đóng (ví dụ: tín hiệu thường mở) hoặc tín hiệu mở (ví dụ: tín hiệu thường đóng). [00]: CLOSE [01]: OPEN	00 (CLOSE)
DOOR KEY OPEN CODE	Xác định mã mở cửa. Nếu bị vô hiệu hóa, không thể mở cửa bằng mã. (4 ký hiệu, hoặc ##### vô hiệu hóa)	#### (DISABLE)
DOOR KEY EXTERNAL IN	Thông báo cho hệ thống liệu bộ điều khiển truy xuất (bộ mở cửa, công tắc chìa khóa, bộ đọc thẻ, v.v.) được kết nối với trạm thu hình gắn sảnh và được sử dụng để mở khóa cửa. [00]: NO [01]: YES	00 (NO)
DOOR KEY IN SIGNAL	Xác định liệu tín hiệu nhận được từ bộ điều khiển truy cập là tín hiệu đóng (nghĩa là tín hiệu thường mở) hay là tín hiệu mở (nghĩa là tín hiệu thường đóng). [00]: CLOSE [01]: OPEN ● Chỉ có sẵn khi "DOOR KEY EXTERNAL IN" được cài đặt "YES".	00 (CLOSE)
SET CAMERA		
CAMERA CONNECTION	Thông báo cho hệ thống liệu camera có được kết nối hay không. [00]: NO [01]: YES	00 (NO)
CAMERA NAME	Xác định tên camera. [01]: CAMERA # [02]: RECEPTION [03]: GATE [04]: CONTROL ROOM [05]: RESTAURANT [06]: HALL [07]: POOL [08]: SECURITY OFFICE [09]: ENTRANCE [10]: GYM [11]: GUEST ROOM [12]: KID'S ROOM [13]: PARKING [14]: TERRACE [15]: LIFT LOBBY	01 (CAMERA #)
DISPLAY PRIORITY	Xác định hình ảnh camera nào được hiển thị khi bắt đầu quan sát. [00]: LOBBY [01]: CAMERA [02]: CAMERA ONLY	00 (LOBBY)
SWITCHING IMAGE	Xác định liệu khách (người dùng trạm thu hình gắn sảnh) có thể thay đổi giữa camera trạm thu hình gắn sảnh và camera bên ngoài. [00]: NO [01]: YES	00 (NO)

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
SET WIDE/ZOOM		
WIDE/ZOOM SETTINGS	Xác định liệu hình ảnh camera được hiển thị trong chế độ màn hình rộng hay chế độ phóng khi bắt đầu quan sát. [00]: WIDE [01]: ZOOM	00 (WIDE)
ZOOM POSITION	Xác định vị trí phóng camera mong muốn. [01]: UPPER LEFT [02]: UPPER SIDE [03]: UPPER RIGHT [04]: LEFT [05]: CENTRE [06]: RIGHT [07]: LOWER LEFT [08]: LOWER SIDE [09]: LOWER RIGHT	05 (CENTRE)
SET POWER FREQ.	Thông báo cho hệ thống loại tần số nguồn điện cấp cho trạm thu hình gắn sẵn. [00]: 50 HZ [01]: 60 HZ	00 (50 HZ)
SET CAMERA SIGNAL	Thông báo cho hệ thống định dạng tín hiệu được sử dụng bởi camera bên ngoài. [00]: PAL [01]: NTSC	00 (PAL)
SET TIME&DATE	Xác định cài đặt ngày giờ của hệ thống.	01/JAN/2015 00:00
SET TIME OUT		
MONITOR TIME OUT	Xác định khoảng thời gian chờ khi xem hình ảnh camera trước khi hiển thị màn hình chờ. [00]: 180 SEC [01]: 90 SEC [02]: 60 SEC [03]: 30 SEC	00 (180 SEC)
TALK TIME OUT	Xác định khoảng thời gian chờ khi đàm thoại trước khi hiển thị màn hình chờ. [00]: 90 SEC [01]: 60 SEC [02]: 30 SEC [03]: 180 SEC [04]: 300 SEC	00 (90 SEC)
SET LIFT		
SIGNAL MODE TO LIFT	Xác định phương pháp truyền tín hiệu được sử dụng bởi bộ điều khiển thang máy để kết nối với thang máy. Lựa chọn kiểu tín hiệu theo thông số kỹ thuật của thang máy. [00]: RELAY [01]: BINARY	00 (RELAY)

5. Lập trình

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
SIGNAL TIME TO LIFT	Sau khi xác nhận khách, cài đặt này xác định khoảng thời gian mà khách có thể sử dụng thang máy để đến tầng tương ứng. Nếu thang máy có cài đặt tương tự, cài đặt thông số này với bất kỳ giá trị nào khác "0"; ưu tiên cài đặt hộp điều khiển thang máy. (001–900 SEC, hoặc 000 để vô hiệu hóa chức năng này)	300 (300 SEC)
SET ACCESS CODE	Xác định mã truy cập cho phép bạn sử dụng trạm thu hình gắn sảnh để cài đặt cấu hình hệ thống. (6 chữ số)	123456

*1 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Phải đăng ký tòa nhà. Có thể sử dụng các cài đặt để thay đổi số tòa nhà đăng ký ở mỗi trạm thu hình gắn sảnh. Cấu hình cài đặt số phòng sau khi cấu hình cài đặt số tòa nhà.

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
SET BUILDING NO.		
BUILDING NO.	Đăng ký số của tòa nhà. Có thể đăng ký tối đa 20 tòa nhà. Có thể dùng tối đa 3 chữ số (1–999).	1
CONTLOL BOX NO.	Xác định hộp điều khiển (1-4) được liên kết với số tòa nhà.	1

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
SET ROOM NO.	Xác định số phòng, tên chủ hộ, và tên tòa nhà. (1–99999, tối đa 20 ký tự, chữ viết thường không khả dụng, 1–999) <ul style="list-style-type: none"> Phải cấu hình số tòa nhà trước. Tham khảo Nhập số và ký tự (Trang 58) để biết thêm thông tin chi tiết. 	—

*2 Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Khi một trạm thu hình gắn sảnh được mở khóa, một âm thanh thông báo được gửi từ trạm thu hình gắn sảnh tùy vào cài đặt.

Thông số	Mô tả và các cài đặt có sẵn	Mặc định
SET DOOR KEY		
DOOR KEY OPEN TIME	Xác định khoảng thời gian cửa mở. Nếu đặt 0 SEC, cửa không thể mở. (01–20 SEC, hoặc 00 để vô hiệu hóa chức năng này)	05 (5 SEC)
DOOR KEY OPEN SOUND	Gửi âm thanh thông báo tới trạm thu hình gắn sảnh khi mở khóa cửa. (Âm thanh thông báo cũng được gửi khi bộ điều khiển truy cập (thiết bị mở khóa cửa, công tắc khóa, bộ đọc thẻ, v.v.) mở khóa cửa.) [00]: NO [01]: YES	00 (NO)

5.4 Lập trình điện thoại

Sử dụng quy trình này để thiết lập các cài đặt sau.

- Số máy lẻ của PBX mà được sử dụng như cổng 1–4 và cổng khẩn cấp
- Tên được chỉ định cho các cổng 1–4
- Liệu cổng 1–4 được sử dụng như cổng lễ tân hay không
- Liệu cổng khẩn cấp có thể đàm thoại với người gọi điều khiển chính trong khi thực hiện cuộc gọi khẩn cấp

1 Quay số máy lẻ được chỉ định đến hộp điều khiển.

2 Nhập các số tính năng để xác định cổng bạn chỉ định.

Số tính năng	Mô tả
# # * 0 #	Cổng khẩn cấp
# # * 1 #	Cổng 1
# # * 2 #	Cổng 2
# # * 3 #	Cổng 3
# # * 4 #	Cổng 4

3 Nhập số máy lẻ của cổng mà bạn muốn chỉ định → ấn [#].

- Ví dụ: Đối với máy lẻ 101, nhập 1 0 1 [#].

4 Cổng khẩn cấp

Bỏ qua bước này.

Cổng 1–4

Nhập các số tính năng để xác định tên cổng.

- Có thể sử dụng tên để gọi cổng, và tên sẽ được hiển thị khi bộ phận nhận được một cuộc gọi từ cổng.

Số tính năng	Mô tả
0 1 # (mặc định)	TERMINAL #
0 2 #	RECEPTION
0 3 #	GATE
0 4 #	CONTROL ROOM
0 5 #	RESTAURANT
0 6 #	HALL
0 7 #	POOL
0 8 #	SECURITY OFFICE
0 9 #	ENTRANCE
1 0 #	GYM
1 1 #	GUEST ROOM
1 2 #	KID'S ROOM
1 3 #	PARKING
1 4 #	TERRACE
1 5 #	LIFT LOBBY

5. Lập trình

5 Nhập các số tính năng để xác định chế độ hoạt động của cổng.

Số tính năng	Mô tả
00# (mặc định)	Đối với cổng khẩn cấp Chọn chế độ EMERGENCY TALK. Trong khi thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, điều khiển chính có thể đàm thoại với cổng khẩn cấp (lên đến 10 phút). Đối với cổng 1-4 Chọn chế độ NORMAL TERMINAL. Cổng không thể được sử dụng như cổng lễ tân.
01#	Đối với cổng khẩn cấp Chọn chế độ EMERGENCY NOTICE. Trong khi thực hiện cuộc gọi khẩn cấp, cổng khẩn cấp nhận thông báo khẩn cấp nhiều lần. Đối với cổng 1-4 Chọn chế độ RECEPTION TERMINAL. Cổng có thể được sử dụng như cổng lễ tân. <ul style="list-style-type: none">Tham khảo 6.3 Thao tác của nhân viên bộ phận (Trang 83) và chuyển chế độ khách gọi sang chế độ lễ tân.

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Có thể cấu hình cài đặt gọi cổng cho mỗi trạm thu hình gắn sẵn và máy ảnh kết nối với mỗi hộp điều khiển.

Số tính năng	Mô tả
02# : GATE CALL (LOBBY GROUP 1) 03# : GATE CALL (LOBBY GROUP 2) 04# : GATE CALL (LOBBY GROUP 3)	Cài đặt cuộc gọi cổng (trang 74): Số sảnh của phòng lễ tân và cổng lễ tân dùng trong lễ tân phải được liên kết với nhau trước. Khi số hộp mở rộng sử dụng tăng lên, phải cấu hình công tắc DIP của hộp mở rộng.

6 Cúp máy.

Lưu ý:

- Cần phải có điều khiển chính tương thích, như VL-MVN511 để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp đến cổng khẩn cấp.

Xóa chỉ định cổng

Sử dụng quy trình này để dừng sử dụng cổng trong hệ thống.

- Quay số máy lẻ được chỉ định đến hộp điều khiển.
- Nhập các số tính năng để xác định cổng muốn xóa.

Số tính năng	Mô tả
# # * 0 # #	Cổng khẩn cấp
# # * 1 # #	Cổng 1
# # * 2 # #	Cổng 2
# # * 3 # #	Cổng 3
# # * 4 # #	Cổng 4

3. Cúp máy.

5.5 Lập trình điều khiển chính

Sử dụng quy trình này trong phần này để thiết lập các cài đặt sau. Thực hiện quy trình này cho mỗi điều khiển chính.

- Cài đặt điều khiển chính ở chế độ căn hộ
- Cài đặt số phòng

- Cài đặt số tầng
- Cài đặt cho phép khách sử dụng thang máy

Lưu ý:

- Bạn có thể sử dụng lập trình PC để thiết lập các cài đặt này cho mỗi điều khiển chính.
- Vận hành có thể thay đổi phụ thuộc vào số model của điều khiển chính.

Khi lập trình VL-MVN511

1. Ấn và giữ nút khóa mềm thứ hai từ trái, **[OFF]**, và **[TALK]** cùng một lúc (tổng cộng 3 nút).
 - Tiếp tục giữ nút và thực hiện bước tiếp theo.
2. Ấn và giữ nút **[RESET]** trong khoảng 3 giây, rồi chỉ nhả nút **[RESET]**.
 - Điều khiển chính khởi động và nhập chế độ lập trình.
3. Khi màn hình sáng, nhả tất cả các nút.
4. Sử dụng phím điều hướng để lựa chọn “**Apartment mode**” → .
 - Điều khiển chính khởi tạo các cài đặt.
 - Trong khi thực hiện bước tiếp theo, bạn có thể hủy mà không cần lưu cài đặt bằng cách ấn **[OFF]**.
5. Nhập số phòng.
 - a. Sử dụng nút điều hướng để chọn số mong muốn.
 - b. Sử dụng phím điều hướng để chấp nhận số được nhập vào và di chuyển con trỏ lên.
 - c. Ấn khi hoàn thành.
6. Nhập số tầng.
 - a. Sử dụng nút điều hướng để chọn số mong muốn.
 - b. Ấn khi hoàn thành.
7. Cài đặt cho phép khách sử dụng thang máy là “**Lift 1**”.
 - a. Sử dụng phím điều hướng để cho phép hoặc không cho phép sử dụng thang máy đối với khách cho mỗi sảnh.
 - b. Sử dụng phím điều hướng để chọn trạm thu hình gắn sảnh tiếp theo.
 - c. Ấn khi hoàn thành.
 - Lặp lại quy trình trên cho “**Lift 2**” và “**Lift 3**”
8. Xác nhận cài đặt được hiển thị.
 - Ấn để trở về và nhập cài đặt mong muốn một lần nữa.
9. Ấn để kiểm tra số phòng trùng lặp.
 - Nếu phát hiện trùng số phòng, ấn để viết đè cài đặt số phòng hiện có, hoặc để hủy lưu cài đặt.
Nếu không trùng số phòng, lưu cài đặt trong hộp điều khiển.

Lưu ý:

- Nếu ấn , các cài đặt sẽ chỉ được lưu trong điều khiển chính và điều khiển chính sẽ khởi động lại. Để lưu cài đặt trong hộp điều khiển, ấn .

Khi lập trình VL-MW251

1. Ấn và giữ **[OFF]**, **[TALK]**, và **[MENU]** cùng một lúc (tổng cộng 3 nút).
 - Tiếp tục giữ nút và thực hiện bước tiếp theo.
2. Ấn và giữ nút **[RESET]** trong khoảng 3 giây, rồi chỉ nhả nút **[RESET]**.
 - Điều khiển chính khởi động và nhập chế độ lập trình.
3. Khi màn hình sáng, nhả tất cả các nút.
4. Ấn phím mềm hoặc để chọn “**APARTMENT MODE**” → .
 - Điều khiển chính khởi tạo các cài đặt.
 - Trong khi thực hiện bước tiếp theo, bạn có thể hủy mà không cần lưu cài đặt bằng cách ấn **[OFF]**.
5. Nhập số phòng.
 - a. Ấn hoặc để chọn số mong muốn.
 - b. Ấn để xác nhận số nhập vào và di chuyển con trỏ lên trên.
 - c. Ấn khi hoàn thành.

5. Lập trình

6. Nhập số tầng.

- Ấn hoặc để chọn số mong muốn.
- Ấn khi hoàn thành.

7. Cài đặt cho phép khách sử dụng thang máy là “LIFT 1”.

- Ấn hoặc để cho phép hoặc không cho phép khách sử dụng thang máy đến mỗi điều khiển chính.
- Ấn để chọn trạm thu hình gắn sẵn tiếp theo.
- Ấn khi hoàn thành.
 - Lặp lại quy trình trên cho “LIFT 2” và “LIFT 3”

8. Xác nhận cài đặt được hiển thị.

- Ấn để trở về và nhập cài đặt mong muốn một lần nữa.

9. Ấn để kiểm tra số phòng trùng lặp.

- Nếu thấy số phòng bị trùng, ấn hoặc để lựa chọn bạn có muốn viết đề lên các cài đặt số phòng hiện có hay không.
Nếu không trùng số phòng, lưu cài đặt trong hộp điều khiển.

Lưu ý:

- Nếu bạn ấn , các cài đặt sẽ chỉ được lưu trong điều khiển chính và điều khiển chính sẽ khởi động lại. Để lưu cài đặt trong hộp điều khiển, ấn .

Khi lập trình VL-MV26

1. Ấn và giữ , , và cùng một lúc (tổng cộng 3 nút).

- Tiếp tục giữ nút và thực hiện bước tiếp theo.

2. Ấn và giữ nút trong khoảng 3 giây, rồi chỉ nhả nút .

- Điều khiển chính khởi động và nhập chế độ lập trình.

3. Khi màn hình sáng, nhả tất cả các nút.

4. Nhập số phòng.

- Ấn hoặc để chọn số mong muốn.
- Ấn để xác nhận số nhập vào và di chuyển con trỏ lên trên.
- Ấn khi hoàn thành.

5. Nhập số tầng.

- Ấn hoặc để chọn số mong muốn.
- Ấn khi hoàn thành.

6. Cài đặt cho phép khách sử dụng thang máy là “LIFT 1”.

- Ấn hoặc để cho phép hoặc không cho phép khách sử dụng thang máy đến mỗi sảnh.
- Ấn để chọn trạm thu hình gắn sẵn tiếp theo.
- Ấn khi hoàn thành.
 - Lặp lại quy trình trên cho “LIFT 2” và “LIFT 3”

7. Xác nhận cài đặt được hiển thị.

- Ấn để trở về và nhập cài đặt mong muốn một lần nữa.

8. Ấn để kiểm tra số phòng trùng lặp.

- Nếu thấy số phòng bị trùng, ấn hoặc để lựa chọn bạn có muốn viết đề lên các cài đặt số phòng hiện có hay không.
Nếu không trùng số phòng, lưu cài đặt trong hộp điều khiển.

Lưu ý:

- Nếu bạn ấn , các cài đặt sẽ chỉ được lưu trong điều khiển chính và điều khiển chính sẽ khởi động lại. Để lưu cài đặt trong hộp điều khiển, ấn .

Khi lập trình VL-MWD272/VL-MWD273/VL-MV71/VL-MV72

1. Ấn và giữ , , và cùng một lúc (tất cả 3 nút).

- Tiếp tục giữ nút và thực hiện bước tiếp theo.

2. Ấn và giữ nút **[RESET]** khoảng 3 giây, sau đó chỉ nhả nút **[RESET]**.
 - Điều khiển chính khởi động và nhập chế độ lập trình.
3. Khi màn hình sáng, nhả tất cả các nút.
4. Ấn phím mềm hoặc để chọn **"Apartment mode"** → .
 - Điều khiển chính bắt đầu cài đặt.
 - Trong khi thực hiện các bước tiếp theo, có thể hủy mà không cần lưu cài đặt bằng cách ấn **[OFF]**.
5. Nhập số phòng.
 - a. Ấn hoặc để chọn số phòng mong muốn.
 - b. Ấn để xác nhận số nhập vào và di chuyển con trỏ lên trên.
 - c. Ấn khi kết thúc.
6. Nhập số tầng.
 - a. Ấn hoặc để chọn số tầng mong muốn.
 - b. Ấn khi kết thúc.
7. Cài đặt cho phép khách sử dụng thang máy là **"Lift 1"**.
 - a. Ấn hoặc để cho phép hoặc không cho phép sử dụng thang máy đối với khách cho mỗi sảnh.
 - b. Ấn để chọn trạm thu hình gắn sảnh tiếp theo.
 - c. Ấn khi kết thúc.
 - Lặp lại quy trình trên cho **"Lift 2"** và **"Lift 3"**.
8. Kiểm tra lại cài đặt màn hình hiển thị
 - Ấn để trở về và nhập cài đặt mong muốn một lần nữa.
9. Ấn để kiểm tra số phòng trùng lặp.
 - Nếu thấy số phòng bị trùng, ấn hoặc để lựa chọn bạn có muốn ghi đè lên các cài đặt số phòng hiện có hay không.
Nếu không trùng số phòng, lưu cài đặt trong hộp điều khiển.

Lưu ý:

- Nếu ấn , các cài đặt sẽ chỉ được lưu trong điều khiển chính và điều khiển chính sẽ khởi động lại. Để lưu cài đặt trong hộp điều khiển, ấn .
- Khi chế độ (House mode hoặc Apartment mode) của điều khiển chính thay đổi, điều khiển mở rộng sẽ tự động thay đổi chế độ để phù hợp với điều khiển chính.

Khi lập trình VL-MV74

1. Ấn **[≡]** một lần. Khi ấn và giữ nút **[▽]** ở bên phải màn hình chính, ấn và giữ nút **[RESET]** phía bên trái trong khoảng 3 giây, sau đó chỉ nhả nút **[RESET]**.
 - Tiếp tục giữ nút **[▽]** và thực hiện bước tiếp theo.
2. Khi màn hình chuyển sang màu trắng, nhả nút **[▽]**.
3. Ấn một trong số các nút sau một lần theo thứ tự sau.
[☎ TALK] → [OFF] → [•••]
 - Màn hình chính khởi động và nhập chế độ lập trình.
4. **VL-MV74VNP**: Chế độ **"Apartment mode"** ban đầu được chọn. Ấn .
 - VL-MV74VNP (đối với người dùng chung cư)
VL-MV74VN (đối với người dùng nhà ở)
 - Màn hình chính khởi tạo cài đặt.
 - Trong khi thực hiện các bước tiếp theo, có thể hủy mà không cần lưu cài đặt bằng cách ấn **[OFF]**.
5. Nhập số phòng.
 - a. Ấn hoặc để chọn số mong muốn.
 - b. Ấn để chấp nhận số đã nhập và tiến con trỏ.
 - c. Ấn khi kết thúc.
6. Nhập số tầng.

5. Lập trình

- a. Ấn hoặc để chọn số mong muốn.
 - b. Ấn khi kết thúc.
7. Cài đặt cho phép khách sử dụng thang máy cho “Lift 1”.
- a. Ấn hoặc để cho phép hoặc cấm khách sử dụng thang máy cho mỗi sảnh.
 - b. Ấn để chọn bộ phận gắn sảnh tiếp theo.
 - c. Ấn khi kết thúc.
 - Lập lại quy trình trên cho “Lift 2” và “Lift 3”.
8. Xác nhận các cài đặt hiển thị.
- Ấn để quay lại và nhập lại các cài đặt mong muốn.
9. Ấn để kiểm tra số phòng trùng lặp.
- Nếu phát hiện số phòng trùng lặp, ấn hoặc để chọn xem có muốn viết đề các cài đặt số phòng hiện có không.
Nếu không phát hiện trùng lặp, các cài đặt được lưu trong hộp điều khiển.

Lưu ý:

- Nếu ấn , các cài đặt sẽ chỉ được lưu trong điều khiển chính và điều khiển chính sẽ khởi động lại. Để lưu cài đặt trong hộp điều khiển, ấn .
- Khi chế độ (House mode hoặc Apartment mode) của điều khiển chính thay đổi, điều khiển mở rộng sẽ tự động thay đổi chế độ để phù hợp với điều khiển chính.

5.5.1 Danh sách thông số lập trình điều khiển chính

Các thông số sau có sẵn khi sử dụng lập trình điều khiển chính.

Lưu ý:

- Bạn có thể sử dụng lập trình PC để thiết lập các cài đặt này cho mỗi điều khiển chính. Tên thông số hơi khác so với khi sử dụng lập trình PC.

Thông số	Mô tả	Mặc định
ROOM NUMBER	Thông báo cho hệ thống điều khiển chính được cài đặt ở phòng nào. (1-99999)	—
FLOOR NUMBER	Thông báo cho hệ thống điều khiển chính được cài đặt ở tầng nào. (0-99; 0 là tầng hầm)	—
LIFT 1 LIFT 2 LIFT 3	Xác định khách có thể sử dụng thang máy nào đối với mỗi trạm thu hình gắn sảnh. (Yes, No)	No (Không thể sử dụng thang máy)

5.6 Lập trình hộp mở rộng


Sử dụng các hộp mở rộng để tăng số lượng trạm thu hình gắn sảnh dùng cho hệ thống. Có thể được kết nối tối đa 3 hộp mở rộng tới hộp điều khiển và tối đa 6 trạm thu hình gắn sảnh với mỗi hộp mở rộng.

Sau khi hoàn tất lắp đặt và nối dây cho hộp mở rộng và trạm thu hình gắn sảnh được kết nối, sử dụng 2 phương pháp sau để cấu hình trạm thu hình gắn sảnh.

- Dùng máy tính để cấu hình cài đặt (Lập trình PC (Trang 69)).
- Sử dụng các bộ phận gắn riêng lẻ (trạm thu hình gắn sảnh (trang 58), điều khiển chính (trang 64) và máy lẻ PBX (trang 62)) để cấu hình cài đặt.

5.6.1 Cấu hình trạm thu hình gắn sảnh nối với hộp mở rộng

Quan trọng:

- Phải cấu hình các cài đặt sau về cùng một giá trị đối với tất cả các trạm thu hình gắn sảnh có kết nối chung hộp mở rộng.
 - Camera Connection
 - Camera Name
 - Camera Display Priority
 - Camera Switching Image
 - Camera Signal
 - Time and date settings
 - Monitor Time Out
 - Talk Time Out
 - Lift Signal Mode
 - Lift Signal Time
- Không thể sử dụng chế độ lễ tân với trạm thu hình gắn sảnh có kết nối với các hộp mở rộng.
- Khi trạm thu hình gắn sảnh được kết nối với hộp mở rộng:
 - Điều khiển chính không thể quan sát bên ngoài bằng trạm thu hình gắn sảnh.
 - Khi nhận cuộc gọi đến từ trạm thu hình gắn sảnh, hình ảnh từ trạm thu hình gắn sảnh hiển thị trên điều khiển chính của bộ điều khiển phòng, và số nhóm trạm thu hình gắn sảnh của trạm thu hình gắn sảnh hiển thị trong ảnh. Ví dụ với VL-MVN511, nếu ảnh từ trạm thu hình gắn sảnh trong trạm thu hình gắn sảnh nhóm 1, 1 sẽ hiển thị trong ảnh.

Lập trình PC

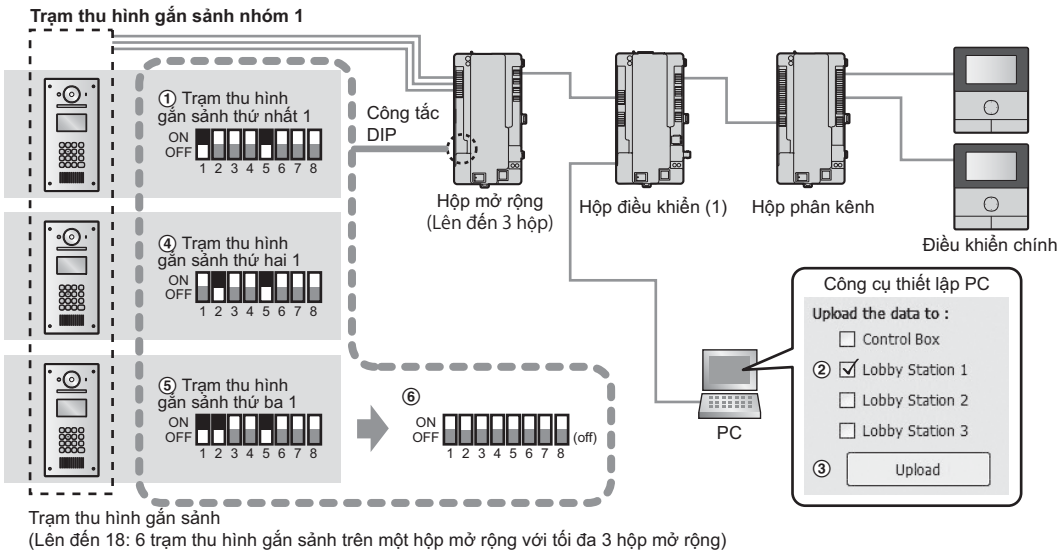
Quy trình sau mô tả thao tác cấu hình cơ bản trạm thu hình gắn sảnh có nối với các hộp mở rộng bằng lập trình PC

1. **Hộp mở rộng:** Cài đặt công tắc DIP của hộp mở rộng cho trạm thu hình gắn sảnh cần được cấu hình (trang 71).
2. **Công cụ thiết lập PC:** Khởi động công cụ thiết lập và cấu hình **[Room settings]** và **[General settings]** yêu cầu.
 - Tham khảo trang 46 để biết thêm thông tin về lập trình PC.
3. **Công cụ thiết lập PC:** Chọn trạm thu hình gắn sảnh để tải cài đặt lên, sau đó ấn chuột vào **[Upload]**.
 - Trạm thu hình gắn sảnh nêu ở đây ám chỉ cổng của hộp điều khiển có kết nối với các hộp mở rộng. Ví dụ, để tải cài đặt lên trạm thu hình gắn sảnh có kết nối hộp mở rộng được nối với cổng 2 của hộp điều khiển, chọn **[Lobby Station 2]**
 - Khi nhiều trạm thu hình gắn sảnh nối chung hộp mở rộng, lặp lại bước 1 và 3 đối với mỗi trạm thu hình gắn sảnh có nối với hộp mở rộng.
4. **Hộp mở rộng:** Sau khi cấu hình tất cả các trạm thu hình gắn sảnh, cài đặt tất cả công tắc DIP của hộp mở rộng tới vị trí "off" (trang 71).

5. Lập trình

Ví dụ về hộp mở rộng có kết nối với cổng 1 của hộp điều khiển, phải chọn ([Lobby Station 1] ở công cụ thiết lập)

Thao tác sau là ví dụ về cách cài đặt cấu hình cho hệ thống trong hình minh họa sau.



Quan trọng:

- Cài đặt cho mỗi trạm thu hình gắn sảnh có kết nối với hộp mở rộng phải được cấu hình riêng biệt.
- Công tắc DIP trên hộp mở rộng được sử dụng để xác nhận trạm thu hình gắn sảnh nào đang đăng tải cài đặt. Công tắc số 6 - 8 luôn phải được cài đặt ở vị trí "off". (Xem trang 71 để xem danh sách cài đặt công tắc DIP.)
- Khi đang sử dụng công cụ thiết lập PC với hộp mở rộng kết nối PC, đặt các công tắc DIP theo hướng dẫn sử dụng trong phần 5.6.2 Cài đặt công tắc DIP hộp mở rộng (Trang 71) trước khi thực hiện các thao tác sau.
 - tải từ trạm thu hình gắn sảnh
 - tải lên trạm thu hình gắn sảnh
 - kiểm tra kết nối trạm thu hình gắn sảnh (đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91))

1. Cài đặt công tắc DIP của hộp mở rộng:

Cài đặt công tắc DIP như cài đặt minh họa bên dưới "① Trạm thu hình gắn sảnh thứ nhất 1".

2. Công cụ thiết lập PC: Tải và chỉnh sửa dữ liệu

Khởi động công cụ cài đặt. Trong phần [Load and edit the data], cấu hình [Room settings] và [General settings] yêu cầu cho [Lobby Station 1].

3. Công cụ thiết lập PC: Đăng tải dữ liệu tới thiết bị

Trong phần [Upload the data to device], chọn [Lobby Station 1] như hình minh họa bên cạnh "②" bên dưới "Công cụ thiết lập PC", sau đó ấn chuột vào [Upload] như hình minh họa bên cạnh "③" bên dưới "Công cụ thiết lập PC".

4. Cài đặt công tắc DIP của hộp mở rộng:

Cài đặt công tắc DIP như cài đặt minh họa bên dưới "④ Trạm thu hình gắn sảnh thứ hai 1".

5. Công cụ thiết lập PC: Đăng tải dữ liệu tới thiết bị

Lặp lại bước 3.

6. Cài đặt công tắc DIP của hộp mở rộng:

Cài đặt công tắc DIP như cài đặt minh họa bên dưới "⑤ Trạm thu hình gắn sảnh thứ ba 1".

7. Công cụ thiết lập PC: Đăng tải dữ liệu tới thiết bị

Lặp lại bước 3.

8. Cài đặt công tắc DIP của hộp mở rộng:







Sau khi cấu hình tất cả các trạm thu hình gắn sảnh, cài đặt tất cả công tắc DIP của hộp mở rộng tới vị trí "off" như hình minh họa bên dưới "⑥".

5.6.2 Cài đặt công tắc DIP hộp mở rộng

Công tắc DIP của hộp mở rộng được sử dụng khi cấu hình các cài đặt trạm thu hình gắn sánh.


Ví dụ:

Khi sử dụng hộp điều khiển để cấu hình trạm thu hình gắn sánh 1-6, đặt công tắc DIP "5" ở "on".

Công tắc DIP	Ví dụ nơi trạm thu hình gắn sánh 1-6 được cấu hình từ hộp điều khiển 1
ON  OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sánh thứ 1
ON  OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sánh thứ 2
ON  OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sánh thứ 3
ON  OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sánh thứ 4
ON  OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sánh thứ 5
ON  OFF 1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sánh thứ 6

Tắt công tắc DIP

Trong chế độ vận hành thông thường, cài đặt tắt cả công tắc DIP ở vị trí "off" như hình minh họa bên dưới sau khi hoàn tất cài đặt trạm thu hình gắn sánh.

Công tắc DIP
ON  OFF (off) 1 2 3 4 5 6 7 8

5.6.3 Cài đặt công tắc DIP hộp mở rộng khi sử dụng nhiều hộp điều khiển




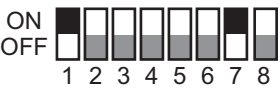
Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Kết nối PC với hộp điều khiển và cài thông tin cài đặt của công cụ thiết lập PC cho trạm thu hình gắn sánh.

Khi kết nối nhiều hộp điều khiển (tối đa 4) với hộp mở rộng, các dạng công tắc DIP sau được sử dụng tùy vào hộp điều khiển nào được sử dụng để kết nối với PC.

Dạng công tắc DIP "1" - "4": chỉ trạm thu hình gắn sánh thứ 1 tới thứ 6 trong nhóm trạm thu hình gắn sánh

Dạng công tắc DIP "5" - "7": chỉ số hộp điều khiển được kết nối với PC

Công tắc DIP	Ví dụ nơi trạm thu hình gắn sánh 1 được cấu hình từ hộp điều khiển 1-4 ^{*1}
 <p>ON OFF</p> <p>1 2 3 4 5 6 7 8</p>	Từ hộp điều khiển 1 tới trạm thu hình gắn sánh thứ 1
 <p>ON OFF</p> <p>1 2 3 4 5 6 7 8</p>	Từ hộp điều khiển 2 tới trạm thu hình gắn sánh thứ 1
 <p>ON OFF</p> <p>1 2 3 4 5 6 7 8</p>	Từ hộp điều khiển 3 tới trạm thu hình gắn sánh thứ 1
 <p>ON OFF</p> <p>1 2 3 4 5 6 7 8</p>	Từ hộp điều khiển 4 tới trạm thu hình gắn sánh thứ 1

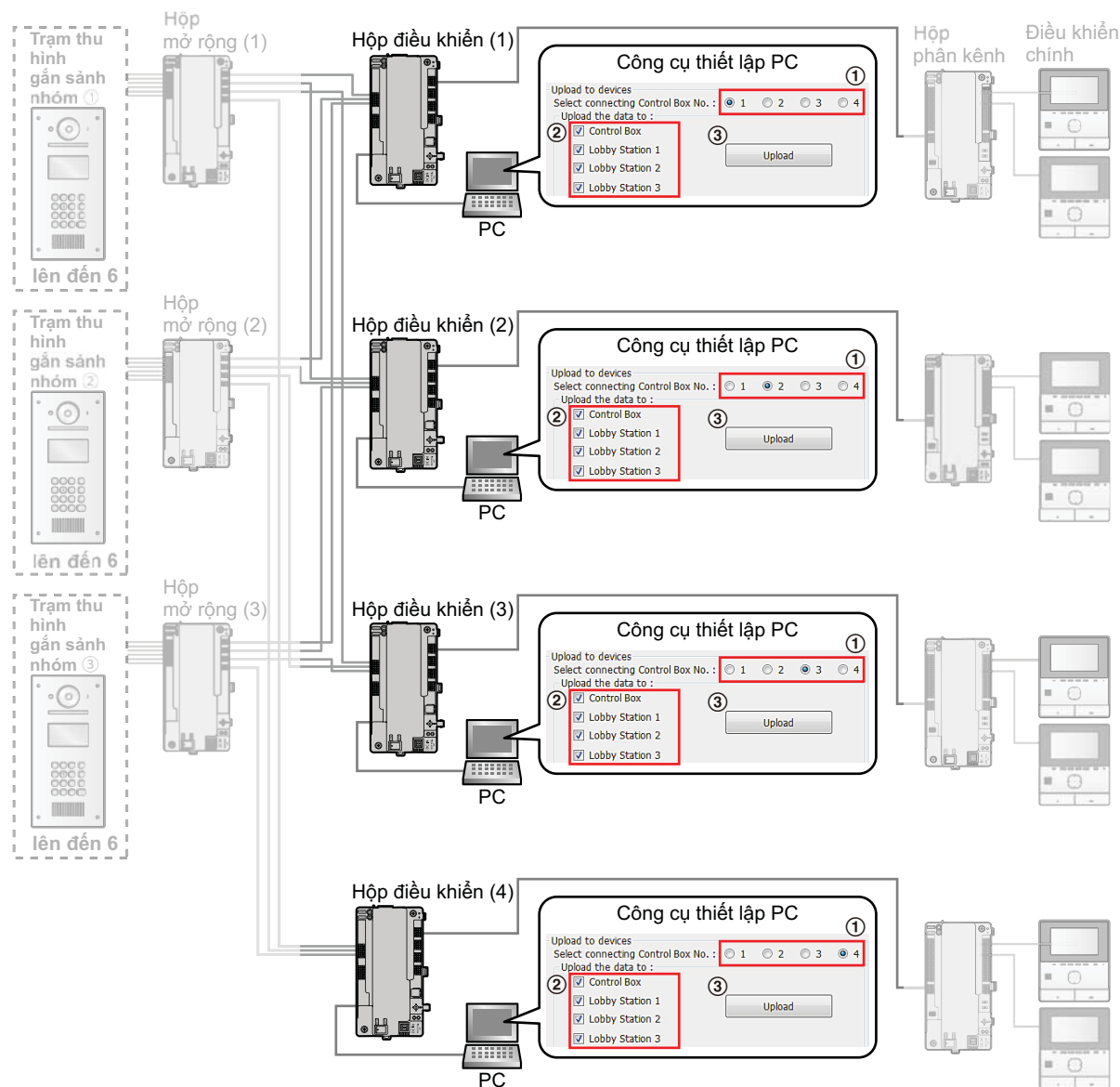
*1 Thực hiện cài đặt trong phần 5.6.2 Cài đặt công tắc DIP hộp mở rộng (Trang 71) cho các dạng công tắc DIP "1" - "4" của trạm thu hình gắn sánh thứ 2 tới thứ 6 nối với hộp mở rộng.

5.7 Lập trình nhiều hộp điều khiển

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Để tăng số hộp điều khiển (tối đa 4 hộp) kết nối với hộp mở rộng, hãy thực hiện các thao tác sau.

Hình minh họa dưới đây là ví dụ khi 3 hộp mở rộng kết nối với 4 hộp điều khiển.



1 Công cụ thiết lập PC: Tải và chỉnh sửa dữ liệu

Khởi động công cụ cài đặt. Trong phần [Load and edit the data], cấu hình [Room settings] và [General settings] yêu cầu.

2 Công cụ thiết lập PC: Tải dữ liệu lên thiết bị (khi kết nối với hộp điều khiển 1)

Để tải thông tin hệ thống sử dụng hộp điều khiển 1:

- Kết nối PC với hộp điều khiển 1.
- Ấn chuột vào [1] để chọn hộp điều khiển 1 như hình minh họa bên cạnh "①".
- Ấn chuột vào toàn bộ các thiết bị muốn tải cài đặt như hình minh họa bên cạnh "②", và sau đó ấn chuột vào [Upload].

5. Lập trình

3 Công cụ thiết lập PC: Tải dữ liệu lên thiết bị (khi kết nối với hộp điều khiển 2 tới 4)

Để tải thông tin hệ thống bằng hộp điều khiển 2 tới 4, hãy kết nối PC với mỗi hộp điều khiển và lặp lại bước 2 với số hộp điều khiển thích hợp và tải lên thiết bị đã chọn.

5.8 Cài đặt cuộc gọi công

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Nếu sử dụng cổng để gọi chủ nhà khi sử dụng cài đặt cuộc gọi công, chủ nhà có thể sử dụng điều khiển chính để kiểm tra hình ảnh từ cổng và biết ai là người gọi.

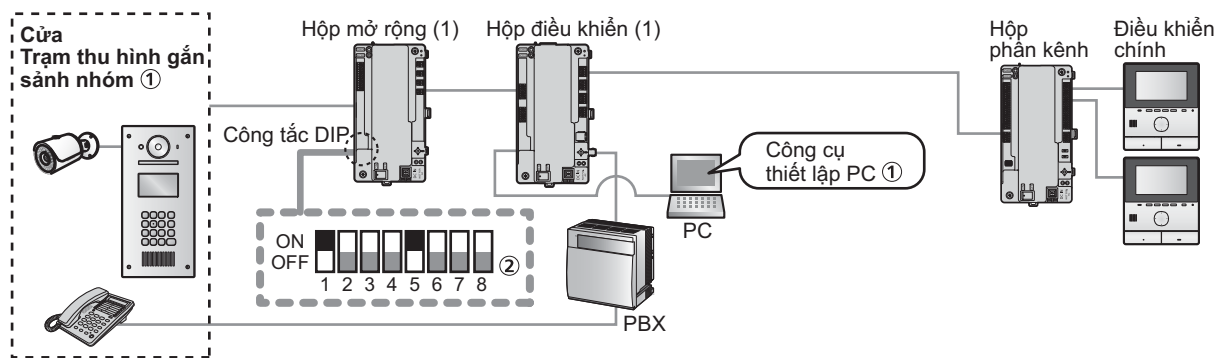
Cài đặt cuộc gọi công

Có 2 phương pháp cấu hình cài đặt cuộc gọi công.

- Dùng máy tính để cấu hình hệ thống (5.2 Lập trình PC (Trang 46)).
- Dùng các cổng PBX cá nhân để cấu hình cài đặt (5.4 Lập trình điện thoại (Trang 62)).

Ngoài ra, cần phải cấu hình công tắc DIP cho các hộp mở rộng thực hiện cuộc gọi công.

Ví dụ về trạm thu hình gắn sảnh (ưu tiên camera ngoài) và CỔNG 1 được cấu hình cho các cuộc gọi công



Quan trọng:

- Để kích hoạt cài đặt cuộc gọi công, phải cài đặt [Visitor Call Mode] trong [General settings] của hộp điều khiển sang [ROOM MODE] bằng công cụ cài đặt (trang 53). Cài đặt cuộc gọi công không vận hành khi sử dụng cài đặt [RECEPTION MODE].
- Để hiển thị hình ảnh camera ngoài trên điều khiển chính, phải thay đổi một trong các cài đặt sau.
 - Công cụ thiết lập PC: Thay đổi [Camera Display Priority] trong [General settings] cho bộ phận gắn sảnh 1-3 sang [CAMERA ONLY].
 - Bộ phận gắn sảnh: Thay đổi "DISPLAY PRIORITY" trong "SET CAMERA" sang "CAMERA ONLY".

Khi cấu hình "CAMERA ONLY", bộ phận gắn sảnh chỉ được dùng để hiển thị hình ảnh cuộc gọi công và không thể dùng để gọi các phòng hoặc các cổng kết nối với hệ thống PBX.

1. Công cụ thiết lập PC: Khởi động công cụ cài đặt và cấu hình [Reception Code] cho các cổng 1-4 trong [General settings] của hộp điều khiển như hình minh họa dưới "①".

- Tham khảo trang 46 để biết thêm thông tin về lập trình PC.

hoặc

Lập trình điện thoại: Cấu hình các cài đặt tại cổng PBX áp dụng.

- Tham khảo trang 62 để biết thêm thông tin về lập trình điện thoại.

2. Hộp mở rộng: Sau khi hoàn tất các cài đặt trên, hãy đặt công tắc DIP của hộp mở rộng như hình vẽ dưới "②".

- Đặt công tắc DIP theo các cài đặt của hộp điều khiển áp dụng (trang 72).

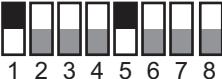
Lưu ý:

- Khi sử dụng chế độ lễ tân, người dùng cổng lễ tân sử dụng cổng lễ tân để mở khóa thang máy. Tuy nhiên, khi sử dụng cài đặt cuộc gọi công, chủ nhà sẽ mở khóa thang máy từ điều khiển chính.
- Khi sử dụng cài đặt cuộc gọi công, nếu trạm thu hình gắn sảnh khác kết nối với cùng hộp mở rộng đang kết nối với nhóm trạm thu hình gắn cổng, điều khiển chính không thể xem hình ảnh từ các cuộc gọi nhận từ cổng.

Cài đặt công tắc DIP cho cài đặt cuộc gọi công

Chỉ có thể sử dụng cài đặt cuộc gọi công cho các hệ thống kết nối với 1 hộp điều khiển.

(Cài đặt cuộc gọi công hỗ trợ lên đến 560 bộ điều khiển phòng.)







Công tắc DIP	Mô tả
ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	Ví dụ khi hộp điều khiển 1 trạm thu hình gắn sảnh thứ 1 được đặt cho cuộc gọi công* ¹

*¹ Thực hiện các cài đặt trong phần 5.6.2 Cài đặt công tắc DIP hộp mở rộng (Trang 71) cho các dạng công tắc DIP "1" - "4" của trạm thu hình gắn sảnh thứ 2 tới thứ 3 nối với hộp mở rộng.

Cài đặt công tắc DIP cho cài đặt cuộc gọi công**Đối với hộp mở rộng có số sê-ri hậu tố D hoặc sau đó (trang 91):**

Khi cấu hình cài đặt cuộc gọi công cho hệ thống có ít nhất 2 hộp điều khiển được kết nối với hộp mở rộng, cài đặt công tắc DIP của hộp mở rộng như sau.

(Cài đặt cuộc gọi công hỗ trợ lên đến 2240 bộ điều khiển phòng.)

Công tắc DIP	Ví dụ nơi trạm thu hình gắn sảnh 1-6 được cấu hình từ hộp điều khiển 1-4
ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sảnh thứ nhất
ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sảnh thứ hai
ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sảnh thứ ba
ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sảnh thứ tư
ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sảnh thứ năm
ON OFF  1 2 3 4 5 6 7 8	Trạm thu hình gắn sảnh thứ sáu

Lưu ý:

- Các cài đặt chế độ công bao gồm kết hợp của số máy lẻ và số trạm thu hình gắn sảnh, và có thể cài đặt lên đến 3 kết hợp cho mỗi hộp điều khiển.

5. Lập trình

Kiểm tra cực đầu nối dây để cài đặt cuộc gọi công

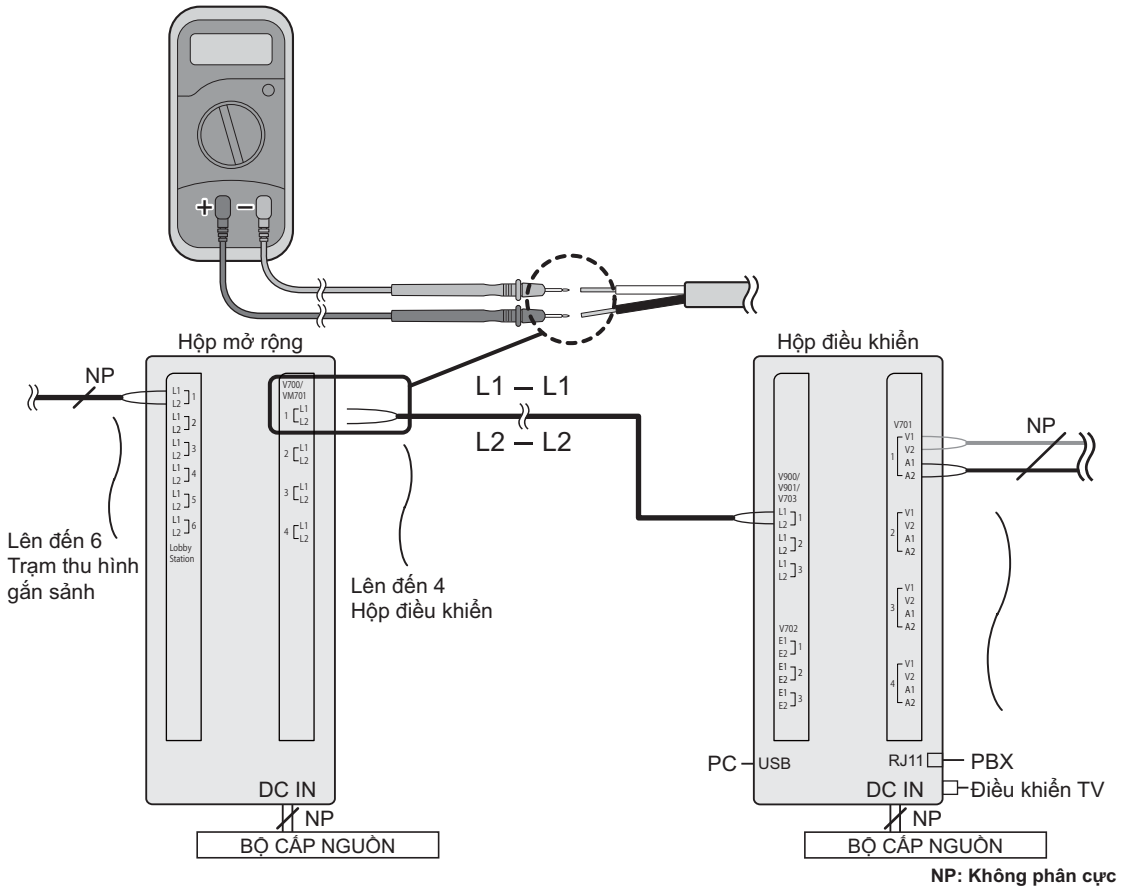
Đối với hộp mở rộng có số sê-ri hậu tố D hoặc sau đó (trang 91):

Khi cấu hình cài đặt cuộc gọi công khi ít nhất 2 hộp điều khiển được kết nối với một hộp mở rộng, kiểm tra cực dây theo cách sau. Đặt công tắc DIP 8 ở vị trí "on", và thiết lập các cài đặt công tắc DIP trạm thu hình gắn sẵn để cấu hình cài đặt cuộc gọi công (trang 75).

Kết nối bên "+" của dây từ hộp điều khiển với L1 của hộp mở rộng.

Lưu ý:

- Đảm bảo kết nối sao cho L1 trên hộp điều khiển và L1 trên hộp mở rộng được kết nối.
1. Sau khi kết nối với bên hộp điều khiển, dùng thiết bị thử điện để đo điện áp của 2 dây được kết nối với bên hộp mở rộng.



2. Kết nối các dây hộp mở rộng với đúng cực như hình vẽ dưới đây.

Nếu thiết bị thử điện hiển thị "khoảng +5 V"	Nếu thiết bị thử điện hiển thị "khoảng -5 V"
<p>Kết nối với hộp mở rộng L2</p> <p>Kết nối với hộp mở rộng L1</p>	<p>Kết nối với hộp mở rộng L1</p> <p>Kết nối với hộp mở rộng L2</p>

5.9 Nhật ký hệ thống

Bạn có thể cắm thẻ SD vào hộp điều khiển và sử dụng nó để lưu thông tin sự kiện trên hệ thống. Có thể lưu những thông tin sau:

- Người gọi và thông tin bên được gọi (số trạm thu hình gắn sảnh, số phòng, số cổng, v.v.)
- Liệu hai bên đã đàm thoại chưa
- Liệu cửa đã mở khóa hay thang máy đã được sử dụng hay chưa
- Ngày giờ tất cả các sự kiện
- Hình ảnh từ camera trạm thu hình gắn sảnh (được chụp khi bộ phận gắn ảnh gọi số phòng)

Quan trọng:

- Thẻ SD được cắm vào hộp điều khiển để sử dụng tính năng này.
- Trước khi cắm thẻ SD vào hộp điều khiển, định dạng thẻ nhớ sử dụng công cụ được mô tả trong "Định dạng thẻ SD".
- Ngay khi hệ thống được cài đặt và hoạt động, hiển thị nhật ký hệ thống để xác nhận thông tin đã được lưu lại.

Lưu ý:

- Có thể lưu lại lên đến 90000 tập tin hình ảnh sau đó các tập tin hình ảnh mới sẽ được viết đè lên tập tin cũ.

Thông số kỹ thuật của thẻ SD

- SDHC hoặc SDXC
- Dung lượng: 4 GB hoặc lớn hơn.

Định dạng thẻ SD

Trước khi cắm thẻ SD vào hộp điều khiển, định dạng thẻ nhớ sử dụng máy tính hoặc công cụ định dạng thẻ SD có sẵn từ trang web được liệt kê dưới đây.

www.sdcard.org/downloads/formatter_4/

Lưu ý:

- **Nếu bạn không muốn định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng thẻ nhớ với hộp điều khiển**
Thì thông tin có thể được lưu không chính xác và tập tin hình ảnh mới có thể không được viết đè lên tập tin cũ.

Hiển thị nhật ký hệ thống

Bạn có thể cắm thẻ SD vào máy tính và hiển thị nhật ký.

Lưu ý:

- **Nếu bạn sử dụng máy tính để thay đổi tập tin hoặc thư mục của thẻ SD**
Thì lần kế tiếp bạn cắm thẻ SD vào hộp điều khiển, cơ sở dữ liệu nhật ký sẽ được xây dựng lại. Và quá trình này có thể diễn ra trong một giờ đồng hồ. Trong khoảng thời gian này, sẽ không lưu lại được thông tin nào.
- **Nếu bạn sử dụng máy tính, máy ảnh kỹ thuật số hoặc thiết bị khách để thêm dữ liệu vào thẻ nhớ**
Thì thông tin có thể được lưu không chính xác và tập tin hình ảnh mới có thể không được viết đè lên tập tin cũ.

5.10 Nâng cấp phần mềm hệ thống

Có thể nâng cấp phần mềm hệ thống lưu trong hộp điều khiển.

Phần mềm hệ thống lưu trong hộp điều khiển là phần mềm dùng cho PBX analogue hoặc PBX kỹ thuật số. Có thể quyết định phần mềm nào được lưu trong hộp điều khiển bằng cách kiểm tra hậu tố trong nhãn số sê-ri dán trên hộp điều khiển. (Tham khảo mục 7.5.2 Hậu tố số sê-ri (Trang 88) để biết thêm thông tin về các hậu tố và loại phần mềm PBX có sẵn.)

Nếu loại phần mềm lưu vào hộp điều khiển không khớp với loại PBX đang dùng, hãy tải loại phần mềm hệ thống khớp với loại PBX cho hộp điều khiển. (Không cần cập nhật nếu loại PBX và phần mềm hệ thống khớp nhau.)

Tải phần mềm hệ thống mới

1. Tải tệp cập nhật phần mềm hệ thống.
 - **Tham khảo thông tin ở trang web dưới đây.**
<https://panasonic.net/cns/pcc/support/intercom/v900>
2. Sao lưu tệp cập nhật về đường dẫn gốc của thẻ SD.

Nâng cấp phần mềm hệ thống

1. Tắt hộp điều khiển.
2. Lắp thẻ SD có chứa tệp cập nhật vào trong hộp điều khiển.
3. Bật hộp điều khiển trong khi ấn và giữ nút **[FUNCTION]**. Chưa được nhả nút.
4. Chờ khoảng 20 giây cho tới khi đèn báo **[POWER]** và **[ACCESS]** hộp điều khiển nhấp nháy nhanh, sau đó mới nhả nút **[FUNCTION]**.
 - Khi hoàn tất cập nhật, đèn báo **[ACCESS]** trên hộp điều khiển sáng. (Quá trình có thể diễn ra trong khoảng 20 phút.)

Lưu ý:

- Nếu cấu hình hoặc chỉnh sửa cài đặt hệ thống, trước khi nâng cấp phần mềm hệ thống, sao lưu dự phòng các tệp cấu hình hiện tại với các bước sau.
 1. Sao lưu dự phòng các tệp cấu hình hiện đang sử dụng (trang 50).
 2. Nâng cấp phần mềm hệ thống (trang 78).
 3. Đăng tải các tệp cấu hình sử dụng chức năng Upload the data to device (trang 47) của công cụ thiết lập.

5.11 Khởi động lại thiết bị

Bạn có thể khởi động lại hộp điều khiển, hộp phân kênh hoặc bộ điều khiển thang máy bằng cách ấn nút khởi động lại (●).

5.12 Đèn báo POWER và ACCESS

Bạn có thể sử dụng đèn báo POWER và ACCESS để kiểm tra tình trạng thiết bị.

- Tất cả đèn báo sáng xanh lá cho biết không có trục trặc gì.
- Một đèn báo nhấp màu đỏ cho biết có lỗi xảy ra.

5.12.1 Các đèn báo của hộp điều khiển

Phân loại	Ý nghĩa	POWER (xanh lá)	ACCESS (đỏ)
Hoạt động bình thường	Chạy cầm chừng	Sáng	Tắt
	Gọi hoặc đang quan sát	Sáng	Sáng
	Truy cập thẻ SD	Sáng	Đèn nhấp nhanh
Cài đặt hệ thống hoặc bảo dưỡng	Chế độ bảo dưỡng	Đèn nhấp chậm	Tắt
	Đang cập nhật phần mềm	Đèn nhấp nhanh	Đèn nhấp nhanh
	Hoàn tất cập nhật phần mềm	Tắt	Sáng
	Đang lập trình PC	Sáng	Sáng
	Hoàn tất lập trình PC	Sáng	Tắt
	Đang kiểm tra kết nối PC	Sáng	Sáng
	Hoàn tất kiểm tra kết nối PC	Sáng	Tắt
	Đang cài đặt lại	Đèn nhấp nhanh	Tắt
	Hoàn tất cài đặt lại	Tắt	Sáng
Lỗi	Phát hiện số hộp phân kênh bị trùng	Tắt	Đèn nhấp chậm

5.12.2 Các đèn báo hộp phân kênh

Phân loại	Ý nghĩa	POWER (xanh lá)	ACCESS (đỏ)
Hoạt động bình thường	Chạy cầm chừng	Sáng	Tắt
	Gọi hoặc đang quan sát	Sáng	Sáng
Lỗi	Công tắc DIP 8 ở vị trí "on"	Tắt	Đèn nhấp chậm
	Mọi công tắc DIP đều ở vị trí "off" (chế độ phân kênh)	Tắt	Đèn nhấp chậm
	Toàn bộ công tắc DIP ở vị trí "off" (chế độ khuếch đại tín hiệu)	Sáng	Tắt
	2 hoặc nhiều hơn 2 công tắc DIP ở vị trí "on"	Tắt	Đèn nhấp chậm

5.12.3 Đèn báo bộ điều khiển thang máy

Phân loại	Ý nghĩa	POWER (xanh lá)	ACCESS (đỏ)
Hoạt động bình thường	Chạy cầm chừng	Sáng	Tắt
	Khách có thể sử dụng thang máy	Sáng	Sáng
Lỗi	Công tắc DIP 6 hoặc 7 ở vị trí "on"	Tắt	Đèn nhấp chậm
	2 hoặc nhiều hơn 2 công tắc ở vị trí "on"	Tắt	Đèn nhấp chậm

5. Lập trình

5.12.4 Đèn báo hộp mờ rộng

Phân loại	Ý nghĩa	POWER (xanh lá)	ACCESS (đỏ)
Hoạt động bình thường	Chạy cảm chùng	Sáng	Tắt
	Đang gọi hoặc đang quan sát	Sáng	Sáng
Lỗi	Công tắc DIP 4 và/hoặc 8 ở vị trí "on"	Sáng	Đèn nháy chậm

6.1 Các điều kiện và hạn chế của hệ thống

Lưu ý các hạn chế và điều kiện hệ thống dưới đây.

- Chỉ có thể xử lý một cuộc gọi hoặc quan sát trong một lần.
Các cuộc gọi tiếp theo sẽ làm cho cuộc gọi hiện tại bị ngắt (nếu cuộc gọi hiện tại thuộc nhóm ưu tiên thấp), hoặc sẽ không được kết nối (nếu cuộc gọi hiện tại thuộc nhóm ưu tiên cao).

Ưu tiên thấp

Quan sát

Ưu tiên trung bình

Các cuộc gọi thông thường (sảnh đến điều khiển chính, điều khiển chính đến cổng, v.v)

Ưu tiên cao

Các cuộc gọi khẩn cấp

- Tất cả các cuộc gọi và quan sát bị ngắt kết nối sau khi thời gian "timeout" được cài đặt sẵn kết thúc. Thời gian mặc định là 90 giây đối với các cuộc gọi và 180 giây đối với phiên quan sát. Cuộc gọi khẩn cấp được giới hạn trong 10 phút.

6.2 Vận hành trạm thu hình gắn sẵn

6.2.1 Gọi chủ căn hộ

Nhập số tòa nhà

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Nếu có nhiều tòa nhà, cần phải nêu rõ số tòa nhà khi nhập số phòng của chủ căn hộ.

- Nhập số tòa nhà của chủ căn hộ.
- Ấn **[↵]**.

Nhập số phòng

- Nhập số phòng của chủ căn hộ.
- Ấn **[↵]** để gọi.

Tim bằng chữ cái đầu tiên của tên

- Ấn **[*]**.
- Sử dụng bàn phím để nhập chữ cái đầu tiên của tên chủ căn hộ.
 - Ấn một phím liên tục để di chuyển qua các chữ cái được gán cho khóa đó.
 - Lưu ý các gợi ý hiển thị phía dưới màn hình.
- Ấn **[▲]** hoặc **[▼]** để tìm kiếm tên mong muốn.
- Ấn **[↵]** để gọi.

Tim kiếm thông qua tất cả tên

- Ấn **[▼]**.
- Ấn **[▲]** hoặc **[▼]** để tìm kiếm tên mong muốn.
- Ấn **[↵]** để gọi.

6.2.2 Gọi lễ tân

- Ấn **[▼]**.
- Ấn **[▲]** hoặc **[▼]** để tìm lễ tân.
- Ấn **[↵]** để gọi.

6. Sử dụng cơ bản

Lưu ý:

- **Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**
Nếu có nhiều tòa nhà, cần phải nêu rõ số tòa nhà khi nhập số phòng của chủ căn hộ.
Khi “ENTER BUILDING NO.” hiển thị khi gọi từ trạm thu hình gắn sảnh, nhập số tòa nhà, và sau đó ấn [↵].

6.2.3 Mở cửa bằng cách nhập mã mở khóa

- 1 Ấn [#].
- 2 Nhập mã mở khóa có 4 ký tự.
- 3 Ấn [↵].

Lưu ý:

- **Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**
Nếu có nhiều tòa nhà, cần phải nêu rõ số tòa nhà khi nhập số phòng của chủ căn hộ. Khi “ENTER BUILDING NO.” hiển thị khi gọi từ trạm thu hình gắn sảnh, nhập số tòa nhà, và sau đó ấn [↵].

6.2.4 Mở cửa bằng cách nhập mã mở khóa cho căn hộ

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 3 hoặc cao hơn (trang 91)

Mỗi chủ căn hộ có thể sử dụng một mã mở khóa (mã mở) dùng để mở khóa trạm thu hình gắn sảnh.

Quan trọng:

- **Để tránh những kẻ đột nhập vào tòa nhà, đảm bảo chọn mã mở khó đoán, thay đổi thường xuyên, và bảo mật mã. Thông báo cho toàn bộ các nhân viên và chủ căn hộ liên quan các chính sách này.**

- 1 **Đối với hệ thống 1 tòa nhà:**
Nhập số phòng của chủ căn hộ.
Đối với hệ thống nhiều tòa nhà:
 - a. Nhập số tòa nhà của chủ căn hộ.
 - b. Ấn [↵].
 - c. Nhập số phòng của chủ căn hộ.
- 2 Ấn [#].
- 3 Nhập mã mở khóa 4 chữ số.
- 4 Ấn [↵].

6.3 Thao tác của nhân viên bộ phận

Nhân viên bộ phận có thể sử dụng máy lẻ PBX để thực hiện nhiều thao tác.

Thao tác có sẵn khi không có cuộc gọi

1. Quay số máy lẻ được chỉ định đến hộp điều khiển.

- **Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)**

Khi kết nối nhiều hộp điều khiển, quay số máy lẻ của hộp điều khiển kết nối với thiết bị được gọi.

2. Nhập số theo tính năng mà bạn muốn vận hành.

Số tính năng	Chỉ định
(số phòng) [#]	Gọi số phòng được chỉ định
[*] 1	Gọi trạm thu hình gắn sảnh 1
[*] 2	Gọi trạm thu hình gắn sảnh 2
[*] 3	Gọi trạm thu hình gắn sảnh 3
[#] [#] 0 0 [#]	Chuyển chế độ gọi khách sang chế độ gọi phòng
[#] [#] 0 1 [#]	Chuyển chế độ gọi khách sang chế độ gọi lễ tân

3. Làm theo hướng dẫn ghi âm.

Thao tác có sẵn khi có cuộc gọi

Nhập số theo tính năng mà bạn muốn vận hành.

Số tính năng	Chỉ định
[*] 0 0 0 [#]	Mở cửa ra vào
[*] (số tầng 2 chữ số) [#]	Mở cửa ra vào và cho phép thang máy đến tầng được chỉ định
[*] [#]	Lặp lại các thao tác theo hướng dẫn ghi âm

Chế độ phòng và chế độ lễ tân

Khi cài đặt chế độ gọi khách thành chế độ phòng, khách tại sảnh có thể gọi một chủ căn hộ cụ thể hoặc số phòng và đàm thoại trực tiếp với chủ căn hộ. Chủ căn hộ có thể mở cửa ra tùy thuộc vào hội thoại với khách.

Khi cài đặt chế độ gọi khách sang chế độ gọi lễ tân, các cuộc gọi từ khách tại sảnh được chuyển đến cổng lễ tân, ngay cả khi khách gọi cho một chủ căn hộ hoặc số phòng cụ thể. Khách không thể nói chuyện trực tiếp với chủ căn hộ. Người dùng cổng lễ tân có thể mở cửa ra vào tùy thuộc vào hội thoại với chủ căn hộ.

Cài đặt cuộc gọi cổng

Tham khảo phần 5.8 Cài đặt cuộc gọi cổng để biết thêm thông tin về cài đặt cuộc gọi cổng.

Đối với hệ thống hỗ trợ các tính năng nâng cao phiên bản 2 hoặc cao hơn (trang 91)

Nếu sử dụng cổng để gọi chủ nhà khi sử dụng cài đặt cuộc gọi cổng, chủ nhà có thể sử dụng điều khiển chính để kiểm tra hình ảnh từ cổng và biết ai là người gọi.

7. Thông tin khác

7.1 Xử lý sự cố cơ bản

Để xử lý sự cố phức tạp, tham khảo thông tin trên trang web dưới đây.

<https://panasonic.net/cns/pcc/support/intercom/v900>

Nếu hệ thống không vận hành đúng, đặc biệt là sau khi lắp đặt hoặc chỉnh sửa hệ thống, kiểm tra trước các mục sau.

- Nối nguồn cho mỗi bộ
- Tất cả dây cáp đã được kết nối đúng cách và kết nối đầy đủ với các đầu cực (xem trang 29 tới 37)
 - Bạn cũng có thể sử dụng chức năng Connection Check (trang 48) của công cụ thiết lập để kiểm tra kết nối.
- Kết nối đúng các mối nối đầu vào/đầu ra giữa các bộ (xem trang 29 tới 35)
- Cài đặt công tắc đúng cách (xem trang 37 tới 43)

Đèn báo nhấp nháy hoặc sáng đỏ

Đèn báo sáng hoặc nhấp nháy màu đỏ, thông báo có lỗi. Xem 5.12 Đèn báo POWER và ACCESS (Trang 79) để biết thêm thông tin.

Vấn đề thường gặp

Sự cố	Nguyên nhân & Cách xử lý	Trang
Cuộc gọi bị ngắt kết nối.	<ul style="list-style-type: none">• Cuộc gọi ưu tiên cao (như cuộc gọi khẩn cấp) được thực hiện khiến cho cuộc gọi hiện tại bị ngắt kết nối. → Đợi và thử lại sau.• Cuộc gọi hiện tại đã hết thời gian chờ và bị ngắt kết nối → Để bảo toàn nguồn hệ thống, tất cả cuộc gọi hết thời gian chờ sẽ bị ngắt kết nối sau một khoảng thời gian được lập trình.	81
Màn hình trạm thu hình gắn sảnh trống.	<ul style="list-style-type: none">• Trạm thu hình gắn sảnh không nhận diện được khách. → Các trạm thu hình gắn sảnh được trang bị thiết bị cảm biến chuyển động để bật màn hình chỉ khi nhận diện được khách. Đứng phía trước trạm thu hình gắn sảnh khi sử dụng.	14
Không thể quan sát trạm thu hình gắn sảnh từ điều khiển chính.	<ul style="list-style-type: none">• Có thể không quan sát được trạm thu hình gắn sảnh kết nối với các hộp mở rộng từ điều khiển chính.	69
Không thể quan sát trạm thu hình gắn sảnh được chọn từ danh sách quan sát trên điều khiển chính.	<ul style="list-style-type: none">• Nếu chọn trạm thu hình gắn sảnh có kết nối với hộp mở rộng, có thể không quan sát được trạm thu hình gắn sảnh đó từ điều khiển chính.	69
Không thể gọi trạm thu hình gắn sảnh từ cổng.	<ul style="list-style-type: none">• Nếu trạm thu hình gắn sảnh được kết nối với hộp mở rộng, các cổng không thể gọi trạm thu hình gắn sảnh.	69
Âm lượng loa của trạm thu hình gắn sảnh thấp.	<ul style="list-style-type: none">• Nếu trạm thu hình gắn sảnh hỗ trợ các tính năng nâng cao, có thể tăng âm lượng loa của trạm thu hình gắn sảnh. → Xác nhận các tính năng nâng cao mà thiết bị hỗ trợ từ hậu tố của số sê-ri. → Nếu có hỗ trợ, tăng âm lượng loa của trạm thu hình gắn sảnh.	87 92

Các vấn đề thiết lập

Sự cố	Nguyên nhân & Cách xử lý	Trang
Không thể đăng tải dữ liệu lên hệ thống.	<ul style="list-style-type: none"> ● Dây cáp không được kết nối đúng cách. → Kiểm tra kết nối dây cáp và đảm bảo tất cả dây cáp đã được nối vào các đầu cực. <ul style="list-style-type: none"> – Bạn cũng có thể sử dụng chức năng Connection Check (trang 48) của công cụ thiết lập để kiểm tra kết nối. ● Chưa nối nguồn điện cho tất cả các bộ. → Kiểm tra kết nối nguồn và kết nối nguồn điện cho tất cả các bộ. ● Cài đặt công tắc không đúng cách. → Kiểm tra cài đặt công tắc. ● Kết nối đầu vào/ra giữa các bộ không đúng cách. → Kiểm tra kết nối. 	29 tới 43

Thông báo lỗi hiển thị trên điều khiển chính

Hình ảnh từ	Màn hình hiển thị	Nguyên nhân & Cách xử lý	Trang
Trạm thu hình gắn sẵn	<ul style="list-style-type: none"> ● Không hiển thị hình ảnh (màn hình màu xanh da trời). ● Hình ảnh chất lượng kém. 	<ul style="list-style-type: none"> ● Dây cáp không được kết nối đúng cách. → Kiểm tra kết nối dây cáp và đảm bảo tất cả dây cáp đã nối với các đầu cực. Đặc biệt, kiểm tra kết nối giữa các cực (V1 và V2) của hộp điều khiển và hộp phân kênh. <ul style="list-style-type: none"> – Bạn cũng có thể sử dụng chức năng Connection Check (trang 48) của công cụ thiết lập để kiểm tra kết nối. ● Chưa nối nguồn điện cho tất cả các bộ. → Kiểm tra kết nối nguồn và kết nối nguồn điện cho tất cả các bộ. ● Đối với tất cả trạm thu hình gắn sẵn có kết nối chung hộp mở rộng, cài đặt sau đây không được cấu hình về cùng giá trị. <ul style="list-style-type: none"> – Camera Connection – Camera Name – Camera Display Priority – Camera Switching Image – Camera Signal – Time and date settings – Monitor Time Out – Talk Time Out – Lift Signal Mode – Lift Signal Time → Cấu hình cùng giá trị cho các cài đặt. 	29 tới 37 69
Camera	Không hiển thị hình ảnh (màn hình màu xanh da trời).	<ul style="list-style-type: none"> ● Camera chưa được nối dây cáp. → Nối dây cáp cho camera. ● Chưa nối nguồn điện cho camera. → Kiểm tra kết nối nguồn và kết nối nguồn điện cho camera. ● Sử dụng định dạng tín hiệu (PAL hoặc NTSC) không đúng. → Khớp cài đặt định dạng tín hiệu (trang 53) với định dạng tín hiệu của camera. 	29 tới 31

7. Thông tin khác

Thông báo lỗi hiển thị trên điều khiển chính

Thông báo	Nguyên nhân & Cách xử lý	Trang
Khi nối với PBX: System in use	<ul style="list-style-type: none">Đang có cuộc gọi khác. → Đợi và thử lại sau.Hộp điều khiển không được kết nối đúng với PBX (hệ thống máy lẻ) kiểm soát các cổng hoặc hộp điều khiển không thể gọi PBX vì một số lý do. → Kiểm tra kết nối giữa hộp điều khiển và PBX và tất cả các cài đặt PBX liên quan.	31 36
<ul style="list-style-type: none">Cannot connect.Setup failed (hiển thị sau khi chọn ghi đề số phòng)	<ul style="list-style-type: none">Dây cáp không được kết nối đúng cách. → Kiểm tra kết nối dây cáp và đảm bảo tất cả dây cáp đã được nối vào các đầu cực.<ul style="list-style-type: none">Bạn cũng có thể sử dụng chức năng Connection Check (trang 48) của công cụ thiết lập để kiểm tra kết nối.Chưa nối nguồn điện cho hộp điều khiển. → Kiểm tra kết nối nguồn và kết nối nguồn điện cho hộp điều khiển.	29 tới 37
System in use	<ul style="list-style-type: none">Các dây cáp (ngoại trừ dây cáp của máy lẻ) không được kết nối đúng cách. → Kiểm tra kết nối dây cáp và đảm bảo tất cả dây cáp đã được nối vào các đầu cực.<ul style="list-style-type: none">Bạn cũng có thể sử dụng chức năng Connection Check (trang 48) của công cụ thiết lập để kiểm tra kết nối.Chưa nối nguồn điện cho hộp điều khiển. → Kiểm tra kết nối nguồn và kết nối nguồn điện cho hộp điều khiển.	29 tới 37
hiển thị trống	<ul style="list-style-type: none">Dây cáp của máy lẻ không được kết nối đúng cách. → Kết nối dây cáp của máy lẻ.	31 36

7.2 Vệ sinh

Vệ sinh thiết bị bằng miếng vải khô mềm.

- Đối với vết bẩn khó lau, hãy lau sản phẩm bằng vải ẩm nhúng nước sạch.
- Khi lắp sản phẩm gần bờ biển, hãy lau sản phẩm bằng vải ẩm nhúng nước sạch sau mỗi 2 tới 3 tháng.

Quan trọng:

- KHÔNG SỬ DỤNG DUNG MÔI CÓ CHỨA CLO.** Làm vậy có thể khiến sản phẩm bị gỉ sét.
- Không sử dụng các chất tẩy rửa có chứa cồn, chất tạo bóng, bột giặt, ét xăng, chất pha loãng, sáp, xăng hoặc nước sôi để vệ sinh sản phẩm. Không được phun thuốc diệt côn trùng, nước rửa kính, keo xịt tóc hoặc sơn tường vào sản phẩm. Vì có thể làm biến màu hoặc chất lượng của sản phẩm.**

7.3 Thương hiệu

- Microsoft và Windows là thương hiệu và thương hiệu đã đăng ký của Tập đoàn Microsoft ở Mỹ và/hoặc các quốc gia khác.
- Logo SDXC là thương hiệu của SD-3C, LLC.



7.4 Các điều khoản và hình minh họa trong tài liệu này

- Thẻ nhớ SD được gọi là "thẻ SD".
- Hậu tố ở mã model (ví dụ như "VN" trong "VL-V900VN") được bỏ qua trừ khi cần thiết.

- Hình minh họa có thể hơi khác so với sản phẩm thực tế.

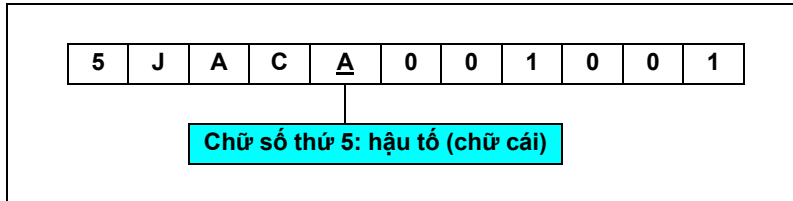
7.5 Xác định các tính năng nâng cao

Các tính năng nâng cao được sử dụng để thêm vào khả năng của các thiết bị trong Điện thoại gọi cửa dành cho chung cư/căn hộ. Bạn có thể xác định các tính năng nâng cao bằng cách kiểm tra hậu tố của số sê-ri.

7.5.1 Số sê-ri

Số sê-ri được dán thành nhãn vào thiết bị. Có thể sử dụng hậu tố số sê-ri để quyết định tính năng nâng cao nào được thiết bị hỗ trợ.

Ví dụ về số sê-ri:



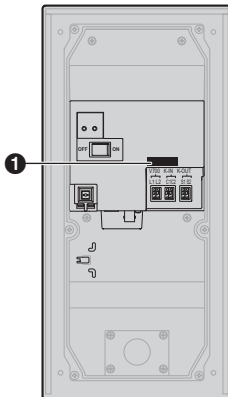
Lưu ý:

- Chữ sử dụng làm hậu tố được cập nhật khi thay đổi sản phẩm hoặc sản phẩm có các tính năng cập nhật.

Vị trí nhãn số sê-ri

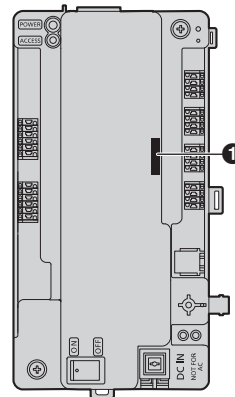
Trạm thu hình gắn sàn (mặt sau)

- Nhãn số sê-ri



Hộp điều khiển

- Nhãn số sê-ri



7. Thông tin khác

7.5.2 Hậu tố số sê-ri

Có thể sử dụng hậu tố số sê-ri để quyết định tính năng nâng cao nào được thiết bị hỗ trợ.

Trạm thu hình gắn sành (VL-V900/VL-V901)

Mã model	Hậu tố (chữ số thứ 5 của số sê-ri)	Ý nghĩa
VL-V900BX	A, B, C	
VL-V900TK	A	
VL-V900SX	A, B	
VL-V900VN	A, B	
VL-V900BX	D hoặc sau đó	<ul style="list-style-type: none">Cho phép tăng âm lượng loa trạm thu hình gắn sành bằng cách trượt công tắc trên bảng mạch của trạm thu hình gắn sành.
VL-V900TK	B hoặc sau đó	
VL-V900SX	C hoặc sau đó	
VL-V900VN	C hoặc sau đó	
VL-V901BX	A hoặc sau đó	
VL-V901SX	A hoặc sau đó	
VL-V901VN	A hoặc sau đó	

Hộp điều khiển (VL-V700)

Phần mềm hệ thống lưu trong hộp điều khiển là phần mềm dùng cho PBX analogue hoặc PBX kỹ thuật số. Có thể quyết định phần mềm nào được lưu trong hộp điều khiển bằng cách kiểm tra hậu tố trong nhãn số sê-ri dán trên hộp điều khiển.

Nếu loại phần mềm lưu vào hộp điều khiển không khớp với loại PBX đang dùng, hãy tải loại phần mềm hệ thống khớp với loại PBX cho hộp điều khiển. (Không cần cập nhật nếu loại PBX và phần mềm hệ thống khớp nhau.)

- Tải thông tin tải có sẵn ở trang web sau.

<https://panasonic.net/cns/pcc/support/intercom/v900>

- Tham khảo phần 5.10 Nâng cấp phần mềm hệ thống (Trang 78) hoặc liên hệ nhà phân phối của Panasonic để biết thêm thông tin về nâng cấp phần mềm hệ thống.

Mã model	Hậu tố (chữ số thứ 5 của số sê-ri)	Ý nghĩa	Phần mềm đã tải lên trang web
VL-V700BX	A, B, C, D, E	Mặc định: Phần mềm PBX analog <ul style="list-style-type: none">Nếu sử dụng PBX kỹ thuật số, phải tải và cài phần mềm dành cho PBX kỹ thuật số cho hộp điều khiển.	Phần mềm cho PBX analog Phần mềm cho PBX kỹ thuật số
VL-V700TK	A, B		
VL-V700SX	A, B, C, D		
VL-V700VN	A, B, C, D		
VL-V700BX	F hoặc sau đó	Mặc định: Phần mềm PBX kỹ thuật số <ul style="list-style-type: none">Nếu sử dụng PBX analog, phải tải và cài phần mềm dành cho PBX analog cho hộp điều khiển.	
VL-V700TK	C hoặc sau đó		
VL-V700SX	E hoặc sau đó		
VL-V700VN	E hoặc sau đó		

7.5.3 Phiên bản công cụ cài đặt và hậu tố số sê-ri

Có thể sử dụng hậu tố số sê-ri để quyết định tính năng nâng cao nào được thiết bị hỗ trợ.

Phiên bản công cụ cài đặt

Quan trọng:

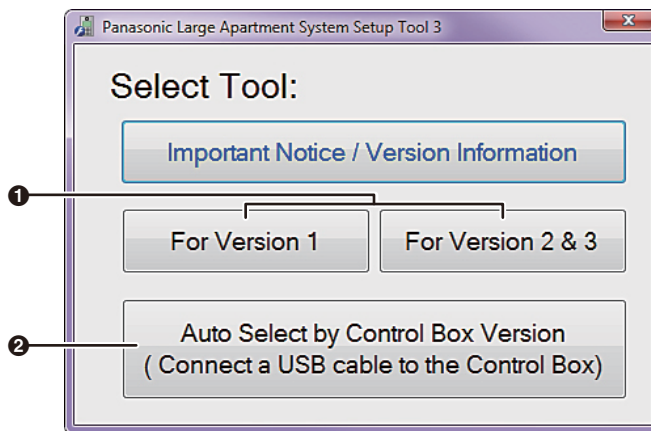
- Khi thiết bị phiên bản 2 nâng cao được cấu hình bằng công cụ cài đặt phiên bản 3, bất kể cài đặt có thể được định cấu hình bằng công cụ thiết lập hay không, các chức năng sau sẽ không hoạt động bởi vì thiết bị không hỗ trợ các chức năng đó.

Khi trạm thu hình gắn sẵn là phiên bản 2 nâng cao:

- cài đặt mã mở khóa cho mỗi căn hộ
- cài đặt âm thanh thông báo mở khóa trạm thu hình gắn sẵn

Khi hộp điều khiển là phiên bản 2 nâng cao:

- cài đặt nhiều tầng cho thang máy



- ➊ Nếu biết phiên bản tính năng của hộp điều khiển, hãy chọn phiên bản thích hợp. Xem trang 90 để biết thêm thông tin về số phiên bản và hậu tố.
- ➋ Nếu không biết phiên bản tính năng của hộp điều khiển, hãy ấn chuột vào **[Auto Select by Control Box Version]** sau khi kết nối PC với hộp điều khiển. Công cụ cài đặt sẽ tự động mở và sử dụng phiên bản phần mềm đúng.

Lưu ý:

- Nếu bạn đang dùng các tính năng nâng cao phiên bản 2, sử dụng công cụ cài đặt phiên bản 3 mới nhất.

7. Thông tin khác

Hậu tố số sê-ri cho trạm thu hình gắn sân (VL-V900/VL-V901), hộp điều khiển (VL-V700), hộp mở rộng (VL-V703), và hộp phân kênh (VL-V701)

Các tính năng gốc phiên bản 1

Mã model	Hậu tố (chữ số thứ 5 của số sê-ri)	Tóm tắt thay đổi	Phần mềm đã tải lên trang web
VL-V900BX	A, B, C, D, E		Công cụ cài đặt phiên bản 1
VL-V900TK	A, B, C		
VL-V900SX	A, B, C, D		
VL-V900VN	A, B, C, D		
VL-V700BX	A, B, C, D, E, F		
VL-V700TK	A, B, C		
VL-V700SX	A, B, C, D, E		
VL-V700VN	A, B, C, D, E		
VL-V703BX	A, B		
VL-V703TK	A, B		
VL-V703SX	A, B		
VL-V703VN	A, B		
VL-V701BX	A, B, C		
VL-V701TK	A, B		
VL-V701SX	A, B		
VL-V701VN	A, B		

Các tính năng nâng cao phiên bản 2

Mã model	Hậu tố (chữ số thứ 5 của số sê-ri)	Tóm tắt thay đổi	Phần mềm đã tải lên trang web
VL-V900BX	F hoặc sau đó	<ul style="list-style-type: none"> Cho phép hệ thống hỗ trợ lên đến 2240 bộ điều khiển phòng (điều khiển chính) bằng cách kết nối lên đến 4 hộp điều khiển với hộp mở rộng. Khi sử dụng cài đặt cuộc gọi công, cho phép các ảnh (ảnh của khách) từ trạm thu hình gắn sảnh và camera ngoài như hình vẽ trên điều khiển chính khi công PBX của lễ tân đang gọi điều khiển chính. <p>*1 Khi sử dụng 1 hộp điều khiển trong kết cấu với hộp mở rộng có số sê-ri hậu tố C, các cài đặt cuộc gọi công hỗ trợ lên đến 560 bộ điều khiển phòng.</p> <p>*2 Để thực hiện hệ thống gồm ít nhất 2 hộp điều khiển, cần phải có hộp mở rộng có số sê-ri hậu tố D hoặc sau đó. Trong trường hợp này, các cài đặt cuộc gọi công hỗ trợ lên đến 2240 bộ điều khiển phòng.</p>	Công cụ cài đặt phiên bản 2
VL-V900TK	D hoặc sau đó		
VL-V900SX	E hoặc sau đó		
VL-V900VN	E hoặc sau đó		
VL-V700BX	G hoặc sau đó		
VL-V700TK	D hoặc sau đó		
VL-V700SX	F hoặc sau đó		
VL-V700VN	F hoặc sau đó		
VL-V703BX	C* ¹		
VL-V703TK	C* ¹		
VL-V703SX	C* ¹		
VL-V703VN	C* ¹		
VL-V703BX	D hoặc sau đó* ²		
VL-V703TK	D hoặc sau đó* ²		
VL-V703SX	D hoặc sau đó* ²		
VL-V703VN	D hoặc sau đó* ²		
VL-V701BX	D hoặc sau đó	<ul style="list-style-type: none"> Cho phép số hộp phân kênh tối đa có thể tăng tới 10. 	
VL-V701TK	C hoặc sau đó		
VL-V701SX	C hoặc sau đó		
VL-V701VN	C hoặc sau đó		

Các tính năng nâng cao phiên bản 3

Mã model	Hậu tố (chữ số thứ 5 của số sê-ri)	Tóm tắt thay đổi	Phần mềm đã tải lên trang web
VL-V900BX	G hoặc sau đó	<ul style="list-style-type: none"> Khi bộ điều khiển thang máy sử dụng tín hiệu chuyển tiếp, các cài đặt dừng ở nhiều tầng đối với tất cả các thang máy (lên đến 5 cài đặt tầng riêng biệt) được hỗ trợ. Có thể cấu hình một "mã mở" dùng để mở khóa trạm thu hình gắn sảnh cho mỗi căn hộ. Khi một trạm thu hình gắn sảnh được mở khóa, một âm thanh thông báo được gửi từ trạm thu hình gắn sảnh tùy vào cài đặt. 	Công cụ cài đặt phiên bản 3 (bao gồm công cụ PC phiên bản 2)
VL-V900TK	E hoặc sau đó		
VL-V900SX	F hoặc sau đó		
VL-V900VN	F hoặc sau đó		
VL-V901BX	A hoặc sau đó		
VL-V901SX	A hoặc sau đó		
VL-V901VN	A hoặc sau đó		
VL-V700BX	H hoặc sau đó		
VL-V700TK	E hoặc sau đó		
VL-V700SX	G hoặc sau đó		
VL-V700VN	G hoặc sau đó		

7.5.4 Tăng âm lượng loa trạm thu hình gắn sẵn

Tham khảo phần 7.5.1 Số sê-ri (Trang 87) để xác nhận trạm thu hình gắn sẵn hỗ trợ các tính năng nâng cao để điều chỉnh âm lượng loa trạm thu hình gắn sẵn. Có thể điều chỉnh âm lượng loa bằng cách tháo nắp vỏ và thay đổi vị trí các công tắc. Sau khi điều chỉnh, hãy gắn nắp vỏ lại.

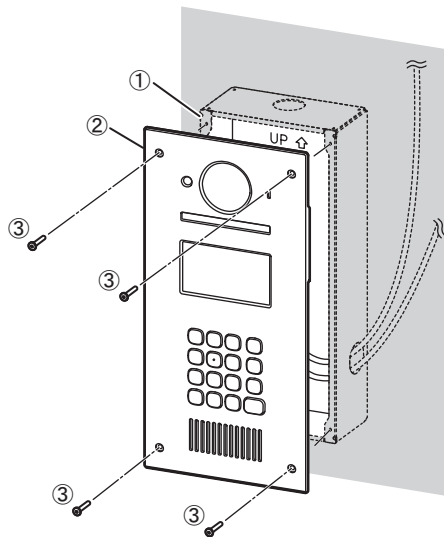
Quan trọng:

- Trước khi tháo nắp bộ vỏ để điều chỉnh âm lượng loa, hãy ngắt cầu dao điện. Sau đó, tham khảo thông tin an toàn trong phần 2 Thông tin quan trọng (Trang 8) và thực hiện theo quy trình dưới đây để điều chỉnh âm lượng.

Khi cần sửa chữa, vui lòng liên hệ trung tâm bảo trì ủy quyền.

Mờ hoặc tháo bỏ nắp đậy có thể gây điện giật hoặc các rủi ro khác.

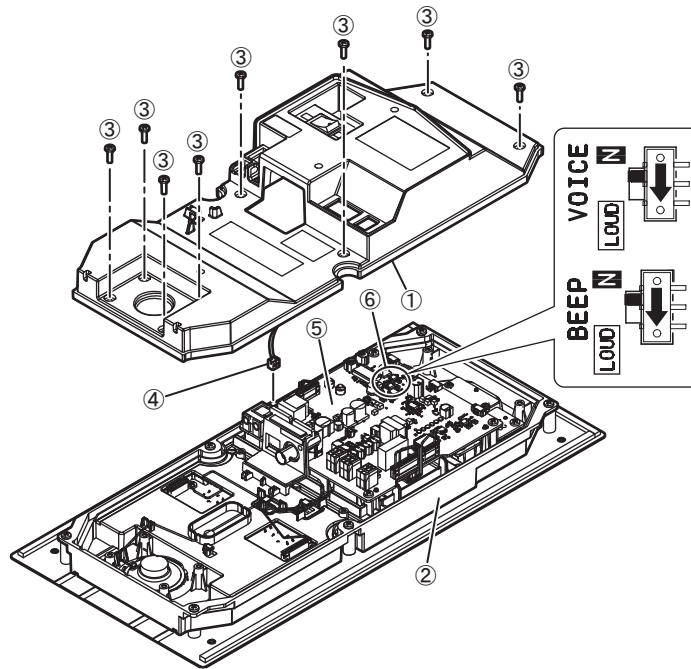
- 1 Nếu đã lắp trạm thu hình gắn sẵn, tháo (②) ra khỏi hộp âm tường (①). Dùng cờ lê lục giác đi kèm để tháo 4 vít (③).



- 2 Tháo nắp vỏ (①) ra khỏi vỏ trước (②), điều chỉnh âm lượng, và sau đó gắn nắp vỏ lại.

- Tháo toàn bộ 8 vít (③).
- Ngắt đầu nối (④) ra khỏi bảng mạch (⑤).
- Có 2 công tắc trượt (⑥ ("BEEP" và "VOLUME")) sử dụng để cài đặt âm lượng loa trên bảng mạch. Để tăng âm lượng, trượt cả công tắc "BEEP" và "VOLUME" sang "LOUD".
 - Cài đặt mặc định của các công tắc là "N" (bình thường).
 - Âm lượng loa tăng khoảng 6 dB.

- Gắn đầu nối (④) vào bảng mạch (⑤), và sau đó gắn lại nắp vỏ bằng cách siết chặt các vít (③).



- 3 Tham khảo phần 4.3 Lắp đặt trạm thu hình gắn sầnh (Trang 24) và gắn lại trạm thu hình gắn sầnh vào hộp âm tường.

Panasonic Corporation

1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501, Japan
<http://www.panasonic.com>

© Panasonic Corporation 2015